

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

ĐOÀN - THÊM VIỆN HÀN LÂM HAY VIỆN
VĂN HÓA ? • ANH - VIỆT *Liên-hiệp-quốc* và các
nước A-Phi • NGUYỄN-PHƯƠNG VIỆC DẠY SỬ
Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC • TRĂNG-THIÊN
các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại • ĐOÀN-THÊM
thủy triều XI • NGUYỄN - VĂN - TRUNG *chính trị*
hóa nền giáo dục • HỒ - HỮU - TƯỜNG TRÂM
TƯ : VỀ HÒA - BÌNH • SƠN - NAM *đi vào*
sốc • TRẦN - ĐẠI *thơ của bé hoa* • UIÊN - HÀ
LỮ-QUỲNH — LÊ-ĐÌNH-PHẠM-PHÚ — HOÀNG-
LỘC — NGUYỄN-LÊ-CANG — HỮU-PHƯƠNG —
THANH-THUYỀN *thơ* • TÚY-HỒNG *vòng tay anh* •
NGUYỄN-VĂN-HẦU — NGUYỄN-CHÍNH-GIÁO *bài thơ*
khóc thầy của chí sĩ Nguyễn-Quang-Đieu • HOÀNG-
ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay học trò* • NGUYỄN-
NGU-Í (*thuật*) *tinh thần triết học Ấn-Độ* • HAI
GIỜ VỚI VÀI VỊ
CHỨC SẮC ĐẠI ĐẠO
TAM KÌ PHỒ ĐỘ .

175



Thanh thoát

Fine

Dịu dàng

Racée

Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO

EAU
DE
COLOGNE

L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^U F^U DES DISTILLERIES DE L. I. C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên để đặt kiểm
soát lại nắp chì ngửa gian
bọc ở miệng chai chánh gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghĩ (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỔ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỔ VÀ KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA); VÀ CÓ TỬ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300\$ TRỞ LÊN.



Đường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần : THỨ BA và THỨ BAY

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba : Khởi hành tại SAIGON : 08 g 30

Mỗi thứ Bảy : Khởi hành tại SAIGON : 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÃNG DU-LỊCH HAY

**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HUỆ SAIGON Đ.T. 21.624, 21.625, 21.626



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mại Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04



TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207



ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG



ĐẠI DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21.633

AGENCE DE CHOLON :

218, đại lộ Đồng-Khánh

Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,*



DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET
NAM

SAIGON

AGENCE 32, Dai Lô Hàm Nghi —
Tél 20 065 20.066, 20 067,

BUREAUX : 178 - 180 182, Duong Lê-
Thanh-Tôn (Marché cen-
tral) Tél. : 22 142
417 Duong Hai Bà
Trung (Tân Định) Tél. .
25.172.

CHOLON : AGENCE 386, Dai lô Đông Khanh
(Cholon) Tél. 36.105.

KHANH-HUNG : AGENCE : 23, Duong Hoang Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA

trong số này

Số 175 ngày 15-4-64

ĐOÀN-THÊM	viện hàn lâm hay viện văn hóa ?	3
ANH-VIỆT	Liên-Hiệp-Quốc và các nước liên kết Á-Phi	11
NGUYỄN-PHƯƠNG	việc dạy sử ở các trường Trung học	19
TRẦN-THIỆN	các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại	29
ĐOÀN-THÊM	thủy triều XI (thơ)	37
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	chính trị hóa nền giáo dục	45
HỒ-HỮU-TƯỜNG	trầm tư của người tội tử hình: về hòa bình	51
SƠN-NAM	đi vào Sốc	56
TRẦN-ĐẠI	thơ của bé Hoa (thơ)	58
UIÊN-HÀ	mây bao giờ thôi bay — LỮ-QUỲNH kết cuộc —	59
	LÊ-ĐÌNH-PHẠM-PHÚ ưu phiền	60
HOÀNG-LỘC	lời dỗ — NGUYỄN-LÊ-CANG hai mẹ con (thơ)	68
TÚY HỒNG	vòng tay anh (truyện)	69
MINH-TUẤN	hoài niệm (thơ)	70
NGUYỄN-VĂN-HẦU — NGUYỄN-CHÍNH-GIÁO	bài thơ khóc thầy của chí sĩ Nguyễn-Quang-Diêu	71
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG	vòng tay học trò (truyện dài)	75
HỮU-PHƯƠNG,	đàn nhận trên sông — còn gì (thơ)	76
THANH-THUYỀN	loài chim bay cao (thơ)	77
NGUYỄN-NGU-Í	(thuật) tinh thần triết học Ấn-Độ — hai giờ với vài vị chức sắc Đại đạo tam kì phổ độ	84
NGUYỄN-NGU-Í,	ba bài thơ họa	

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

Vài biện pháp phát triển văn hóa

Tội nghiệp cho thanh thiếu niên

Lại sắp đến mùa thi

Một hình thức xâm nhập mới
của Cộng sản

Nhạc Jazz

Nhiễm-sắc-thề và di-truyền tính

Một công cuộc nghiên cứu ngoại
ngữ

Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-
thám Anh

Giao điểm lãnh độ

Biện chứng pháp và nhân bản học

Đàn hỏa và Xá-Lợi

Mấy ý nghĩ và sứ mệnh đạo
Phật

Những xu hướng mới trong âm
nhạc

Một nhà vô địch nhện dôi (dịch
Kafka)

Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol-
jénitsyne)

Tình yêu đất (truyện ngắn)

An ủi (truyện ngắn)

Gió trên đồi (truyện ngắn)

Lạnh tuổi vàng (truyện ngắn)

ĐOÀN-THÊM

TRẦN-THÚC-LINH

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

ĐÀO-QUANG-HUY

TRẦN-VĂN-KHÊ

VÕ-QUANG-YẾN

NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

CÔ-LIÊU

TRẦN HƯƠNG-TỬ

NGUYỄN-VĂN-THƯ

PHÙNG-KHÁNH và

LÊ-VĂN-HAO

TÔN-THẮT-TIỆT

HOÀNG-MINH-TRÍ

NGUYỄN-MINH-HOANG

VÕ-HỒNG

LÊ TẮT ĐIỀU

TRÙNG-DƯƠNG

TRẦN-THI-NHÃ-CA

Viện Hàn-Lâm hay viện Văn-Hóa ?

ĐOÀN THÊM

Ít lâu nay, nhân khi bàn về các vấn-đề cải tiến, nhiều bạn nhà văn hay nhắc nhở tới sự thành-lập một cơ-quan thường có ở nhiều nước : Viện Hàn-Lâm.

Theo ý đa-số, chỉ có tổ-chức đó mới đem lại sự nâng-đỡ cần-thiết cho các giới văn-học nghệ-thuật và thúc đẩy công-cuộc phát-triển văn-hóa.

Còn về tổ-chức, thì có bạn muốn phỏng theo của Viện Hàn-Lâm Văn-chương Pháp (Académie Française), và quan niệm nhiệm-vụ chính-yếu của Viện là soạn thảo các bộ từ-điển, nhất là từ-điển bách-khoa (encyclopédies).

..

Về nguyên-tắc, sự một cơ-quan

chuyên-trách với mục-đích như trên, sẽ đáp lại một nguyện-vọng tha-thiết của bất-cứ ai quan tâm đến tiền-đồ văn-hóa dân-tộc.

Tuy-nhiên, nếu dập theo khuôn-mẫu của Viện Hàn-Lâm Văn-chương Pháp, thì rất e rằng hoạt-động của cơ-quan sẽ không phù-hợp lắm với hiện-trạng của xứ sở.

Không phủ nhận giá-trị tinh-thần của Viện Hàn-Lâm Pháp, tôi thấy viện này chỉ được đặt đúng chỗ ở giữa một quốc-gia đã sẵn cơ-sở và dư phượng-tiện phát-huy văn-hóa : có phải là trường hợp VN không ?

Văn-chương Pháp, dù không có Viện, cũng vẫn thịnh đạt, nhờ sức các tư-nhân hoặc các đoàn-thể khác, các nhà in, nhà sách, các văn hội

thi-xã, trường đại-học : ở V.N. các nỗ-lực riêng không đủ mạnh.

Các văn-nhân, thi-sĩ Pháp thường tự mình cố gắng, gây thành-tích mà nổi tiếng, còn sự gia-nhập Viện Hàn-Lâm, chỉ là một phần thưởng cao-quí cho một đời tận-tụy với văn-hóa : song ở bên ta, sự cần-thiết là tác thành cho các tài-năng chưa đủ điều-kiện nảy nở, chớ đâu phải là bất-tử-hóa thiểu-số nào ?

Vẫn biết Viện còn khuyến-khích giới nhà văn bằng các thứ giải thưởng : song số tiền rất ít, và sách được thưởng chưa chắc đã thuộc loại bán chạy nhất, chứng có là trong vài trăm giải phát hàng năm, mấy tác-phẩm đã được công-chúng biết ? (1) Trái lại, nhà văn mong quen biết giới xuất - bản và giới phê-bình cho có lợi hơn : nếu tôi không lầm, ước mơ day dứt nhất của các bạn cùng tôi, là được ai in giúp sách, còn khen chê là việc của bà con.

Sau hết, trải ba trăm năm nay, Viện Hàn-Lâm Pháp hoạt động cũng không nhiều : cuốn văn-phạm đầu tiên, mới ra đời được từ 1935, và pho từ-điển cũ phải soát lại trong 57 năm mới tái bản được lần thứ tám, vì mỗi tuần họp bàn có một giờ (2) còn những cuốn sách khác mà Viện phải làm theo qui-chế 10-7-1816, thì vẫn chưa thấy : tu từ (Rhétorique) thi-pháp Poétique) phê - bình (Critique). Dù sao, ở Pháp, đã vô-số người hay tổ chức khác lo viết các loại sách

kia, thì sự trề nải của các cụ Hàn cũng chẳng gây thiệt hại cho văn-học Pháp : nhưng một xứ nghèo như xứ ta, sao có thể đặt ra một cơ quan có tính-cách xa-xỉ-phảm như vậy, đề tốn công-nho và đề cho quốc-dân đợi chờ thêm vài thế-kỷ ?

Đành rằng văn-chương nghệ-thuật là việc muôn thuở, song bên cạnh những vấn-đề muôn thuở, còn bao nhiêu nhu-cầu khẩn-bách mà thế-hệ đương đòi thỏa mãn :

— cung cấp sách đọc để trau giồi kiến-văn cho học-sinh, sinh-viên đại-học, và các giới hiếu học nói chung, khi đa-số không đủ vốn liếng ngoại-ngữ,

— phổ biến cho đại - chúng, những sách thường-thức mà công-dân hạng trung-bình ở nước nào hiện nay cũng phải biết để theo kịp thời-đại,

— cứu vãn gấp kho-tàng cổ học bằng cách thuê thập và phiên dịch các tài-liệu Hán-văn, để người tân-học có thể sử-dụng trong việc nghiên-cứu,

— khuyến khích mọi công-cuộc nghiên-cứu và sáng-tác có ích lợi trực-tiếp cho sự phổ-biến văn-minh nhân-loại và xây-dựng quốc-học. In giúp hoặc trợ cấp để in sách có giá-trị hoặc được giải thưởng,

(1) Xin coi BK số 100. *Những giải thưởng của các Viện Hàn-Lâm Pháp.*

(2) Xin coi *L'Académie interdite au public* của Edith Mora, Nouvelles Littéraires 13-2.64.

— Nâng đỡ các tổ-chức và hoạt-động nghệ-thuật, thúc đẩy sự phát-triển các bộ-môn, để tới một nghệ-thuật VN tân-tiến,

— Liên lạc với các cơ-quan văn-hóa trên thế giới, để trao đổi tài liệu, và tham gia các hoạt-động văn-hóa quốc-tế.

Nếu vậy, thì không thể chỉ nhóm họp lấy lệ và bàn suông mỗi tuần lễ một hai giờ, nhưng sẽ phải cố gắng hàng ngày: sưu tầm, dịch thuật, biên soạn, khảo cứu, phê bình, chỉ dẫn, cổ động, trình diễn, ấn loát v.v...

Muốn đạt các mục-tiêu đã vạch, cần có tổ-chức chuyên-trách. Tổ chức này chắc phải dựa vào chánh-quyền để có phương-tiện, nhưng phải được quyền hoạt động rộng-rãi, thoát ly những thủ tục gò bó của công-sở, và giữ tinh-cách khách-quan cao-quí thì mới bảo vệ nổi các giá-trị tinh-thần.

Nên tôi mong ước một cơ-quan gọi là Viện Văn-Hóa Việt-Nam; xin tránh danh từ « Viện Hàn-Lâm», vì mới nghe đã thấy phảng phất mùi phong-kiến xa xưa. Vả lại hai chữ Hàn-Lâm đã bị các thời qua hạ giá quá nhiều, và gợi sự bán quan mua tước để thỏa mãn lòng háo danh của nhiều người lớp trước.

Viện Văn-Hóa sẽ là một cơ-quan tự-trị có tư-cách pháp-nhân và có ngân-sách riêng.

Viện có thể tiếp nhận các trợ-cấp, tặng-sản, di-sản bằng hiện-vật hay ngân-khoản, của các pháp-nhân

hay cá-nhân để sử-dụng vào những công-cuộc văn-hóa.

Cơ-cấu tổ-chức của Viện như sau:

— Một Hội-Đồng kế-hoạch văn-hóa.

— Một Ủy Ban quản-trị.

— Các cơ - quan văn - hóa phụ-thuộc.

**

Hội-đồng kế-hoạch văn-hóa gồm có :

— những Hội - viên danh - dự (membres d'honneur).

— những Hội - viên thực - thụ (membres titulaires)

— những Hội - viên tham-khảo (membres correspondants).

Số Hội-viên thực thụ có thể tạm thời ấn-định là 30. Lúc đầu, không cần đủ số ngay, khi nào thấy người xứng đáng thì hãy mời gia nhập.

Các Hội viên thực-thụ và tham-nghị sẽ thuộc một trong hai ngành Cổ-học và Kim-học, và chuyên trách về các môn sau ở mỗi ngành :

Sử-học và các môn phụ-thuộc, Ngữ-học, Nhân-chủng-học, Chánh-trị, Kinh-tế, Xã-hội, Triết-học, Văn-chương, Nghệ-thuật (Hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc, ca-nhạc, vũ-kịch, điện-ảnh). v.v...

Số môn có thể tăng nếu cần.

Các Hội-viên lớp đầu sẽ do chánh-quyền chỉ định trong số các học-giả, văn-nhân hay nghệ-sĩ có tên

tuổi : hãy đành như vậy, vì sự dễ-cử do các giới, e sẽ rất khó-khăn. Song nếu có thể bầu ngay, thì còn gì bằng ?

Hội-viên thực thụ phải có quốc-tịch Việt-Nam. Người ngoại-quốc cũng có thể được cử làm hội-viên danh-dự hoặc tham-khảo.

Nhiệm-kỳ hãy định là 3 năm, song có thể hết trước hạn vì sự từ-chức, hoặc vì lý-do kỷ-luật.

Sau 3 năm thử-thách, Hội-viên lớp đầu có thể được tái-cử. Song mỗi khi có chỗ khuyết, thì Hội-đồng sẽ bầu lấy Hội-viên điền khuyết, và chỉ trình lên chánh-quyền thừa-nhận mà thôi : cũng phải theo thể-thức này, đề phòng những sự quá-lạm vì cảm-tình riêng ; đối với Viện Hàn-Lâm Pháp, cũng có lệ tương-tự.

Nếu được tái-cử sau 3 năm, hoặc được Viện bầu vào, thì sẽ thành hội-viên vĩnh-viễn.

Chủ-tịch Hội-đồng, và các Phó Chủ-tịch sẽ do các Hội-viên bầu theo đa-số, với nhiệm-kỳ 1 năm.

Mỗi Hội-viên thực-thụ, sẽ tham dự Hội-đồng và thảo-luận về các chương-trình cùng các vấn-đề quan-trọng ; và tùy theo năng-lực, có thể đảm-nhiệm công-tác ở một Ban trong Viện.

Hội-viên tham-khảo cũng cộng-tác với một Ban, nhưng liên lạc bằng thư-tín, hoặc được mời tham dự Hội-đồng nhưng không biểu quyết.

Các Hội-viên không có lương-bổng. Song Hội-viên thực-thụ được

một khoản thù-lao vừa phải, nhất là khi học-giả, văn-nhân, nghệ-sĩ của ta thường phải lo nhiều đến sinh-kế. Thiết nghĩ ít nhất mỗi ngày cũng phải 500 ₭.

Viện cũng sẽ có rất nhiều công-việc linh-tinh như của một công-sở lớn : soạn thảo dự-án ngân-sách và thi-hành ngân-sách của Viện ; kiểm soát các cơ-quan phụ-thuộc Viện về phương-diện hành-chánh và tài-chánh ; đôn đốc các nhân-viên hành-chánh và chuyên-môn của Viện ; đảm-nhiệm công-việc liên-quan đến sự điều-hành Hội-Đồng ; liên lạc với các cơ-quan chánh-quyền, v.v...

Nên Viện cũng cần có một ban Quản-trị gồm Chủ-tịch, các Phó chủ-tịch và một Tổng-Thư-ký.

Những chương-trình do Hội-Đồng Kế-Hoạch chấp-nhận, sẽ được thi-hành

— do toàn-thể Hội-đồng đối với một số công-tác chung, như soạn từ-điển.

— do các Ban chuyên-trách : như ban tài-liệu, ban dịch-thuật, ban tổ-chức văn-ngệ, ban ấn-loát v.v...

Trưởng-Ban có thể là một Hội-viên hay một nhân-viên của Viện.

Những nhân-viên trong Ban sẽ thuộc một ngạch Phụ-khảo Văn-hóa có qui-chế riêng rộng-rãi hơn qui-chế công-chức : một đặc-điểm, là sự tuyển dụng sẽ căn-cứ trước hết vào khả-năng thực-sự, và thành-tích sẽ có thể đem thay bằng-cấp.

Tưởng tượng thì dễ, nhưng thực hiện làm sao ? Sự thành-lập một Viện Văn - Hóa như trên, chắc sẽ gặp nhiều khó-khăn trong thực-tế, về các phương-diện nhân-sự và tài-chánh.

Phụ-khảo thì chẳng thiếu, và tôi không mong gì hơn là một số nhà văn hay nghệ-sĩ có khả-năng và đã từng chịu đựng nhiều sự lao-khổ để phụng sự văn-hóa, sẽ có cơ-hội giúp ích trong những điều - kiện thuận-lợi hơn.

Còn Hội-viên của Viện, thì sẽ là những vị nào ? Đối với những cụ cần mời vào ngành Cổ-học, chắc sẽ tương - đối dễ dàng, vì hiện nay chỉ còn chừng dăm bảy chục cụ, mà phần đông vì tuổi - tác cũng ngại không làm việc được nhiều. Song nếu không nhờ gặp, thì một mai đây, tìm đâu ra các bậc túc-nho ? hoặc sẽ phải đợi chừng mười năm nữa, những sinh-viên Văn-khoa hoặc Viện Hán-Học mới đủ thời-giờ lập thành-tích và gây tín-nhiệm ?

Nhưng khó nhất là chọn các Hội-Viên ngành Kim-học. Kể về học-vấn, thì bằng-cấp nào cũng có. Nhưng về thành-tích, thì — xin đại xá cho lời nói thật —, đành phải nhận rằng chưa rức-rở, có lẽ vì nhiều người còn thiếu dịp tỏ tài. Dù sao, Viện Văn-Hóa theo quan-niệm của tôi, đòi hỏi trước hết thiện-chí đối với tương-lai tinh-thần của dân-tộc : được động-lực đó thúc đẩy, thì người có căn-bản học-vấn, tất sẽ thành công.

Về phía nghệ - thuật, Hội-Viên không nhất-thiết phải là nghệ-sĩ thuộc hạng « quái - kiệt » ; nhưng phải hiểu biết nhiều về ngành và giới của mình, lại có óc tổ-chức, để đem kinh-nghiệm mà tìm những biện-pháp nâng đỡ và mở mang các hoạt-động sáng-tác. Nếu không tạm định tiêu-chuẩn, thì sẽ xảy ra nhiều ngộ-nhận và suy tị trong sự kén người cho Viện.

Có người rồi, thì kiếm đâu ra tiền ? Trụ-sở, dụng-cụ, vật - liệu thương dùng, cũng như ở một Nha lớn, sẽ tốn ít nhất là 5 triệu buổi đầu ; và hàng năm, về ngân-khoản trả nhân - viên và vật-liệu, tính thử cũng thấy lên tới 30 triệu (các cơ-quan văn-hóa thuộc Bộ Giáo-Dục, tốn 13.278.000 đ. Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, 15 triệu).

Ấy là chưa kể những ngân-khoản cần-thiết cho các hoạt-động văn-hóa : phát các giải thưởng, tổ chức triển-lãm, nhạc-hội, trợ cấp cho các đoàn-thể văn-hóa, in sách của Viện và in giúp cho các tác-giả thiếu phương-tiện : riêng về việc này, cũng phải hàng chục triệu. Có bao nhiêu hay bấy nhiêu ; thôi thì Viện hãy cố được sử-dụng chừng 20 triệu.

Ước toán cho tròn 50 triệu. Năm mươi triệu cho văn-hóa (so với 68 triệu trả Dân-Biểu và 124 triệu nuôi tù 1963), kể cũng không nhiều, song lấy ở đâu, nhất là khi công-nho phải đổ dồn vào công-tác bình-định ?

Chẳng lẽ lại cũng theo gương

nhiều tổ chức khác, mà trông cậy vào một phần Xô Số Kiến-Thiết, tiền đưa ngựa, hay đi xin trợ-cấp của các đoàn-thể văn-hóa quốc-tế ? Cho nên giấc mộng của tôi, tới đây gần tỉnh.

Song tỉnh giấc chưa phải là chấm dứt ước mơ. Vì các trở-lực không phải là không thể vượt.

..

Dù sao, nếu một ngày kia Viện được thành lập, thì quả là sự đáng mừng, nhưng cũng là một mối lo.

Vì đã ra đời, thì phải được việc : song thành-quả chỉ có thể đạt nếu phương-tiện dồi-dào, và nếu mỗi Hội-viên có nhiệt-huyết và khả-năng đề xướng đáng là con người văn-hóa.

Nếu hai điều-kiện đó không đủ, nhất là điều-kiện thứ hai, thì rồi Viện cũng như một số cơ-quan khác

sẽ dễ rời xa mục-đích, đi lạc đường lối, bị lợi-dụng bởi lòng tư-kỷ tâm-thường.

Vì bất-cứ tổ-chức nào, hễ buổi đầu thiếu qui - củ chặt chẽ, thì chẳng bao lâu sẽ bị lệch-lạc, mà đã thế thì rất khó lòng uốn nắn.

Trái lại, nếu ngay từ khi thiết-lập, Viện đã giữ được kỷ-cương, thì dễ gây truyền-thống vẻ vang mà tồn-tại cùng đất nước.

Nên rất mong rằng Viện Văn-Hóa kia trong vài chục năm nữa, sẽ thành một cơ-quan mà sự gia-nhập được người trí-thức do ước như một vinh-dự nhất đời.

Thôi thì hãy nuôi một nguyện-vọng xa vời cho con cháu chúng ta.

ĐOÀN THÊM

Kỳ tới : Nếu không lập được Viện Văn-Hóa

● Rất nhiều người không bao giờ trẻ ; vài người chẳng lúc nào già.

G.-B. Shaw.

MỘT TRĂM ĂN PHẨM LOẠI ĐẶC BIỆT

MÂY BÀO

● Tiểu thuyết NGÔ-THẾ-VINH

● NGHIÊU - ĐỀ trình bày

CÓ BÁN TẠI TÒA SOẠN BÁCH KHOA

Giá đã trừ 30% : 70\$

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐƠN TÔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI-CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHANH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

LIÊN-HIỆP-QUỐC VÀ CÁC NƯỚC LIÊN KẾT Á - PHI

● ANH VIỆT

(xin xem B.K. từ số 174)

Lá phiếu của các quốc gia không liên kết Á - Phi tại Liên-Hiệp-Quốc.

Ở Hoa-Kỳ và nhiều nước Tây-Âu đã có nhiều người lo lắng tự hỏi : Với các quốc gia Á-Phi tham dự Liên-Hiệp-Quốc càng ngày càng đông (hiện nay, họ đã chiếm tới quá nửa số hội viên Liên-Hiệp-Quốc : 61/113), liệu Hoa-Kỳ và Tây phương có chắc chắn lôi kéo mãi được đa số ở đại hội đồng Liên-Hiệp - Quốc không ? Đứng trước mối nguy các nước Á-Phi và nhất là các quốc gia không liên kết, bỏ phiếu về một phe chống lại quyền lợi của thế giới tự do, thì họ sẽ nghĩ sao ? Liệu họ còn đặt tin tưởng được vào đại hội đồng Liên-Hiệp-Quốc mà họ cho là một cơ quan càng ngày càng

nặng nề và phức tạp nữa không ?

Khi nêu lên mấy câu hỏi đó, họ đã căn cứ vào mấy giả thiết sau đây :

1) Họ cho rằng các quốc gia không liên kết có cùng chung với nhau một căn bản lý tưởng khiến cho các quốc gia đó có thể bỏ phiếu cùng một khối với nhau về một vấn đề nào.

2) Trong tình trạng của thế giới hiện tại, quyền lợi của họ có thể trái ngược với quyền lợi của Hoa-Kỳ nói riêng và của Tây Phương nói chung.

3) Vì thiếu kinh nghiệm về các vấn đề quốc tế, họ rất có thể có một thái độ vô trách nhiệm và do đó dễ thay đổi và có thể bị mua chuộc.

Tuy nhiên, những giả thiết đó còn phải đợi thời gian chứng -

minh. Cho tới nay chưa có sự kiện nào chứng tỏ các quốc gia không liên kết sẽ hành động theo những đường lối đã nêu ra ở trên.

Đề có một ý niệm về những lá phiếu của các quốc gia Á - Phi, chúng tôi xin nêu ra ở dưới đây kết quả của 80 lần bỏ phiếu quan trọng nhất tại Đại Hội đồng L.H.Q. và cả những phiên họp tiểu ban chính trong hai khóa họp thứ 15 và 16. (1960-1961).

Đến nay có thêm một số nước mới độc lập Á-Phi (chúng 10 nước) gia nhập L.H.Q. và một số biến cố quan trọng xảy ra như, vụ Cuba, vụ tranh chấp biên giới Trung Ấn, vụ kỳ thị chủng tộc ở Nam Phi, vụ tranh chấp Nam-Hà về Tây bộ Irian vụ Liên Bang Đại Mã Lai và gần đây vụ Chypre. Những biến cố đó tuy có thay đổi đôi chút trong thái độ chung của các nước Á Phi ở L.H.Q. nhưng thiết tưởng những kết quả lượng được trong 2 khóa họp thứ 15 và 16 cũng có thể giúp ta tìm hiểu về cái hướng đi của các nước chậm tiến Á Phi tại diễn đàn L.H.Q.

Xét các trường hợp Hoa-Kỳ và Liên-Xô bỏ phiếu trái ngược nhau tại đại hội đồng L.H.Q. và tại các tiểu ban chính, trong số 50 quốc gia Á Phi bỏ phiếu thì có 26,1% bỏ phiếu cùng phe với Hoa-Kỳ và 29,2% bỏ phiếu cùng phe với Liên-Xô.

Nay ta hãy thử phân tách việc bỏ phiếu của từng nhóm một. Ta thấy trong số 7 quốc gia bỏ phiếu không phải là Á-Phi (Áo, Phần-Lan, Ái-Nhĩ Lan, Thụy-Điễn, Nam-Tur, Chypre, Israël) thì có 43,5% cùng phía

với Hoa - Kỳ và 19,3 % cùng phía với Liên-Xô. Trong số 11 quốc gia Á-Rập (Arabie Séoudite, Irak, Jordanie, Liban, Lybie, Maroc, Cộng hòa Á-Rập thống nhất, Syrie, Soudan, Yemen, Tunisie) thì 11,6% bỏ phiếu về phía Hoa-Kỳ và 40,5% bỏ phiếu về phía Nga-Sô. Sở dĩ các nước Á-Rập bỏ phiếu ngược lại với Hoa-Kỳ nhiều hơn là vì hồi đó cuộc xung đột Do-Thái — Á-Rập đang tiếp diễn và khối Á-Rập có nhiều bất đồng ý kiến trầm trọng với Hoa-Kỳ và các nước Tây Phương. Những bất đồng này khiến cho địa vị của Hoa-Kỳ ở Trung-Đông cũng bị lung lay một phần lớn. Hiện nay Cộng hòa Á-Rập thống nhất là nơi rất hiếm trên thế giới mà viện trợ Nga nhiều hơn viện trợ Hoa Kỳ. Chừng nào cuộc tranh chấp Do-Thái Á-Rập còn chưa giải quyết được ổn thỏa, thì Hoa-Kỳ khó lòng nâng cao được tỉ số phiếu mà khối Á-Rập bỏ về phía mình.

Trong số 23 nước Hắc-Phi thì có 30,7% bỏ phiếu về phía Hoa-Kỳ và 24,4% bỏ phiếu về phía Liên-Xô.

Trong số 9 quốc gia Trung lập Á Châu thì có 19% bỏ phiếu về phía Hoa-Kỳ và 34,2% bỏ phiếu về phía Liên-Xô.

Một điểm cần chú ý nữa là, số các quốc gia không liên kết, không bỏ phiếu theo Hoa-Kỳ và cũng không bỏ phiếu theo Liên-Xô chừng độ 1/3 (31,3%). Nay ta hãy thử phân tách số phiếu của từng nước bỏ theo phe này hay phe khác, ta sẽ thấy như sau :

Các nước có số phiếu bỏ nhiều theo Nga : Guinée (59,4%), Mali (53,7%), Indonésia (53,7%), Irak (52,5%), Afghnistan (46,2%), Maroc (46,1%), Ghana (45%), Yemen (43,6%), Arabie Séoudite (43,0%), Ceylan (41,8%).

Các nước có số phiếu bỏ nhiều theo Mỹ : Mã-Lai (47,5%), Dahomey (47,4%), Niger (47%), Gabon (45,6%) Côte d'Ivoire (45%), Cộng Hòa Malagasy (44,7%), Lào 42,4%), Tchad (39,4%), Mauritanie (39,4%), Haute Volta (39,1%). Riêng Ấn-Độ có 10% lần bỏ phiếu theo hướng Hoa-Kỳ và 41,2% lần bỏ phiếu theo hướng Liên-Xô.

Ta phải nói ngay ở đây rằng trong những trường hợp các nước Á-Phi bỏ phiếu theo hướng Liên-Xô, không phải là các nước đó ủng hộ lập trường của Liên-Xô mà chính Liên-Xô đã khôn khéo đứng vào lập trường của họ để mà bỏ phiếu ngõ hầu gây ảnh hưởng đối với các nước chậm tiến.

Chúng ta cũng phải nhận thấy rằng trong bản thống kê nói trên người ta đã không tính các nước Á-Châu đã đứng hẳn về phe Tây-Phương như Trung-Hoa, Ba - Tư, Nhật-Bản, Pakistan, Phi-Luật-Tân, Thái-Lan, Thổ, hoặc đứng hẳn về phe Cộng-Sản như Mông-Cồ. Có nhiên là chúng ta chỉ nói tới những nước có chân trong L.H.Q. Các nước thân Tây-Phương nói trên ngoại trừ một số trường hợp liên quan đến vấn đề thuộc địa hoặc kỳ thị chủng tộc (như vụ Angola, vụ phân chủng ở Nam-Phi), đã ủng hộ các

nước Tây Phương một cách liên tục hơn các nước trung lập Á-Ph khác.

Nay ta hãy thử phân tách số phiếu trắng mà một số các quốc gia không liên kết Á-Phi thường bỏ ($\frac{1}{3}$ tổng số bỏ thăm như ở trên đã nói). Chúng ta nhận thấy số thăm trắng nhiều khi khá quan trọng. Trong khóa họp thứ 16 của L.H.Q, khi bỏ phiếu về vấn đề Cao ly, có 28 thăm trắng. Số thăm trong vụ Hung-Gia-Lợi là 31, trong vụ Tibet là 29 và trong vụ Palestine là 37. Phần lớn những thăm trắng đó đều là những thăm của những quốc gia không liên kết Á-Phi. 29 quốc gia Á-Phi đã bỏ phiếu trắng hơn 20 lần trong tất cả 80 lần bỏ phiếu : Cambốt bỏ phiếu trắng 38 lần, Togo 34 lần, Lào 28 lần, Afghanistan 27 lần. Riêng trong vụ Congo (20-12-1960), số thăm chia ra như sau : 43 phiếu thuận, 22 phiếu chống và 32 phiếu trắng. Trong 32 phiếu trắng đó có 26 phiếu của các quốc gia không liên kết.

Đứng trước tình trạng đó, chúng ta phải tự hỏi : Tại sao họ lại bỏ phiếu trắng nhiều như vậy ? Đó là vì họ phải đứng trước một vấn đề rất khó khăn, tế nhị.

Một đảng họ tự thấy có bốn phận phải hành động bất kỳ theo đường lối nào mà họ cho là thích hợp để ngăn chặn chiến tranh. Họ tưởng rằng có thể làm dịu tình hình và giảm bớt nguy cơ của chiến tranh lạnh bằng cách khuyến khích các đại cường nên tìm cách hiểu

biết và nhân nhượng nhau hơn và do đó họ cố gắng hòa giải các tranh chấp bằng những phương tiện hòa bình. Đôi khi họ có thể thực hiện được mục tiêu đó bằng cách ủng hộ những quyết nghị của L.H.Q. vì những vấn đề không trực tiếp liên quan đến họ.

Nhưng một đẳng khác, vì không muốn tham dự vào cuộc tranh chấp Đông-Tây, một số nước không liên kết cũng hết sức tránh không nhúng tay vào cuộc chiến tranh lạnh để rồi phải ủng hộ bên này hay bên kia. Do đó họ rất lầy lăm khó chịu khi thấy Mỹ hoặc Nga muốn lợi dụng L.H.Q. vào những mục tiêu chiến tranh lạnh của 2 nước đó. Ví dụ như trong vụ Tây-Tạng và Hung-Gia-Lợi, đáng lẽ họ phải đứng về phe hai dân tộc bị áp bức kia mà lên án Nga-Sô, Trung-Cộng, nhưng vì 2 vụ trên lại là hai đầu đề của cuộc chiến tranh lạnh. Nên một số nước đã yên lặng và bỏ phiếu trắng. Một đôi khi vì cũng sợ phật lòng Nga hoặc Hoa-Kỳ mà họ phải bỏ phiếu trắng.

Qua việc bỏ phiếu đó, người ta nhận thấy một cách rõ ràng có nhiều yếu tố chia rẽ giữa các nước không liên kết. Ví dụ, năm nước thuộc khối Casablanca (Ghana, Guinée, Mali, Maroc, Cộng Hòa Ả Rập Thống nhất chỉ bỏ phiếu cùng hướng với Hoa-Kỳ có 7,9 0/0 lần mà thôi trong khi đó 12 nước Phi Châu thân Pháp đã bỏ phiếu nghiêng hẳn về phía Hoa-Kỳ (từ Cộng hòa Trung Phi : 36,9 0/0 đến Dahomey : 47,5 0/0).

Vấn đề thừa nhận Trung Cộng

vào L.H.Q. là một vấn đề điển hình nhất. Năm 1961 trong cuộc bỏ thăm tại Đại hội Đồng L.H.Q. về việc đề cho Trung Cộng vào L.H.Q., người ta đã thu được kết quả là 37 thăm thuận 48 thăm chống và 19 thăm trắng. Nếu phân tách kỹ các lá thăm của các nước Á-Phi ta sẽ thấy có 19 thăm thuận, 12 thăm chống và 15* thăm trắng. Năm nay, khi L.H.Q. cũng phải giải quyết vấn đề này thì số thăm chia ra như sau 41 thăm thuận, 57 thăm chống và 12 thăm trắng. Ta thấy số thăm trắng giảm đi và số thăm chống tăng lên nhiều hơn số thăm thuận. Sở dĩ như vậy là vì người ta cho rằng Albanie đã vụng tính khi đặt vấn đề trục xuất đại biểu Trung-Hoa Quốc-Gia ra khỏi L.H.Q. Đáng lẽ phải đặt vấn đề : «Thừa nhận Trung-Cộng vào L.H.Q.» vì có một số nước Trung lập tuy muốn thừa nhận Trung-Cộng vào L.H.Q. nhưng lại không muốn trục xuất Trung-Hoa Quốc-Gia. Đó là trường hợp các nước Phi-Châu thuộc khối Brazaville. Vì thế cho nên các nước này, đáng lẽ bỏ phiếu trắng, đã bỏ phiếu chống.

Trong nhiều trường hợp khác ta cũng thấy có sự chia rẽ giữa các quốc gia Á-Phi trong việc bỏ phiếu, ví dụ như trong vụ dân tị nạn Palestine số phiếu chia ra như sau 25 thăm chống 11, 11 thăm trắng; Trong vụ Tây bộ Irian, nhưng con số đó là 26 chống 14, 6 thăm trắng trong vụ Mauritanie, ta cũng thấy 26 chống 12, 8 thăm trắng.

Những con số đó cho ta thấy rõ lập trường của các nước Á-Phi luôn

luôn thay đổi tùy theo vấn đề nhất là Phi-Châu là nơi có nhiều nhóm quốc gia mọc lên một cách nhanh chóng, thành phần luôn luôn thay đổi. Ví dụ bên cạnh khối các quốc gia Ả-Rập Bắc Phi (6 nước kể cả Algérie) lại có khối Casablanca trong đó cũng có 2 nước Cộng hòa Ả-Rập Thống nhất và Maroc nằm ở trong khối trên.

Ở phía Nam Sahara có một khối 6 nước, cựu thuộc địa Pháp; 4 nước khác lại lập thành một nhóm gọi là Hội đồng Liên Minh (Conseil de l'Entente) — Rồi ta cũng lại thấy 12 nước hợp thành khối liên hiệp Phi-Mã (Afrique-Malagasie) 3 nước Ghana, Guinée, Mali hợp thành một khối liên hiệp quốc gia Phi-Châu. Sau nữa ta cũng lại thấy khối Monrovia gồm 20 nước Phi-Châu. Đứng trước tình trạng luôn luôn thay đổi và tập hợp đó, ta khó lòng có được một tiêu chuẩn nhất định nào về thái độ của họ đứng trước cuộc tranh chấp Đông Tây.

Do đó ta có thể nói rằng các quốc gia không liên kết đã đóng ở trên thế giới một vai trò vượt xa khả năng kinh tế và lực lượng quân sự của họ rất nhiều. Thực vậy, đứng trên phương diện quân sự, lực lượng của họ tương đối rất yếu. Dù cho họ có tập hợp lực lượng lại họ cũng không thể trở nên mạnh được. Khi được hỏi về khả năng phòng thủ chung của các nước đó trong phạm vi khu vực của họ, một nhà ngoại-giao Á-Châu đã nói: « zéro cộng với zéro, cộng với zéro vẫn là zéro ». Nói vậy tuy có phần quá đáng nhưng điều đó cũng chứng tỏ là lực lượng

của họ không đáng kể trước lực lượng của các cường quốc.

Thêm vào đó, giữa các quốc gia không liên kết cũng có nhiều sự khác biệt về mọi phương diện: địa lý, lịch sử, chủng tộc, văn-hóa, ngôn ngữ, tôn giáo và về cả các định chế chính trị, kinh tế nữa, khiến cho họ khó lòng hoàn toàn đồng quan điểm được với nhau. Ta chỉ cần so sánh Indonésia và Tunisie, Ấn-Độ và Somalie, Irak và Nigeria hay Sénégal cũng đủ hiểu rõ những khác biệt đó.

Tuy nhiên các quốc gia không liên kết cũng có thể có nhiều quan điểm chung, nhiều nguyện vọng chung. Họ đều là những tân quốc gia nên họ đều muốn được thừa nhận, đều muốn được là hội viên bình đẳng của cộng đồng quốc tế. Họ đều chống chủ nghĩa thực dân. Họ đều muốn phát triển kinh tế. Họ đều chống nạn kỳ thị chủng tộc. Nhưng ngoài những điểm đó ra, họ không thể nào rút ra được một cái gì như là một căn bản lý tưởng cho một sự hợp tác chặt chẽ giữa họ với nhau để cùng theo đuổi mục đích chung bảo vệ hòa bình.

Do đó ta thấy lực lượng của họ có tính cách tiềm tàng hơn là thực tế. Nếu họ nhất trí cùng nhau biểu quyết tại đại hội đồng L.H.Q. thì họ có thể ngăn cản thông qua bất cứ một vấn đề nào ngược với quyền lợi của họ vì đa số quá bán hay đa số 2/3 bao giờ cũng là cần thiết. Đa số quá bán họ có thể có một cách dễ dàng. Họ cũng có thể, khi nghiêng về phía Tây phương

hoặc về phía Cộng-sản, làm nòng cốt cho một đa số 2/3 vững chắc để thông qua bất cứ một vấn đề nào đưa ra thảo luận tại L.H.Q. Tóm lại, nếu đoàn kết chặt chẽ họ có thể lái L.H.Q theo hướng đi của họ. Nhưng trên thực tế họ không bao giờ biểu quyết thành một khối hết. Họ thường chia rẽ trong những vấn đề quan trọng, một số nước này biểu quyết theo Cộng-sản, một số nước khác biểu quyết theo Tây phương, một số nước nữa thì lại bỏ phiếu trắng. Tuy nhiên sự có mặt của họ ở giữa hai phe cũng có tác dụng là có thể ngăn cản không cho thông qua một cách quá dễ dàng một số vấn đề đưa ra như trước kia nữa vì đa số cần thiết không dễ gì thu được nếu không có sự đồng tình hưởng ứng của một số lớn các nước Á-Phi.

Vai trò tương lai của các quốc gia không liên kết tại L.H.Q.

Có mấy sự kiện sau đây khiến cho ta phải suy ngẫm về vai trò tương lai của các nước Á-Phi.

1).—Năm 1960 Liên-Xô đưa ra chủ trương tam đầu chế (Troika), tại tổ chức L.H.Q.. Chủ trương này vì đã không được các nước Á-Phi tán thành nên Khrouchchev đã vội phải rút về. Người thừa kế ông Day Hammark-jocld không phải là một tổ chức tam đầu mà là một nhân vật thuộc nhóm Á-Phi: ông U Thant. Từ chức quyền Tổng thư ký L.H.Q., ông Thant đã thực thụ chức vị đó vào

đầu khóa họp thứ 18 của đại hội đồng L.H.Q. với sự đồng thanh của toàn thể các hội viên trong một thời hạn là 5 năm. Với ông Thant ở chức vị Tổng-thư-ký L.H.Q., các nước Á-Phi đã bắt đầu đóng một vai trò quan trọng trong tổ chức này. Ngoài ông Thant ra, ta thấy còn nhiều nhân vật Á-Phi lỗi lạc khác như ông Narasimhan của Ấn-Độ, ông Amachree của Nigeria, ông Gardiner của Ghana. Trong bộ tham mưu L.H.Q., thành phần Á-Phi càng ngày càng đông, dần dần thay thế các nhân viên thuộc 2 phe đối lập hoặc đến tuổi về hưu hoặc đã mãn nhiệm kỳ. Rồi ra có lẽ ta sẽ thấy tổ chức L.H.Q. là một tổ chức mà đa số thuộc thành phần Á-Phi.

2).—Trong khóa họp thứ 19 Đại-hội-đồng L.H.Q. đã chấp thuận thêm vào thành phần hội đồng tài bình cũ (gồm có 5 đại biểu Cộng sản và 5 đại biểu thế giới tự do) 8 hội viên mới trong đó có 7 là thuộc thành phần Á-Phi và Châu-Mỹ La-Tinh (Miến Điện, Ấn-Độ, Cộng-hòa Ả-Rập Thông nhất, Thụy-Điền, Éthiopie, Nigeria, Brésil, Mexique). Các nước Á-Phi đột nhiên chiếm được 5 ghế ngang với các nước Cộng-sản và Tây-phương. Do đó mà trong mai hậu họ có thể ảnh hưởng rất lớn đến công việc tài bình đem lại hòa bình cho thế giới, nhưng với điều kiện là họ phải đoàn kết trong việc biểu quyết.

3).—Mục tiêu chính hiện nay của các nước Á-Phi là chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới dù bất cứ từ đâu lại, vì thế cho nên

tuy không phải là một khối mà họ hành động như là một khối những khi nào vấn đề này đặt ra (ví dụ như đề nghị trừng trị Bồ-Đào-Nha về vụ Angola và trừng trị Nam-Phi về vụ kỳ thi chủng tộc). Nếu các nước Tây-phương đi ngược lại nguyện vọng đó, thì họ sẽ gặp phải sự chống đối của đa số các nước Á-Phi và chắc chắn sẽ thất bại trong mưu toan của họ. Nhưng nếu các nước Tây Phương bỏ hết mọi hình thức bóc lột dù là che đậy, họ sẽ gây được cảm tình đối với các nước Á-Phi và sẽ hoàn toàn hướng hoạt động của họ vào mục đích chung là bảo vệ hòa bình thế giới. Lúc đó Cộng sản sẽ không thể dùng L.H.Q. làm một nơi để quấy rối thế giới tự do.

Tháng 11 - 61, khi nói về các nước không liên kết Á-Phi, ông Dean Rush bộ trưởng ngoại giao Hoa-Kỳ đã có ý kiến như sau :

« Thỉnh thoảng họ cũng có thể nói những điều làm cho chúng ta phiền lòng. Về nhiều vấn đề riêng biệt, họ cũng có thể có những quan điểm khác với quan điểm của chúng ta. Trên một vài điểm họ có thể chỉ trích chúng ta bằng những lời lẽ nhiều khi kịch liệt nhất. Nhưng vấn đề là họ có thực sự độc lập không, họ có muốn sống cái đời sống theo kiểu nhân dân họ muốn không. « (1) » Lập trường đó đã khác xa với lập trường của ông Dulles ngày xưa. Hoa-Kỳ đã tỏ ra

thực tế hơn. Trong những năm gần đây các nước không liên kết vẫn giữ vững được độc lập và họ vẫn kiên quyết bảo vệ được lối sống của họ không nghiêng ngã theo phe nào. Hoa-Kỳ thấy cần đến họ hơn nên phải tìm hiểu họ hơn. Họ có thể hữu ích trong việc đóng vai trò hòa giải. Đề bảo vệ hòa bình hữu hiệu, họ có thể cung cấp quân đội hoặc nhân viên trong các phái đoàn quan sát. Và tình hình thế giới càng đen tối bao nhiêu thì vai trò của các nước không ngã theo phe nào lại càng cần thiết bấy nhiêu.

Các nước Á-Phi chắc sẽ càng ngày càng ý thức rõ được vai trò của họ trong công cuộc bảo vệ hòa bình và chống chiến tranh nguyên tử. Tổ chức L.H.Q. sẽ càng ngày càng mang nặng dấu vết của họ và trong tương lai tổ chức đó có hoạt động được hữu hiệu hay không, một phần lớn cũng là nhờ ở thái độ tích cực xây dựng hoặc thả lỏng buông chôi của họ.

ANH-VIỆT

(1) They will say things from time to time which will annoy us. They will take points of view in particular questions which differ from ours. They will criticize us specifically on certain points sometimes in the most vigorous terms. But the test is whether they are determined to be independent, whether they are trying to live out their own lives in the way in which their own people would like to have them shape it.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135. Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)
Téléphone : 21.902 — Lignes
22.707 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

Moha Vitheh Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F. A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main Bureau de Représentation, en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban B.N.C.I « A » ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba Bureau de Représentation BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta British and French Bank ; à Bâle Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama Panama Trust Co. Inc.

Việc dạy sử ở các trường trung học

Sự quan trọng của việc dạy sử

Nói đến việc dạy sử là nói đến cả một vấn đề quan trọng. Như thế, là vì sử mệnh lịch sử là một sử mệnh tối cao, và con đường lịch sử là một con đường quyết định, mà dạy sử chính là nêu lên sử mệnh đó và chỉ bảo con đường đó.

Thực ra, lịch sử không phải cái gì máy móc, nghĩa là có thể tính toán trước được nó sẽ xảy ra làm sao, nhưng cái đà lịch sử là cái đà nguyên nhân đem đến kết quả và cái đó mạnh như vũ bão. Cái đà đó, nó đang tiến lên oai hùng như sức lực của cả nhân loại dồn lại từ bao nhiêu thế kỷ trước và bây giờ đây đang xô đẩy hiện tại vào bước đường tương lai. Tương lai này, nếu chúng ta muốn biết nó ra sao, chúng ta hãy nhìn về quá khứ. Tương lai là kết quả và quá khứ là nguyên nhân,

muốn biết quả, người ta nhìn vào cây đó là một việc thường tình. Việc dạy sử, tức là dạy về quá khứ, cũng chẳng khác gì chỉ bảo cho kẻ khác biết cây đang ở đâu và cây đó thuộc về loại nào vậy.

Vì thế, việc dạy sử vụ vào chân lý. Khi nói muốn biết quá khứ, không phải người ta quan tâm đến một cái gì bịa đặt, vì nếu người ta quan tâm đến việc bịa đặt thì cứ ngồi yên mà tưởng tượng ra chứ cần gì phải mất công tìm kiếm. Đằng này, người ta phải đương đầu với tương lai, tức là một cái gì thiết thực liên hệ đến sự tồn vong, nên khi tìm về quá khứ, là nguyên nhân của sự tồn vong đó, người ta cốt mong muốn làm sao để thấy được sự thật. Biết cho đúng sự thật trong vấn đề lịch sử, vì thế, là một việc chủ chốt. Cái đà lịch sử nó cứ lăn đi, nếu người ta không biết nó để sử dụng nó, để điều khiển nó, tất người ta sẽ bị nó đè bẹp.

một cách tàn nhẫn. Có nó đó, mà chối rằng không có, cũng không sao tránh được hậu quả của nó. Quả bom nằm trước ngưỡng cửa, mà bảo rằng đó chỉ là quả bí, quả bom cũng vẫn cứ nổ sập nhà; con dao sắc cầm trong tay mà nói rằng nó cùn, con dao cũng vẫn cứ cắt đứt. Việc dạy sử cũng vậy, chẳng những nó chỉ bảo cho kẻ khác biết phân biệt quả bom với quả bí, tức là phân biệt những loại sự kiện khác nhau, mà còn biết phân biệt tầm độ khác nhau trong cùng một loại sự kiện, giống như phân biệt sự cùn hay sắc của con dao.

Hãy dùng nữa ví dụ vừa nói. Chúng ta biết rằng tai hại xảy ra, như đổ nhà, đứt tay, không phải là vì có quả bom, hay có con dao sắc. Nó xảy ra chỉ là vì không biết rằng đó là quả bom, đó là con dao sắc. Một khi người ta biết rõ rằng mình có quả bom, có con dao sắc, sự có quả bom và có con dao sắc này sẽ trở thành một hãnh diện, hơn nữa, một lực lượng. Biết được sự thật lịch sử cũng thế, càng biết rõ và biết nhiều, người ta càng mạnh mẽ hơn. Thường thường, vô tri bất mộ, nên càng biết, người ta càng miễn, và càng miễn người ta càng hăng hái để bảo vệ cái mình miễn. Hỏi người ta biết gì, khi người ta biết được sự thật lịch sử? Người ta sẽ biết đầu đuôi nguồn ngọn về cha ông mình, về đất nước mình. Người ta sẽ biết công trạng của tiền bối mình. Người ta sẽ biết được rằng, nếu bây giờ đây, mình đang hưởng được cái gì hay, cái gì tốt, thì cái hay, cái tốt đó đã được tạo nên nhờ bao nhiêu xương máu chồng chất, nhờ bao nhiêu mồ hôi nước mắt tuôn đổ. Và cả cái bầu không khí người ta đang

thở nữa, người ta cũng biết được rằng, sở dĩ nó không bị đầu độc, không bị ngột ngạt, mà trở thành khoáng khoáng, bổ dưỡng, như ngày nay, không phải là hoàn toàn nhờ của trời cho mà thôi, mà còn nhờ ở khí tiết cao cả của vô số các vị anh hùng nghĩa sĩ, trọn đời chỉ biết xả thân ái quốc, hy sinh vì giống vì nòi. Dạy sử chính là làm cho kẻ khác biết nhìn ngắm và yêu mến những sự thật uy linh như vừa kể.

Một thảm trạng trong quá khứ.

Bởi việc dạy sử quan hệ và cốt yếu như thế, nên ở các nước tiền tiến người ta đã chú trọng cách riêng đến bộ môn này. Họ có một chương trình sử học xứng đáng với địa vị của nó. Họ soạn thảo những sách giáo khoa đúng với trình độ của học sinh. Họ đào tạo những ông thầy dạy sử có đủ khả năng để đáp ứng với những đòi hỏi của công việc. Chẳng những thế, trên bước đường chinh phục của họ, họ còn đem truyền bá lịch sử của họ khắp nơi. Họ nêu lên trước mắt những dân bị trị gương anh hùng của đất nước họ, sức mạnh hơn người của quá khứ họ.

Đồng thời, cũng trong mục đích ích kỷ đó, họ cố dìm đi những gì có căn bản nơi các dân họ chinh phục được, cố xóa mờ đi những gì mang dấu vết hiển hách nơi các dân đó. Hoặc giả nếu không sao dìm hẳn được, hay xóa sạch đi tất cả quá khứ oanh liệt của những kẻ bị cưỡng bách ở dưới quyền họ, thì họ lại cố soay sở làm sao để chỉ nói đến những chỗ hoang đường bịa đặt, hay những vị anh hùng rút ra từ cội u linh, quái đản, không có một sức mạnh

thiết thực nào. Họ có thể lùi thêm một bước nữa, và cho phép con em của đất bị trị học lịch sử của chúng, nhưng bây giờ họ sẽ liệu cho chương trình chỉ dạy ít hết sức, ít đến nỗi vừa nghe lại vừa quên, hay là giao việc dạy sử cho những ông thầy không có huấn luyện, không có phương pháp sư phạm, nghĩa là những ông thầy không có khả năng khai trí tiến ích.

Việc dạy sử ở Việt-Nam trong mấy mươi năm vừa qua đã phơi bày những giai đoạn của thảm trạng đó. Kể từ 1918, người Pháp khua chuông gõ mõ tuyên bố đem nền văn hóa Tây phương sang gieo vãi vào Đông, dương, nhưng sự thực họ muốn đồng hóa người Đông-dương với người của đất nước họ để cho dễ cai trị, và một trong những việc « văn minh » họ làm là bắt học sinh Đông dương học lịch sử của họ và im bặt về quá khứ của địa phương. Đến khi họ thấy dân Việt-nam không thể chịu được sự nhục nhã đó lâu hơn, họ nêu lên chiêu bài nhân đạo, cho cải cách chương trình trong đó có nói đôi chút về Đông dương. Năm 1929, Thalamas thực hiện chương trình mới đó, nhưng nó chóng tỏ ra vô hiệu và đã chết mòn đi. Năm 1939, Bertrand đã phải cải cách lần nữa, cố nhiên là theo quan niệm thực dân một trăm phần trăm, và sử Việt-Nam được đem ra dạy mỗi tuần một giờ trong các trường Trung-học.

Thế rồi, thời thế biến chuyển, non sông dao động, và nước Việt-Nam độc lập. Trong chính phủ Việt-Nam người ta nhận được một Bộ Quốc-Gia Giáo Dục, và Bộ này dần dần đã ban bố một « chương trình Việt ». (Phải ngoặc

kép lại những chữ « chương trình Việt », vì bên cạnh nó ở Việt-nam vẫn còn có một « chương trình Pháp » giống hệt như trong thời thực dân, mãi cho đến ngày nay). Bây giờ, thử hỏi, trong « chương trình Việt » này, việc dạy sử Việt-Nam có được thay đổi gì không? Thừa cũng có mà cũng không, và có thì ít mà không thì nhiều. Có, là ở chỗ từ nay người ta không dùng Pháp văn làm chuyển ngữ nữa, mà dùng tiếng Việt, do đó dần dà sẽ có một sổ sách giáo khoa Việt ngữ ra đời. Không thay đổi, thì ở nhiều chỗ: giờ học Việt sử, trước kia mỗi tuần một giờ, sau cũng mỗi tuần một giờ; cách dạy Việt sử, trước kia bừa bãi chiếu lệ, nay cũng vẫn bừa bãi chiếu lệ; môn Việt sử, trước kia bị coi là môn phụ, bên cạnh môn lịch sử Pháp là môn chính, nay cũng vẫn bị coi là một môn phụ. Thái độ chung của nhà cầm quyền, cũng như thái độ của các thầy giáo và học sinh, sau cũng như trước, là một thái độ khinh rẻ, thờ ơ. Tại sao lại có thái độ ngược đời như thế?

Thái độ đó, rõ rệt là ngược đời, nhưng không phải là khó hiểu. Trước tiên là vì chính tình chung. Quả vậy, nói rằng độc lập, nhưng những chính phủ Việt-Nam lập ra « chương trình Việt » đó, còn là những lá bài của thực dân Pháp, không nhiều thì ít. Hay là những người giữ Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Việt-nam, dầu xác là Việt-Nam, nhưng hồn lại Pháp, đôi khi chính họ thuộc quốc tịch Pháp, hay có một bà vợ người Pháp và mặc dầu cầm đầu cơ quan giáo dục Việt-Nam mà hầu hết đều cho con học ở trường Pháp cả. Trong những trường hợp như thế, trọng

tâm của việc lập chương trình, của việc sắp đặt người dạy dỗ, đâu phải là ở Việt-Nam ? Bởi đó, nếu người ta vẫn cố giữ lại tất cả những cái còn có thể giữ được của chính sách người Pháp cũ, nào có lạ gì ?

Rồi, thái độ ngược đời kia còn có thể giải thích được nữa, vì trạng thái kiến thức của những người đảm đương công việc dạy sử. Ai cũng phải công nhận rằng, làm ông thầy, không phải là có mục đích đổ dồn tất cả những điều ông thầy biết vào trên học trò. Thầy không đọc cho học trò hết mọi kiến thức của mình, nhưng chỉ dạy cho chúng nó những gì chúng cần biết, tùy theo trình độ của chúng. Tuy nhiên, có một điều, thầy không làm sao được, đó là giảng dạy những điều mà chính mình không biết, hoặc không biết rõ. Vậy mà, trong thời « chương trình Việt » đem ra thi hành, người dạy thường không biết đủ những điều mình phải dạy. Là một chương trình mới, nói ra bằng một thứ tiếng mới (tiếng mẹ đẻ !), ông thầy tỏ ra nghèo nàn và ấp úng trong khi hành nghề. Về trước, những điều ông thầy đem ra dạy, có thể là những điều thông thường, học trò đã có nghe qua, hay đã biết ít nhiều, nhưng ông thầy sờ dī dạy xuể được, và giữ được uy tín, là nhờ thầy nói bằng Pháp ngữ. Bây giờ uy tín của thầy không phải dựa vào trên căn bản kiến thức về môn dạy, mà dựa ngay vào trên chuyển ngữ : tiếng Pháp. Lại cũng nhờ dùng tiếng Pháp nên học sinh ít hiểu, ít thắc mắc, ít đặt câu hỏi ; thặng hoặc có học sinh nào muốn chất vấn nữa, cũng có khi không dám lên tiếng vì

không biết đặt câu bằng tiếng Pháp ra sao. Cũng có những ông thầy, trong những giây phút lúng túng, đã thoát cơn bĩ được nhờ ở tài nói tiếng Pháp giỏi. Nay, khi phải dùng Việt ngữ để dạy, thầy không còn biết lấy gì để che giấu được sự tầm thường của điều thầy biết, hay để xóa được giới hạn hẹp hòi của lời thầy giảng giải. Thầy cũng có thể rất cố gắng trong việc dạy dỗ, nhưng thầy chỉ có thể cố gắng được với sức của thầy, và sức của thầy rất có giới hạn. Thật thế, giới hạn cố gắng của thầy, bấy giờ, chỉ là dịch ra bằng Việt ngữ, những bài giáo khoa đã được chép bằng Pháp ngữ, mà những bài này đã được thực dân chép ra với mục đích thực dân, như đã nói trên, nên kiến thức của nó chỉ có thể rất tầm thường. Như vậy thảo nào môn sử học đã bị vào một thế chương ngược, một thế bí.

Sau hết, thế bí của việc dạy sử vẫn còn tồn tại mãi lâu sau khi đã có một « chương trình Việt », sau khi đã có một số sách giáo khoa bằng Việt ngữ ra đời để giúp đỡ học sinh và giáo sư. Nó còn tồn tại dằng dai như vậy, là vì giá trị kém cỏi của đa số các sách giáo khoa sử. Người ta ai cũng nhận rằng, những người chép sách giáo khoa đó, vẫn có rất nhiều thiện chí muốn giúp ích cho việc dạy dỗ. Khốn nỗi, họ cũng bị vào tình trạng chung, nghĩa là lòng họ có thể có nhiều, mà sức chỉ có ít. Đàng khác, đang khi khắp nơi thiếu sách giáo khoa, họ còn có thể thấy rõ trước mắt một mối lợi to, mà người nào lạnh tay sẽ thu được nhiều. Tất cả đó dồn lại đã làm cho những tập giá

hoa sử ra đời mang nặng dấu vết hấp tấp, thiếu công trình nghiên cứu, thiếu kỹ thuật trình bày, không ăn khớp với trình độ kiến thức của học trò, nghĩa là chứa khuyết điểm nhiều hơn ưu điểm. Ai có ý đọc kỹ đa số các sách giáo khoa vẫn còn thông dụng cho đến ngày nay trong các lớp thuộc cấp Trung học, đều có thể nhận được tình trạng đau buồn đó. Để làm chứng, có lần chúng tôi đã đọc to lên trong tạp chí *Bách Khoa* (số 117) « một trang sử của ông Nguyễn-Văn-Mùi ». Với những sách giáo khoa thuộc về hạng đáng tiếc như vậy, hỏi thế nào làm được cho việc dạy sử trở nên hữu ích ?

Một cách dạy sử nô lệ.

Khi chưa có sách giáo khoa, thầy giáo tất nhiên phải dọn lấy bài riêng của mình, và rồi dạy theo lối riêng của mình. Về việc thầy dọn lấy bài riêng để dạy, trong buổi đầu, khi « chương trình Việt » mới được ban hành, thì như chúng tôi đã nói đến trên, đó là lối dịch những bài giáo khoa có sẵn trong các sách của thời Pháp thuộc. Sau này, khi sách giáo khoa xuất hiện — mà còn kém — giáo sư sẽ không dùng sách giáo khoa và cũng không cần dịch nữa, vì đã có bài dịch sẵn các năm trước. Họ dùng lại các bài cũ đó một phần lớn là vì các bài cũ đó đã tạo cho họ một cách dạy riêng, mà nay, vì những tiện lợi của nó, họ không muốn bỏ đi nữa. Cách dạy đó, họ sẽ cố duy trì mãi cả những khi đã có những sách giáo khoa tốt xuất hiện, nhưng bây giờ cách dọn bài của họ có thể khác đi chút ít. Bây giờ những bài dịch sách Pháp trước kia có thể đã thành quá lạc hậu, vậy thầy sẽ lấy một sách giáo nào kha khá đó, chép lấy bài

toát yếu, sửa đổi một đôi chỗ, tiếng dùng hoặc lối văn, để cho nó có vẻ là của riêng, rồi đem ra dùng. Cách dạy chúng tôi muốn bàn đến đây là cách « đọc cho chép ». Chúng tôi sẽ trình bày dài dòng phương pháp tai hại này và những hậu quả sâu xa của nó, nhưng ngay đây, chúng tôi xin ghi nhận rằng không phải tất cả những kẻ dùng lối sư phạm « đọc cho chép » đều chép lại bài của kẻ khác đã dọn và đem ra đọc, mà vẫn có những vị giáo sư đã tự dọn lấy bài một cách công phu. Dầu vậy, cách dạy đó vẫn không phải vì công phu vừa nói mà có kết quả nào tốt hơn.

Cách « đọc cho chép », lúc đầu, xem ra là một xử sự cần thiết. (Chúng tôi nói « xem ra », vì vẫn có thể dùng những cách dạy khác hữu hiệu hơn, như cách chúng tôi sẽ trình bày trong đoạn sau chẳng hạn). Nó xem ra cần thiết vì lúc đó chưa có sách giáo khoa và đảng khác học sinh cũng không có gì nữa để đọc thêm. Trong trường hợp như thế, cái đã tự nhiên, mỗi khi đến giờ học, là thầy đọc bài thầy đã dọn sẵn (bằng cách dịch hay cách nào khác) cho học trò chép lại để về nhà học. « Đọc cho chép » như vậy, tất nhiên bài không được dài, nhất là khi thầy còn xen vào vài lời giải thích. Một giờ học, trừ thời gian dành ra để kiểm vấn và để nói những điều khác cần cho việc điều khiển lớp, chỉ còn lại chừng 35 phút, hay 40 phút là cùng. Ngần ấy, chỉ có thể đủ để chép một bài chính tả lối xê xích một trang vở. Bài văn, việc dọn bài không phải mất công bao nhiêu, đó là cái lợi thứ nhất của phương pháp « đọc cho chép ». Cái lợi thứ hai là người dạy không phải

hao hơi tốn tiếng nhiều để giảng bài, vì đọc cho chép là một việc rất hao giờ, nên còn thời gian đâu để giảng giải, nếu thật sự thầy có lòng giảng giải. Cái lợi thứ ba là thầy khỏi mệt trí khôn, khỏi mệt trí nhớ, vì nào có cần gì phải tìm hiểu xa xôi và phải nhớ nhiều sự việc khi không có thì giờ để giảng giải, nhất là khi biết chắc học trò không có thì giờ để hỏi. Thầy biết chắc điều đó, bởi vì sự học trò có giờ dư để hỏi hay không là do chính việc thầy còn đọc nữa hay không.

Nhưng những « cái lợi » của phương pháp « đọc cho chép » về phía ông thầy đó nói lên hùng hồn những cái hại thực tế về phía học trò, như là : 1) Bài văn học trò biết được rất ít điều, chưa nói đến sự các điều chúng nó chép được đó có giá trị bao nhiêu ; 2) Không hỏi được, và ít được nghe giảng giải, học trò không biết được gì khác ngoài những điều đã chép được, và cũng không có gì giúp đỡ để dễ nhớ những điều đó ; 3) Trong tình trạng này, học trò chỉ còn có một cách là học thuộc lòng một cách nô lệ bài mình đã chép. Học nô lệ như vậy là học một cách cực khổ nhất, mà cũng là học một cách vô bổ nhất. Với cách học như vậy, kiến thức của học sinh sẽ dính liền với hình thức của cái bài đã học. Hễ đảo lộn trật tự các điều trong bài một cái là học trò đâm ra lúng túng. Khi kiểm vấn, nếu thầy giáo hỏi một điều nằm ở cuối bài là học sinh phải lật bầm đọc từ đầu bài xuống cho đến chỗ thầy hỏi, mới có thể trả lời được. Người ta còn thuật nữa rằng có những học

trò, khi ngâm nga tụng bài như vậy, tay hay vắn về nút áo, không may, đến khi đọc bài, nút áo đã bị đứt (một phần có lẽ vì đã bị vắn về nhiều quá), nên quên mất cả bài. Bởi đó, không lạ gì nếu những học sinh tốt nghiệp bởi những ông thầy chủ trương « đọc cho chép » đó không biết được gì là bao. Nếu thường thường thầy dạy mười, may ra học trò chỉ học được bốn năm, thì khi thầy dạy chỉ một (vì bài dọn để đọc, bạo tay lắm cũng chỉ bằng một phần mười bài dọn để giảng), tất học trò chỉ biết được một nửa (tức là một nửa của một phần mười ấy) là cùng.

Lối dạy « đọc cho chép » này còn có nhiều hậu quả lâu dài và tai hại khác. Đã quen với lối dạy dẽ dãi đó, thầy giáo sẽ không muốn thay đổi nữa. Sau này, khi sách giáo khoa xuất hiện, sách kém đã vậy, mà sách tốt cũng thế, thầy giáo sẽ tìm tất cả mọi lý luận để khỏi dùng. Thầy sẽ chê rằng sách đó dở, nếu thực sự trong đó có một vài điểm dở. Thầy sẽ nói không nên học sách giáo khoa, vì học sinh sẽ nô lệ sách, đang lúc đó thầy không biết cho rằng, xét về mặt nô lệ, thả làm nô lệ một bài rộng rãi như bài của sách giáo khoa, còn thư thái gấp mấy lần phải nô lệ một bài chật hẹp, gò bó, như bài thầy đọc cho chép. Một lý do nữa thầy sẽ không quên nhắc đến, là học trò không có tiền để mua sách giáo khoa, và thầy đọc bài cho chép để đỡ tốn kém. Trong thực tế, nhờ thái độ đầy thông cảm đó của thầy, học sinh phần nhiều sẽ dùng số tiền khởi tiêu vào việc mua sách giáo khoa đó để mua một vài bao Ruby, hay thưởng thức một vài xuất xi-nê.

Lỗi dạy « đọc cho chép » có ảnh hưởng nhiều trong việc điều khiển lớp. Ảnh hưởng này, có thể có kẻ cho là lợi, nhưng xét ra có lẽ lợi bất cập hại. Lợi là chỗ này : thường trong một lớp mà học trò phải bận chép bài, không mấy khi có tiếng rộn ràng, bởi lẽ rất giản dị này, là học sinh phải im lặng để nghe mà chép. Nhưng nếu học sinh im lặng trong lớp, chúng nó có thể không im lặng ngoài lớp, và điều đó gây thiệt hại hơn sự không im lặng trong lớp nhiều. Đây là lý do tại sao. Thường những ông thầy chủ trương « đọc cho chép » trong thâm tâm vẫn tự nhận đó là một phương pháp thấp kém, lười lỉnh về phần trí thức, và bất công đối với học sinh. Do đó, đang khi « đọc cho chép » các ông lại bề ngoài muốn tránh tiếng. Để đạt mục đích này, các ông vẫn đọc, nhưng đọc nhanh hơn thường, hay là đọc một câu rồi, đang khi học sinh chăm chú chép, các ông đồng dục giải nghĩa vài chữ, hoặc nói chèn thêm vài câu, có ý cho mắt về đọc chính tả. Như thế, đọc nhanh, học sinh chép không kịp phải lúng túng đã rồi, mà khi thầy vừa đọc vừa xen giải thích vào, học sinh lại càng thêm lúng túng. Đang khi chúng nó cố sức nhớ câu thầy đọc để chép mà thầy giải thích, một đằng, chúng nó không để ý gì đến lời giải thích, mà đằng khác, lại bị lẫn lộn trong óc không biết đằng nào chép nữa. Nhận thấy cố gắng của mình bị ngăn trở một cách phũ phàng, học sinh đâm ra chán nản, tức bực. Chúng sẽ viết một cách liêu lỉnh, không kể câu được, câu mất, và cố nhiên khi về nhà đọc lại sẽ không sao lĩnh hội được đầy đủ câu chuyện, tương đối rất vắn đã chép. Chưa hết. Chính vì tức

bực như thế, học sinh sẽ bàn tán với nhau về ông thầy không biết cách dạy, sẽ than thở với nhau, chỗ này xầm xì, chỗ kia trách móc.

Lời xầm xì ngoài lớp về những người dạy theo lối « đọc cho chép » đôi khi (xin nhấn ở chữ đôi khi) còn kèm theo một đầu đề khác liên hệ đến việc kiểm soát lớp. Chúng tôi muốn nói đến quan niệm của một số giáo sư chủ trương « đọc cho chép » là phải đi dạo khắp các bàn để dò xem học trò thực sự có chép bài hay không. Họ cho đó là một phương pháp kiểm soát hảo hạng, không có không được (nghĩa là nếu bỏ đi sẽ bị lỗi). Nhưng xét ra phương pháp kiểm soát này chỉ là một cách kiểm soát cá nhân đang khi việc kiểm soát lớp phải là một việc kiểm soát đoàn thể. Cách « kiểm soát cá nhân » đó không phải là không có cái hay, cái cần, của nó, đối với một vài môn dạy ví dụ môn tập viết hay môn dạy vẽ cho các trẻ em. Trong các lớp tập viết, dạy vẽ, chẳng những thầy giáo phải đi quanh các bàn, mà còn có khi phải nắm lấy tay nó để bảo cho nó biết cách viết, cách kẻ đường thẳng, v.v... Nay nếu quả quyết rằng cách kiểm soát đó là tất yếu cho việc giảng dạy ở các lớp trung học, nhất là cho việc dạy sử, thì thật là một điều đáng nghi ngờ. Ngoài những môn dạy như vừa kể, chúng tôi thiếc nghi, việc kiểm soát lớp phải là một việc coi sóc đoàn thể, nghĩa là chú trọng một cách tổng quát và điều khiển một cách đồng đều. Nói thế không phải là thầy giáo không được để ý đến một cá nhân nào, nhưng là để nêu lên rằng, trong lớp, thầy giáo chỉ nghĩ đến việc, « kiểm soát cá nhân » bao giờ cá nhân

đó đóng một vai nào trong đoàn thể. Ví dụ khi kiểm văn, thầy gọi một trò nào lên đọc bài, là vì học trò đó đọc thay cho cả lớp, hay khi quở phạt, thầy giáo mắng riêng một trò nào là vì học trò đó làm lỗi đối với luật lệ của lớp. Chỗ để thầy giáo kiểm soát lớp, (kiểm soát đoàn thể) một cách hữu hiệu hơn cả, đó là bàn thầy giáo, đó là khoảng bực trước bảng đen. Ở chỗ đó, đầu ngồi, đầu đứng, đầu viết, đầu giảng giải, thầy giáo cũng có thể làm chủ lớp một cách dễ dàng nhất, và học sinh cũng có thể theo dõi thầy một cách tiện lợi nhất, tự nhiên nhất. Hễ bao giờ thầy giáo rời chỗ đó để đi xuống « kiểm soát cá nhân » mà không phải vì một lý do ích lợi chung, thì chính lúc đó, thầy giáo đã để hỏng mất việc kiểm soát lớp, không nhiều thì ít. Nhưng với cách dạy « đọc cho chép », thầy giáo thường khó mà ở mãi trong cương vực làm chủ. Vì là đọc cho chép, nên thầy giáo ít khi dùng đến bảng đen. Và nếu cứ ngồi hay đứng một chỗ mãi trên bàn mà đọc, lâu rồi cũng chán, hơn nữa, sẽ mang tiếng là thầy dạy thiếu hoạt động. Thế là thầy nghĩ ra được một cách để vừa đọc vừa hoạt động, đó là đi chỗ này, chỗ khác, khắp trong lớp, để kiểm soát... cá nhân. Thầy tưởng rằng thế là hữu hiệu nhất, có ngờ đâu thế là thầy đã mất ưu thế. Bởi đó, hễ thầy đi góc này thì góc khác xăm xì, thầy đi đến trò này, thì trò khác dị nghị. Sự dị nghị này càng oi ả khi người dạy học và người ngồi học không thuộc về cùng một loại đàn ông hay đàn bà với nhau.

Hậu quả của cách « đọc cho chép » về phía học trò là gây ra lười lỉnh trong hoạt động của trí khôn. Vì đã quen

với những bài học vắn, chúng sẽ không thích, sẽ ghét những bài học dài hơn, sẽ không muốn đọc vào sách giáo khoa, hay là những quyển sách có vẻ nghiêm nghị nào khác. Trí khôn đã có sẵn các đà học thuộc lòng, học sinh sẽ không còn cố gắng để tìm hiểu thêm, để biết cho được nhiều điều. Thế rồi, khi vì những bài thầy « đọc cho chép » ít quá, không đủ chương trình để đi thi, mà học trò phải đọc thêm ở sách giáo khoa, thì họ sẽ tìm cho được những sách nào chép tóm tắt nhất, yếu lược tắt, nghĩa là những sách giáo khoa quan niệm theo kiểu « giúp trí nhớ », để học... thuộc lòng. Chính vì thế, mà tác giả nhiều sách giáo khoa, bởi muốn in ra cho khỏi lỗ, đã gò bó bài học lại làm sao cho nó chỉ dài hơn những bài thuộc loại « đọc cho chép » đôi tí thôi.

Hậu quả cuối cùng chúng tôi muốn nói đến sẽ thuộc về một phạm vi to tát hơn, đó là sự các cấp trên không còn nghĩ gì đến việc lựa chọn thầy giáo cho môn sử địa. Ở đây chúng tôi thêm chữ « địa » vào nữa, vì trong trường hợp này lịch sử và địa lý chịu chung một số phận như nhau. Có lẽ thế, là vì nhiều thầy dạy sử, đồng thời cũng dạy địa lý nữa, và các vị đó cũng đem áp dụng phương pháp « đọc cho chép » vào cả hai môn. Thật thế, nếu dạy mà « đọc cho chép », thì hỏi cần gì phải lựa chọn thầy giáo, vì bấy giờ ai dạy lại không được? Tại sao mà ai dạy lại không được? Đó là vì, nếu là trường hợp dịch bài ra để dạy, thì chỉ biết ngoại ngữ (tiếng pháp) là được, chứ cần gì phải có thầy chuyên môn sử hay địa? Còn nếu là trường hợp lấy lại bài toát yếu của kẻ khác mà đọc (chắc chắn người ta

không quên sửa chữa một đôi chữ) thì càng dễ hơn nữa. Hỏi cần gì phải chọn người chuyên môn cho những môn mà hề biết «chép lại» là đã đủ khả năng để dạy? Như thế, nào có lạ gì khi thấy ở các trường Trung học, các vị hiệu trưởng không bận tâm gì bao nhiêu đến việc chọn người phụ trách các môn sử địa. Các vị đó có thể hỏi thăm các giáo sư xem ai chuyên về toán, về lý, hóa, hay về Anh văn, Pháp văn, và khi

sắp đặt các môn khác xong rồi, còn lại ai nữa, các vị đó mới mượn nhận cho vài giờ sử địa. Về Bộ Quốc Gia Giáo Dục cũng thế. Bộ trưởng nhìn sự cần thiết của các trường bằng cấp mất của các vị hiệu trưởng, nên vì đó, cũng không chú ý gì đến việc phân phối cho các môn lịch sử và địa lý những giáo sư chuyên môn.

NGUYỄN-PHƯƠNG

Kỳ tới : Một phương pháp dạy sử

- Hễ bạn còn dễ thụ cảm những gì đẹp lành và cao thượng là bạn còn trẻ. Dễ thụ cảm các thông điệp của con người, của tạo hóa, của vô biên-

Tướng Mac-Arthur.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

*Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.
Installations de garothérapie*

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE *Plaplachai, Bangkok.*

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON *Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E C. 2*

TOKYO *No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo.*

HONGKONG *60, Bonham Strand West.*

CENTRAL DISTRICT *Shell House, Queen's Road.*

KOW'LOON *580 A. Nathan Road Kowloon.*

SINGAPORE *64 South Bridge Road.*

KUALA LUMPUR *14 Ampang Street.*

Các trào-lưu lớn của tư-tưởng hiện-đại

Nguyên tác : *ANDRÉ MAUROIS*

TRẦN THIÊN dịch

(xin xem B.K. số 174)

III

Lúc bấy giờ, trong cơn hoang mang, anh chàng phù thủy tập sự nọ lại quay về môn siêu hình học mà con người của thế kỷ thứ XIX, được sung sướng hơn, nên đã tưởng có thể bỏ qua. Vào năm 1952, quan niệm duy vật vật lý không còn giữ được cái uy quyền hồi năm mươi năm trước nữa. Hồi 1900, vật chất là một vật, là những vật, mà lẽ phải thông thường phải thừa nhận sự có mặt không thể chối cãi của nó. Vì người ta có thể trông thấy được vật chất, sờ mó được nó, đo lường được nó, cho nên trước khi công nhận một khái niệm nào đó là thực con người đòi nó phải cho họ trông thấy, sờ mó và đo lường. Khi một nhà thông thái vừa

có thể tưởng tượng ra một cơ chế, ông ta bảo « Thế là bây giờ tôi nắm được thực tại rồi. » Ngày nay, vật chất của nhà vật lý học không còn khả xúc cũng không còn có thể trông thấy nữa ; nó là chỗ giao điểm giữa hai làn sóng của hư vô, một cái chớp đỉnh của không-thời-gian, một dự phóng của ý thức người quan sát và, cuối cùng, nó là một phương trình số học, tức là một ý tưởng. Như vậy các nhà vật lý học đi tới chỗ phải suy tưởng bằng dụng ngữ của tinh thần hơn là của vật chất. « Thượng đế là nhà hình học ». Chúng ta lại trở về với Platon.

Khoa học hiện đại không còn cái tính cách độc đoán của khoa học thế kỷ thứ XIX nữa. Nó biết rằng những điều nhận xét của nó đều chủ quan đến một mức nào đó, và cái thế giới do khoa học mô tả không phải là cái thế giới đúng

như chân tướng của nó. Nhiều nhà bác học vĩ đại, Einstein, Max Planck, Schroedinger, thừa nhận tính cách chủ quan của khoa học và báo cho biết là điều ấy *không bao giờ* có thể vượt qua nổi, bởi vì những nhận xét của khoa học đều là do con người tìm thấy với những giới hạn thuộc về giác quan và thuộc về trí thức của họ. Hơn nữa, khoa học chỉ cung cấp cho ta những hiểu biết về cái phương diện nào của sự vật mà nó có thể khảo sát bằng các phương pháp của nó thôi. Nhưng phương diện ấy không phải là phương diện duy nhất. Thí dụ : các kích thích tố làm thay đổi tâm tính ; đó là một sự kiện có thể quan sát được, nhưng trong việc thay đổi này có nhiều yếu tố tâm thần không đo lường được có thể đóng một vai trò quan trọng hơn nhiều. Bởi vậy, để khám phá vũ trụ, phải theo những con đường khác con đường của khoa học, là : nghệ thuật, triết học, tôn giáo. Như thế không có nghĩa là khoa học, mà hồi thế kỷ thứ XIX người ta vẫn đem ra đối lập với tôn giáo, bây giờ trở lại chứng minh chân lý của tôn giáo, nhưng như thế có nghĩa là sự mâu thuẫn giữa khoa học và tôn giáo không còn có gì quan trọng nữa.

Về ngành sinh vật học, chủ nghĩa duy vật có bị sút thế ít nhiều. Trước tiên là mặc dù mọi cuộc thí nghiệm, cái hố ngăn cách giữa vật chất vô cơ và vật chất hữu cơ vẫn chưa vượt qua được. Giáo sư Haldane nhận rằng, về phương diện các khoa học lý hóa thì sự duy trì của một cơ

thể sinh sống là một phép lạ thường xuyên. Khó mà có thể tưởng tượng ra một thứ máy móc tự nó sửa chữa lấy nó được. Một mặt khác, cái thuyết hích giả sinh tồn của Darwin, vì giản dị chỗ nên hấp dẫn, lại không cắt nghĩa nổi tính cách phức tạp của các cơ quan, trái với sự chờ đợi của mọi người. Lecomte du Nouy cho ta thấy rằng nếu một cơ quan phức tạp như con mắt người mà thành hình theo cách tự nhiên tuyển trạch thì cả khoảng thời gian từ khi có Quả Đất đến ngày nay cũng chưa đủ. Người ta lại còn ngờ rằng vật chất mới chỉ phát sinh từ hai nghìn tỷ năm nay, như vậy thì phải có một cuộc « Sáng tạo », hiểu theo cái nghĩa Sáng Thế. Câu nói « Hãy có ánh sáng » trở thành có vẻ thực theo sự quan.

Như vậy là những điều xác thực của thế kỷ thứ XIX, trên mọi địa hạt, đều hóa ra đáng ngờ cả. Hơn nữa, vì con người của năm 1950 đã không có những điều xác thực để tin chắc, lại cũng không có hạnh phúc, vì họ có thể nghi ngờ một cách chính đáng những hình thức kinh tế và chính trị của một nền văn minh đã gây ra những tai họa thảm khốc như thế, cho nên tự nhiên là, ngay sau cuộc thế chiến thứ hai, cả một phần của thế hệ thanh niên thấy tuyệt vọng. Về tính cách phi lý của vũ trụ, họ lại lập lại các đề tài của Pascal. Trong *Những cuộc đàm thoại mới* của bác sĩ O'Grady, tôi đã đề cho một thanh niên Pháp đặt ra những câu hỏi mà sự thực thì hiện nay bao nhiêu là thanh niên

đang đặt ra (1) : « Tại sao ông và tôi, chúng ta lại có mặt trên một quả cầu tí teo bằng phún thạch đã nguội đang quay trong đêm tối thế này ? Như thế để làm gì và để cho ai ? Tại làm sao mà ở dưới các vì tinh tú vô tình lại phải có bao nhiêu là hy vọng, thất bại và khổ đau thế này ? Thế nào ? Đây là con thuyền của ông ? Quả Địa Cầu, đang quay tròn trong đêm tối. Trên tàu, chúng ta là hai tỷ hành khách. Chúng ta không biết mình đi đâu ; chúng ta không biết tại sao mình lên tàu ; nhưng chúng ta lại biết rằng mình sẽ chết trên tàu trước khi đến nơi. Ông không thấy như thế là một chuyện của những thằng điên, như lời các nhà văn trẻ ở nước Pháp chúng tôi sao ? Ông cũng nên nghĩ thêm đến cái điều là các hành khách ấy, vốn đã là nạn nhân một trò hề đau đớn của số mệnh, tất cả đều sẽ không thoát khỏi một chung cục bi thảm, lại dùng cái khoảng thời gian ngắn ngủi trong cuộc hành trình giữa các vì tinh tú này để vu cáo nhau, xấu xí nhau, móc ruột moi gan nhau, hành hạ lẫn nhau. Có thể nào tưởng tượng ra một cái gì phi lý hơn không ? »

Nhân vật trong tác phẩm tôi nghĩ rằng cái quan niệm về phi lý ấy là triết lý của Albert Camus. Nhân vật ấy đã lầm, vì Camus cãi rằng : « Tôi không phải là một kẻ mô tả cái phi lý và tôi không hề tin chút gì vào một nền văn học tuyệt vọng. Dĩ nhiên là tôi có viết về quan niệm phi lý. Nhưng người ta vẫn có thể viết về sự loạn luân, không

phải vì thế mà người ta phải chồm lên vỗ lấy cô em khốn nạn của mình chứ ». Vậy thì chúng ta chỉ nên nói rằng Camus, trong cuốn *Huyền thoại Sisyphe*, đã qui định một trạng thái tinh thần rất phổ biến lúc bấy giờ. Con người hiện đại, đột nhiên, trong « một lúc thức tỉnh », đã tách lìa khỏi cái thế giới vẫn được chấp nhận. Bao nhiêu cảnh trí bày biện đều sụp đổ. Câu hỏi *Tại sao ?* lại nổi lên, như ở hồi Trung cổ. Con người lại trở thành xa lạ đối với chính mình. Nỗi hoang mang tràn lan ra. Cái chết chắc chắn trước mặt làm cho tất cả đều hóa ra vô ích. « Cái ấy không đáng phí công ; không có một lý lẽ gì để sống cả. Bởi vì mọi hy vọng đều giả thiết rằng kẻ hy vọng phải quên chân lý đi, cái chân lý ấy là tính cách phi lý của cuộc đời. Vậy có nên tự tử chăng ? Không. Không tự tử, cũng không hy vọng, nhưng nổi loạn, để cứu lấy cái khoảnh khắc ánh sáng này vốn nó là một sự chối từ ».

Tuy thế, sự nổi loạn, trong một thế giới phi lý, tự nó cũng có vẻ phi lý. Tại sao lại nổi loạn làm gì nếu không phải là để thiết lập, hay tái lập, những giá trị có một ý nghĩa. Lời giải đáp của Camus thật tế nhị : « Tôi biết rằng, trên cõi đời này, có một cái gì có

(1) Ở đoạn này, chúng tôi ngờ là nguyên bản (do nhà Bernard Grasset xuất bản, lần thứ 16) có chỗ in lộn, nên chúng tôi đã tự tiện đưa giòng thứ 17 xuống dưới giòng thứ 19, và giòng thứ 18 lên tiếp giòng thứ 15. (Lời người dịch)

ý nghĩa, và đó là con người, bởi vì con người là kẻ độc nhất đời hỏi có một ý nghĩa. Ở nơi mọi người có một sự đời hỏi mà mọi người đều có thể tự đồng hóa với sự đời hỏi ấy. Trong kinh nghiệm riêng của mỗi người, sự đau đớn là phi lý; trong kinh nghiệm tập thể, nó trở thành một biến cố khích thích. » Ở đây ta gặp lại Saint Exupéry và cái quan niệm về tập thể. « Tôi nổi loạn, vậy chúng ta hiện hữu », đó là câu *cogito* của Albert Camus. Nhưng nếu nổi loạn mà tiến xa đến thành ra sự bất công, đến việc giết chóc, thì nó phá hủy sự hòa hợp đó. Khi ấy nổi loạn giết chết nổi loạn, « Vậy thì phải có một cái tiết độ cho sự vật và cho con người. » Sự nổi loạn, cũng như nghệ thuật, cần phải có một hình thức. Tới đây thái độ tân lãng mạn chấm dứt, tới đây bắt đầu một cuộc nổi loạn cổ điển. « Bây giờ chỉ có một qui luật độc đáo : học cho biết sống và biết chết, và từ chối làm thánh thần để mà làm con người. » Đó là chủ nghĩa nhân bản mới, và thái độ khắc kỷ vô cổ ấy không phải không đẹp đẽ, không cao cả. Và lại, chính nó, nó không phi lý, bởi vì nó có thể lập ra một trật tự bên trong và một sự hòa hợp thường xuyên giữa con người với mình vốn sẽ là con đường đi đến một thứ hạnh phúc khổ hạnh.

Có hai lối giải đáp khác cho nỗi hoang mang hiện đại là chủ nghĩa hiện sinh của Sartre và chủ nghĩa nhân vị của Thiên chúa giáo. Hiện sinh không phải là một học thuyết mới

mê. Người ta có thể liên hệ nó với Socrate, với Saint-Bernard, với Pascal, với Kierkegaard, với Maine de Biran, nhưng cái việc những con người sau hai cuộc đại chiến mê say nó như một học thuyết mới mẻ là một sự thực. Tại sao vậy ? Bởi vì sự kiện các nhà thông thái dần dần làm tan vỡ cái vũ trụ các sự vật, và sự thất bại của những triết học căn cứ trên quan niệm duy vật tất định (sự thất bại đã được bao nhiêu là cuộc chiến tranh và cuộc cách mạng độc tài chứng minh) kêu gọi người ta quay về với một triết học của con người. Chủ nghĩa hiện sinh là « một cuộc cách mạng của Copernic lộn ngược lại ». Nó đem con người đặt trở lại vào trung tâm của vũ trụ luân lý. Prométhée — hình ảnh của con người — là một con bệnh thần kinh cứ tưởng rằng mình bị xích vào tảng đá. Không có xiềng xích nào cả, Prométhée chỉ cần muốn cử động chân tay là tự nhiên có thể tìm lại được những con đường tự do. Người ta đã biết đó là nhan đề một bộ tiểu thuyết của Sartre.

Tiểu thuyết hiện sinh muốn bày tỏ rằng đối với mỗi người thực tại tùy thuộc nơi cách người ấy thực hiện nó. Trong hai hoàn cảnh giống nhau, hai người có thể sống hai cách khác nhau. Tất cả tùy thuộc vào cách họ nghĩ về nó. Không phải là đầu đã ngã ngũ ra đó cả. Con người là cái dự định của mình. Nếu họ để mình sa vào chỗ bầy nhầy, rơi vào cảnh bất chính thực, họ sẽ không còn là một hiện hữu mà thành ra

một đối tượng. Chúng ta sợ kẻ khác là vì kẻ khác tìm cách biến chúng ta thành ra những đối tượng để bảo đảm cho tự do của chính họ. Trong chuyện ái tình, người đàn ông sợ người đàn bà muốn làm chủ thể. (Georges Sand làm cho các tình nhân của mình sợ hãi). Địa ngục, ấy là tha nhân. Cái cảnh tiến thoái lưỡng nan đáng sợ trong tình yêu, ấy là nếu tôi bắt kẻ khác hạ xuống đến nỗi chỉ làm một đối tượng bị chiếm đoạt (như một con điếm), tôi sẽ không còn chiếm được một con người nữa, mà nếu tôi để cho kẻ ấy làm chủ thể, tôi lại sợ rằng kẻ ấy phá hủy mất cái *bản ngã* mà mình đã phải vất vả lắm mới xây dựng nên. Nhưng mà ở đây, tất cả lại vẫn tùy thuộc nơi thái độ của tôi, bởi vì tôi có thể bằng lòng *nhận chịu* một sự tương giao giữa chủ thể với chủ thể, và như vậy tôi sẽ tìm thấy hạnh phúc trong sự nhận chịu tự do ấy.

Tóm lại, con người có quyền sáng tạo ra yếu tính của chính mình. Con người là kẻ mà hiện sinh có trước yếu tính. Dĩ nhiên, hắn sẽ phải là con người, chứ không thể là một quả dưa chuột hay một con voi, cái đó thì nhất định rồi. Và hắn cũng không thể là bất cứ một người nào. Một kẻ bốn mươi tuổi đầu còn mù chữ không thể tự chọn làm ông Sartre, hay làm một ông hàn lâm. Mai đây tôi không thể nào chọn lựa làm một kẻ đi chim gái. Mọi người đều « bị đặt vào hoàn cảnh », do thể xác của mình, giai tầng của mình, lương

bổn của mình qui định. Người thế nào thì ra thế ấy. Tuy nhiên, kẻ vô sản có thể tự chọn thái độ chịu đựng hay là làm cách mạng. « Tôi tự chọn, không phải là về cái thực thể của tôi, nhưng là trong cách thể tồn tại của tôi ». Thái độ của tôi có thể làm biến đổi cả dĩ vãng của tôi, không phải biến đổi được các sự việc, nhưng là biến đổi cái ảnh hưởng của nó đối với tình trạng tinh thần của tôi hiện giờ. Dostoïevsky, Oscar Wilde sau khi ở tù ra hay đi đày về, có thể chọn lựa hoặc chịu tan nát hoặc phấn khích thêm lên vì cái dĩ vãng của họ. Bây giờ đây, tại sao người hiện sinh lại tự cho là « hoang mang » ? Bởi vì trong sự chọn lựa hiện sinh, vốn là vô cố, không có một bảo đảm gì hết. Con người tự làm ra mình và làm ra thế giới. Trước một trách nhiệm quá bao trùm như thế làm thế nào mà họ không đâm sợ hãi cho được ?

« Uã ? Con người làm ra thế giới sao ? Thì đã có một thế giới rồi kia mà ! » Vâng, có một thế giới « bản nhiên », mù đặc. Trước khi có sự can thiệp của ý thức, thế giới ấy chỉ là một sự hỗn độn phi lý, chỉ trong khi hóa thành ra cái thế giới « vì tôi » nó mới lần lần hiện hữu, thế giới đối với kẻ đã man không giống như đối với Louis de Broglie. Mỗi một người trong chúng ta trong khi tự chọn lấy mình thì cũng làm ra thế giới luôn. Nếu cái vị trí của tôi trong chiếc máy bay, bay trên Đại dương, trở nên dễ

sợ, ấy là vì tôi sợ. Nếu tôi không sợ chết, thì cái vị trí ấy cũng hết dễ sợ. Con người là hữu thể duy nhất hiện hữu « vì mình ». Chỉ có đối với con người mới có một ngoại giới. Nhưng mà ý thức của nó chỉ là ý thức về ngoại giới. Mọi tư tưởng đều là tư tưởng về một cái gì. Cái thế giới bên trong duy nhất thực sự, ấy là sự tri giác về thế giới ở bên ngoài. Một mặt khác, con người chỉ có thể nhìn ra ngoại giới theo một quan điểm đã do thể xác của mình, do hoàn cảnh vật chất và xã hội của mình qui định. Sự dấn thân của tôi vào tự nhiên và vào lịch sử vừa là một sự hạn định những sở kiến của tôi về ngoại giới vừa là cách thế duy nhất của tôi để đến với nó.

Nhưng thế thì theo cái đạo lý nào bây giờ ? Cơ sở của mọi giá trị là ở chính nơi bạn. Phải tự phát mình lấy sự cứu rỗi. Tuy nhiên, một người nào đó không thể phát mình ra bất cứ con đường cứu rỗi nào. Goetz, nhân vật trong cuốn *Quý và Chúa*, đột nhiên quyết định một cách tự do và vô cố, làm một thánh nhân. Ông ta liền đến bên kẻ nghèo. Con người kiêu ngạo ấy cố gắng làm ra khúm núm; con người sa đọa ấy thử làm ra tinh khiết. Tóm lại, ông ta chối bỏ Quý Dữ. Thất bại.

Cuối cùng Goetz bị tổng cò trở lại không chút xót thương với cái nghề làm tướng ghê tởm của mình. Ông ta thế nào thì ra thế ấy; ông không thể thoát ra khỏi cái hoàn

cảnh của mình được. Vậy Quý thắng rồi chăng ? Như vậy có chứng tỏ rằng ở thế giới này không còn làm gì được nữa chăng ? Không. Nếu Goetz đã thất bại trong dự định thánh hóa của mình, ấy là vì ông ta không thực thánh trong lòng. Ông ta chỉ trở ngược thái độ vì thách thức mà thôi. Mọi người cảm thấy thế. Người ta không thể làm ra trò thánh thiện, tốt lành, xả kỷ. Phải hoặc là vốn tốt lành, hoặc là đừng có làm ra vẻ tốt. Goetz hãy đem chút ít thánh thiện còn sót lại nơi mình để mà cố gắng càng ít làm bậy càng tốt, trong cái nghề nghiệp gay go của ông ta. Đây, tôi tưởng đây là tất cả những gì có thể đòi hỏi ở ông ta. Nhưng đòi hỏi ở ông ta điều gì là nhân danh ai ? Nhân danh một cái gì, ở nơi ông ta, nó đòi hỏi điều ấy. Ở trong chúng ta, không phải chỉ có Quý Dữ. Trong các tư tưởng của chúng ta, có một sự đòi hỏi nó vượt bỏ con thú xa vô cùng tận. Gọi đó là Thiên Chúa, là danh dự hay là lương tâm, ấy chẳng qua là một vấn đề danh từ. « Người ta chỉ bất lực khi nào họ đánh, chịu nhận mình bất lực. » Con người hiện sinh càng là trung tâm của thế giới hơn là con người lãng mạn. Bởi vì một bên nổi loạn chống lại thế giới; còn bên kia làm ra thế giới.

Cần chú ý đến vai trò của những mối tương quan giữa con người và Thiên Chúa trong bi kịch hiện đại. Trong vòng một năm, đã có ba kịch phẩm viết về đề tài ấy : *Quý và Chúa*, của Sartre ; *Bacchus*, của

Jean Cocteau ; Kể xúc phạm thánh thần của Thierry Maulnier. Những ngẫu ngộ như vậy không còn ngẫu ngộ nữa. Trong kịch tuồng của những năm 1880-1930, ngẫu tình là đề tài chung. Tại sao vậy ? Bởi vì lúc đó hôn nhân còn được duy trì, nhưng đã bị lung lay, cho nên chuyện ngoại tình là một sự xung đột bi thảm. Nếu người ta hoặc không tin tưởng chút nào cả vào hôn nhân, hoặc tin tưởng trọn vẹn vào nó, thì vấn đề đã được giải quyết, tức là dẹp đi. Hồi thời Trung cổ, tấn kịch có tính cách thiêng liêng mà không có tính cách siêu hình, bởi vì một đức tin tuyệt đối

không đề cho một sự xung đột phát sinh được. Quỷ và Chúa đụng độ nhau ở thế giới bên ngoài, chứ không phải ở trong con người bình thường. Tiểu thuyết và kịch tuồng của thời đại chúng ta có tính cách siêu hình bởi vì cái vấn đề con người trong vũ trụ đối với nhiều nhà tư tưởng hồi 1914 vốn đã tưởng như được giải quyết xong rồi, bây giờ lại tự đặt ra « với một tính cách khẩn thiết làm cho người ta hoang mang ».

(còn tiếp một kỳ)

TRÀNG THIÊN

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY DÁN CHỮ LẪM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON

ĐOÀN THÊM

Mắt nghỉ trong hoa
Dừng nghỉ bên hoa
Hãy đẹp

cùng quên

Vào nhau chia sống
Hôm nay chưa thoát buồn hôm qua

Hai mươi năm

Hai mươi năm rồi sương gợn tóc

Hai mươi năm gieo gượng mấy vần ca

Và đây

ngày lẳng sang trưa

Mây sắp trắng ở giữa trời vô-vọng

Mắt gập màu hoa

Chờ gió yêu đêm mới biết canh dương nở
cho vườn, cho bóng, chẳng cho ta

Sóng đời cản ý

Xứ đào còn xa

Đề cứu mùa sau nuôi cỏ vậy

Toan hái rùng thơ lạc lối ra

Ích chi rắng chiều

Đi kiếm sao mai đèn quê hương

dài vết thương

Vẫn đường leo dốc đường lên sáng

đường vắng tanh

Dấu chân chưa in

thử vượt chính mình

Mây đợi nắng ở giữa trời cao-vọng

Thủy-Triều XI

Đ. T.

(xin xem B.K. từ số 174)

Chính - trị hóa nền giáo - dục

Vai trò của chính quyền, nhà nước :

Nhưng chỉ có thể công nhận một quan-niệm đa nguyên về tôn-giáo trong một chế-độ xã-hội coi chính quyền như một *trung-gian* cần thiết của công ích, chứ không phải như một cứu cánh tự tại hoặc như lợi khí của một tôn-giáo nào.

Trong phạm vi đời công, nhà nước là một tổ chức chính trị hoàn toàn nhân tạo nhằm mục đích duy trì và bảo vệ quyền lợi chung của công dân. Nói cách khác, nhà nước là dụng cụ tổ chức những tương quan kinh tế, chính trị theo tiêu chuẩn hợp lý, nghĩa là giải quyết những tranh chấp mâu thuẫn về quyền lợi trong dân chúng.

Vì chỉ là trung gian, môi giới, nên dĩ nhiên phải do dân bầu ra theo sự thỏa thuận của đa số. Nhà nước trong một xã hội, thiết yếu bao hàm tính cách dân chủ, vì nguồn gốc quyền bính là do sự ủy nhiệm của dân mà thôi. Như

thế, chính quyền không phải là một cứu cánh trong xã hội hợp lý, đồng thời cũng không có thẩm quyền gì ngoài phạm vi hợp lý của đời công.

Tuy nhiên, trong phạm vi đời công, nhà nước là cơ quan *tối cao* nghĩa là có thẩm quyền quyết định cuối cùng, do sự ủy nhiệm của toàn dân. Nhưng có thẩm quyền tối cao không phải là muốn làm gì thì làm vì sự thi hành quyền tối cao đó cũng được quy định bởi pháp luật hay hiến pháp đã được toàn dân đồng ý và chấp thuận.

Như đã nói trên, quyền tối cao đó bị giới hạn trong phạm vi đời công mà thôi. Nhiệm vụ của nhà nước là làm sao tạo một trật tự hợp lý và đảm bảo trật tự đó. Ngoài ra nhà nước không có thẩm quyền trong những vấn đề thuộc đời tư, nghĩa là những vấn đề mà sự lựa chọn một lập trường, một ý nghĩa sau cùng cuộc đời không đụng chạm gì tới công ích, do đó không thuộc thẩm quyền của nhà nước và nhà

nước đứng trung lập; khoan dung với tất cả mọi tôn-giáo vì nhiệm vụ của nhà nước chỉ là tạo điều kiện cho mỗi người được tự do lựa chọn. Ví dụ trong vấn đề học chính, nhà nước có nhiệm vụ lo tổ chức một nền học chính quy củ, hợp lý phục vụ ích lợi cho mọi người, nhưng nhà nước không có quyền bó buộc người công dân theo một tôn giáo vì đó là ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

Nếu nhà nước xâm phạm vào những lãnh vực đó, tức là trở thành độc tài, chuyên chế; độc tài ở chỗ coi mình là *cứu cánh* trong khi chỉ là phương tiện và ở chỗ bó buộc những cái ngoài thẩm quyền mình.

Do đó, những người lãnh đạo quốc gia trong một chế độ dân chủ thực sự bao giờ cũng chống lại ý chí thống trị của một tôn-giáo trong lãnh vực tổ chức đời công. Trong những trường hợp quốc gia dân chủ giả hiệu, nhà nước hoặc là tự coi như *cứu cánh* theo một chủ nghĩa nhà nước (*étatisme*) hoặc biến thành lợi khí của một tôn giáo, hay của một ý thức hệ ưu thế.

Trong lãnh vực nhà trường, người ta có thể ghi nhận những vi phạm sau đây như những hành động chống lại tinh thần dân chủ và tự do tín ngưỡng. Ví dụ, bắt buộc phải dạy theo một tôn giáo và không thể nói khác được, hoặc tuyển mộ giáo sư theo tôn giáo, ý thức hệ mà chính quyền muốn nâng đỡ, có thiên cảm hay theo ý thức hệ, tôn giáo của chính quyền. Đối với sinh viên, học sinh, ví dụ phải biểu lộ trong bài vở những ý nghĩ, lập trường với tôn giáo, ý thức hệ chính thức được nâng đỡ hay phải là người theo tôn giáo, ý thức hệ

chính thức mới được nhận vào học (1).

Người ta có thể chính trị hóa nền giáo dục bằng cách từ chối nguyên tắc « trung lập » về hệ tư tưởng, tín ngưỡng và bắt buộc nhà trường nhận một chủ nghĩa, một tôn giáo làm tiêu chuẩn tổ chức mọi sinh hoạt liên quan đến việc học hành, thi cử.

* *

Người ta còn có thể chính trị hóa giáo dục bằng cách bắt buộc cộng đồng nhà trường dấn thân vào những hoạt

(1) Trong thời vừa qua, thỉnh thoảng xảy ra hiện tượng học sinh, sinh viên làm bài thi trong lớp, trong bài viết những khẩu hiệu chính trị như: « Đả đảo Cộng-sản », « Hoan hô Ngô Tổng-Thống », hoặc những ý kiến ca tụng đường lối của chính phủ như thể là không cần có kiến thức chỉ có lập trường chính trị là đủ điều kiện để đỗ rồi. Nhiều vị giám khảo chắc gì dám đánh trượt hay cho điểm thấp những học sinh có lập trường chính trị rõ rệt đó! Phải chăng đó là hậu quả của việc chính trị hóa học đường (học tập chính trị, biên soạn sách giáo khoa như các sách tập đọc, lớp đồng ấu, (ngày xưa toàn nói chuyện luân lý) các sách công dân, sử địa theo đường lối chính trị nhất thời). Về tính cách « trung lập » của trường công, có nên duyệt lại chương trình dạy Triết, nhất là ở Đệ I, ban C, môn siêu hình học? « Tin ở Thượng Đế » có phải là một điều kiện để thi đỗ không? kinh nghiệm chấm thi cho tôi biết không một học sinh nào dám nói mình không tin. Đây không phải chỉ là vấn đề tự do tín ngưỡng mà còn là tự do tư tưởng, không có quyền cấm vô thần cũng như không có quyền cấm theo tôn giáo; nếu có chống vô thần thì không phải là vì vô thần nhưng là vì bạo động buộc theo vô thần. Tôi xin phép nhắc lại điều tôi đã viết cách đây 5 năm « Trên cương vị tôn trọng tự do tư tưởng ta có thể chống vô thần cũng như chống bất cứ một tôn giáo nào khi tôn giáo đó biến thành độc tôn, áp bức, bạo động xâm phạm tự do vô thần, hay tự do theo một tôn giáo khác ». (Chung quanh một thái độ lợi dụng. Đại học số 9, trang 201).

động phục vụ cho một chế độ chính trị, vào những sinh hoạt không dính líu gì đến việc học hành. Việc lợi dụng cộng đồng nhà trường nhằm tạo thành một lực lượng chính trị của chính quyền có phải là điều chính đáng không? Muốn trả lời câu hỏi trên phải tìm hiểu ý nghĩa và vai trò của cộng đồng này trong đoàn thể dân tộc.

Cộng đồng nhà trường một lực lượng tinh thần của quốc gia

Quốc Gia (1) là một phối hợp nhiều đoàn thể, được thành lập dựa vào những tiêu chuẩn tuổi tác, tôn giáo hay nghề nghiệp.

Xét về phương diện nghề nghiệp, cộng đồng nhà trường chưa phải là một đoàn thể thực sự, nhưng cũng là một đoàn thể dự bị vì nhà trường nhằm đào tạo cho thanh thiếu niên có một nghề nghiệp sau này. Chính vì chỉ là một đoàn thể dự bị nghề nghiệp, nên môi trường sinh viên học sinh rất tạm thời. Người thanh thiếu niên đi học không phải để mãi mãi là học sinh, nhưng để mau chóng rời khỏi ghế nhà trường, vào đời lập nghiệp.

Tuy môi trường học sinh sinh viên là tạm thời, giả tạo nhưng vì mục đích là chuẩn bị đưa tới nghề nghiệp, nên nhà trường, đặc biệt trên đại học, cũng cần kết hợp với nhau thành một đoàn thể để tranh đấu và bảo vệ những quyền lợi chính đáng liên quan đến việc đào tạo, sửa soạn nghề nghiệp mà nhà trường đảm nhiệm. Đứng ở bình diện quyền lợi, những đoàn thể học sinh, sinh viên tuy với danh nghĩa hội đoàn, tổng hội v.v... nhưng về thực

chất là một thứ nghiệp đoàn như nghiệp đoàn giáo sư, y sĩ, dược sĩ thợ thuyền. Do đó, việc tổ chức, bầu cử ban lãnh đạo có thể được quan niệm và thực hiện theo qui chế nghiệp đoàn.

Nhưng nói đến nghiệp đoàn, tức là ngầm công nhận tính cách độc lập là điều kiện thiết yếu của nó. Nếu nghiệp đoàn lại do nhà nước chi phối, lãnh đạo thì không còn phải là nghiệp đoàn nữa mà chỉ còn là một công cụ nhằm phục vụ những mục tiêu chính trị của chính quyền.

Cho nên, không thể chính trị hóa đoàn thể, hội đoàn sinh viên, học sinh vì dụng ý chính trị hóa của chính quyền thường bằng áp lực, luôn luôn có thể đi ngược lại quyền lợi chính đáng của nhà trường, mà đi ngược lại quyền lợi chính đáng của nhà trường, là làm tổn hại đến quyền lợi của Quốc-gia, Dân-tộc. Do đó, những tổ chức, tổng hội của học đường cũng cần được độc lập về chính trị như bất cứ một tổ chức nghiệp đoàn nào khác. Nói như vậy, có phải cho rằng tổ chức nghiệp đoàn mâu thuẫn với nhà nước. Nghiệp đoàn khi nắm bảo vệ quyền lợi *chính đáng* của mình, tức phục vụ quyền lợi Quốc-gia, dân tộc, đồng thời cũng có thể phục vụ nhà nước khi nhà nước hành động *phù hợp* với quyền lợi tối cao của Quốc-gia Dân-tộc. Nhưng nghiệp đoàn chống lại nhà nước khi nhà nước đi ngược

(1) Trong bài này, chữ « Quốc-Gia » xin hiểu là « Nation » chỉ thị một thực tại trường tồn, khác với nhà nước (Etat) hay chính quyền (Gouvernement) là một thực tại hay thay đổi, có tính cách quy ước.

lại với quyền lợi Quốc-gia, Dân-tộc. Nhà nước là phương tiện, Quốc-gia là cứu cánh. Nhà nước đi ngược quyền lợi Quốc-gia khi tự coi là cứu cánh. Đó là nhà nước độc tài, chuyên chế, gia đình trị...

Những xung đột giữa nghiệp đoàn và nhà nước có thể chỉ xảy ra vì những biện pháp đụng chạm trực tiếp với quyền lợi của nghiệp đoàn, nhưng đôi khi cũng có thể nổ ra vì những chánh sách đường lối chung của nhà nước. Chẳng hạn Tổng hội sinh viên Quốc-gia Pháp, thời còn chiến tranh Việt-Pháp, hay Pháp-Algérie phản đối đường lối chiến tranh của chính phủ Pháp vì cho rằng chính sách đó đã là nguyên nhân sâu xa cản trở việc cải tiến giáo dục và cải thiện đời sống học hành của sinh viên.

Với trường hợp thứ hai, người ta thấy nghiệp đoàn vượt khỏi phạm vi bảo vệ quyền lợi nghề nghiệp, để đóng một *vai trò chính trị* trong đoàn thể quốc gia khi họ nhằm phê phán ngay cả một chính sách của chính quyền, và hơn nữa ngay cả chính quyền đó bằng cách xác định một thái độ, một lập-trường chính trị. Đó là khuynh hướng chung ở các nước Âu - Mỹ. Trong hướng đi chung đó, người ta cũng nhận thấy vai trò đặc biệt của các hội đoàn, tổng hội học sinh, sinh viên thuộc cộng đồng nhà trường.

Các đoàn thể nghề nghiệp, khi vượt khỏi phạm vi nghiệp đoàn, có thể lên tiếng về những vấn đề chính-trị liên quan tới quyền lợi của Quốc Gia, Dân-tộc. Dĩ nhiên, sự xác định lập trường này dựa vào danh nghĩa phục vụ quyền lợi chung của dân tộc.

Nhưng vì những đoàn thể nghề-nghiệp, chủ yếu đặt trên quyền lợi của tầng lớp mình, nên việc xác định một lập trường chính trị tuy với danh nghĩa bảo vệ quyền lợi quốc gia, nhưng thiết thực, *có thể* bị qui định bởi quyền lợi riêng tư.

Trái lại, cộng đồng nhà trường, khi vượt phạm vi bảo vệ quyền lợi chính đáng liên quan tới việc học hành dưới hình thức những tổ chức chặt chẽ có tính chất nghiệp đoàn, để xác định một thái độ chính trị dưới danh nghĩa bảo vệ quyền lợi quốc-gia, và với tư cách đoàn thể, không thể bị nghi hoặc là lợi dụng đầu cơ chính trị vì nhà trường với tư cách đoàn thể, không phải là một đơn vị kinh tế, sản-xuất hay dịch vụ trong quốc-gia, thì làm gì có quyền lợi riêng mà bảo vệ.

Do đó, sự lên tiếng can thiệp vào những vấn đề liên quan tới vận mệnh quốc-gia của cộng đồng nhà trường với tư cách nhà trường, chỉ có thể xuất phát từ một lo lắng thiết tha đến quyền lợi dân tộc hoàn toàn có tính cách vô tư, vô vị lợi. Họ là *ý thức của quốc-gia* và đảm nhiệm vai trò đặc biệt trong cộng đồng dân tộc, biểu lộ và bảo vệ ý thức quốc - gia đó.

Ở thời đại chúng ta, không còn hay rất hiếm có những cá nhân là bậc Thánh, Vĩ Nhân, được mọi người kính chuộng coi như hiện thân của tình tự dân tộc, ý thức quốc gia, lương tâm nhân loại và khi họ lên tiếng lúc quyền lợi quốc gia bị đe dọa dân-tộc chia rẽ, phân tán mọi người đều nhận ra đâu là quyền lợi quốc gia thực sự, đâu là chân lý qua tiếng nói của họ.

Nhưng có những hạng người có thể đảm nhiệm vai trò trên. Đó là những người làm văn hóa, giáo dục và lớp người được giáo dục. Quốc-gia dân-tộc là một thực tại trường tồn. Những chế độ chính trị qua đi nhưng dân tộc vẫn còn. Cái tinh túy của dân tộc quốc-gia là một tình tự, một ý thức. Phải có người bảo vệ cái tinh túy đó, duy trì cho nó còn mãi mãi. Những nhà văn, nhà giáo và thanh thiếu niên có nhiệm vụ bảo vệ tình tự dân tộc, ý thức quốc-gia. Họ là những lực lượng tinh thần của đất nước. Các đoàn thể nghề nghiệp trong cộng đồng quốc-gia, vì quyền lợi chung, phải đồng ý dành ra một khu vực ở ngoài mọi tranh chấp quyền lợi là lãnh vực văn hóa và giáo dục. Sở dĩ những người ở hai lãnh vực này có thể đảm nhiệm vai trò « trung gian » vô tư làm trọng tài vô vị lợi cho quyền lợi quốc gia, là vì nền tảng đoàn thể của họ không phải là dựa trên quyền lợi, nhưng trên ý hướng về sự thật và ý chí bênh vực sự công chính. Nhà trường, tổ-chức văn hóa không phải là chỗ buôn bán, trường chính trị (forum politique) nhưng là nơi đào tạo, phản ánh và phát huy chân lý, tình tự dân tộc, lương tâm nhân loại. Nhiều nước tạo ra được truyền thống các nhà văn nhà giáo đảm nhiệm được vai trò bảo vệ tình tự dân tộc lương tâm nhân loại. Ở nước ta, các nhà văn, nhà giáo chưa có truyền thống trên, nên chỉ còn học sinh, sinh viên xuống đường mỗi khi ý thức quốc gia bị chà đạp, quyền lợi dân tộc bị đe dọa (1). Nói cho đúng, khi sự can thiệp của lớp người trẻ này hoàn toàn xuất phát từ tình tự dân tộc, và một cách bộc phát thì đó là một biểu lộ *thuần túy* và trong sạch nhất

của ý thức quốc-gia vì không thể hiểu họ liều thân vào những « tranh đấu của tuổi trẻ », phản kháng vì một lý do nào khác ngoài sự quảng đại nhiệt thành với những giá trị dân tộc, nhân loại ; cho nên khi thanh niên, sinh viên một nước đứng lên một cách tập thể, ào ạt bộc phát chống đối một chế độ chính trị của nước họ thì đó là bằng chứng đích đáng nhất về chế độ đã mất tín nhiệm của dân chúng chính vì thanh niên là biểu lộ tinh túy nhất của ý thức quốc-gia.

Tuy nhiên, sự can thiệp, xác định 1 lập trường nhân danh quyền lợi quốc gia của cộng đồng nhà trường (Giáo sư hay học sinh, sinh viên) với tư cách đoàn thể, chỉ có giá trị tiêu biểu cho ý thức quốc gia nếu cộng đồng nhà trường « ở ngoài chính trị » nghĩa là ở ngoài sự chi phối, lãnh đạo của nhà nước hay của một thể lực chính trị, kinh tế nào khác...

Nếu họ bó buộc phải ký những bản kiến nghị, hô những khẩu hiệu hay xuống đường vì áp lực ngoài ý muốn của họ, thì lời nói và thái độ phản kháng, ủng hộ của họ làm cho ai tin tưởng được !

Với tư cách đoàn thể, nhà trường hay

(1) Các vị đại-diện, lãnh-đạo tôn-giáo cũng là một lực lượng tinh thần của quốc-gia. Ở V. N. chỉ thấy các vị đó phản ứng khi quyền lợi của tôn giáo mình bị xúc phạm, chưa có truyền thống can thiệp, xác định lập trường trước những vấn đề liên quan đến số phận đất nước như lên tiếng về xa hoa, đảng điểm về chiến tranh, về những tranh chấp xã hội, về sách báo phim ảnh xấu, không phải một cách chung chung, nhưng trong những trường hợp cụ thể nhất định.

cộng đồng nhà trường ở ngoài chính trị (hiểu theo nghĩa đường lối của chính quyền hay của một đảng phái, thế lực) nhưng với tư cách cá nhân, công dân, mỗi người trong cộng đồng mà trường có thể và hơn nữa nên có một lập trường chính trị. Nhà trường phải cho cá nhân hay từng nhóm cá nhân được quyền theo một đường lối chính trị, bày tỏ, tranh đấu cho đường lối đó cũng như được quyền theo và bày tỏ một chủ nghĩa, một tôn giáo miễn là với tư cách cá nhân, hoặc nhóm tư, không phải đại diện nhà trường.

Trong thực tế một đảng vừa phải chống lại khuynh hướng chung của một số đông trong cộng đồng nhà trường thường lãnh đạo, thờ ơ về những vấn đề chính trị, vừa phải bảo vệ tính chất đa tạp (diversité) những tổ chức, hoạt động chính trị tư riêng, đảng khác không để cho quyền tự do lựa chọn và hoạt động cho những lập trường chính trị nhất định làm tổn thương tới sự thống nhất trên cương vị đoàn thể nhà trường là một lực lượng tinh thần « ở ngoài » và « ở trên » mọi thứ chính trị đảng phái.

Muôn duy trì được cả hai đòi hỏi đó, cộng đồng nhà trường (hội đoàn bay tổng hội) cần nhận thức rõ rệt về vai trò và giới hạn phạm vi hoạt động của mình.

Một người, một nhóm đứng ở trong cộng đồng nhà trường, nhưng với tư cách riêng, có thể ủng hộ một người, một đường lối chính trị, nhưng cộng đồng nhà trường với tư cách đoàn thể

không được làm như vậy vì nó không phải là một tổ chức chính trị.

Cộng đồng nhà trường là một lực lượng tinh thần của Quốc Gia, chỉ can thiệp khi những quyền lợi quốc gia bị đe dọa, nhân phẩm con người bị xúc phạm. Sự can thiệp tuy có tác dụng chính trị nhưng vẫn giữ tính chất luân lý, chứ không phải chính trị.

Sự thực, rất khó xác định đường lối chính trị nào là đe dọa quyền lợi dân tộc để quyết định nên hay không nên « dẫn thân » hoạt động. Cũng rất khó tránh khỏi sự kiện bị lợi dụng, mua chuộc lòng gạc hoặc chính những người lãnh đạo cộng đồng (Giáo sư, học sinh, sinh viên) lợi dụng cộng đồng đoàn thể làm chính trị riêng (politique personnelle).

*
* *

Lý tưởng không chính trị hóa nhà trường về phương diện bắt buộc nhận một hệ tư tưởng, tôn giáo cũng như về phương diện coi cộng đồng nhà trường là một công cụ chính trị ít nhiều được thực hiện ở một số nước Tây-phương. Sự thực hiện này trước hết tùy thuộc vào sự giác ngộ về vai trò của mình của cộng đồng nhà trường đồng thời cũng tùy thuộc vào sự đồng tình chấp nhận của xã hội nhất là của chính quyền về sự cần thiết có vai trò trên trong cộng đồng quốc gia. Trong trường hợp những nước vì những lý do đặc biệt nào đó chưa thể thực hiện được lý tưởng, chính trị hóa giáo dục và phải đặt vấn đề chính trị hóa, thì thiết tưởng nền chính trị hóa một cách triệt để, do chính quyền đảm

nhệm. Tuy nhiên việc đề ra một chủ nghĩa chính trị để buộc mọi người theo và tạm thời gác bỏ tự do chỉ có thể hiệu nghiệm nếu chủ nghĩa đó phần nào phù hợp với thực tế, chứa đựng một động lực nào đó (Dynamisme) và những người chủ trương thực sự tin tưởng vào tác dụng lợi ích cho quốc gia trong việc thực hiện chủ nghĩa đó. Vì thế rằng độc tài, chính trị hóa, còn hơn là

tự do nửa chừng, chính trị hóa nửa chừng. Kết quả là chính quyền không hoàn toàn nắm được, các thế lực chính trị, cũng mỗi phe một nhóm. Rúc cục, chẳng làm được gì vì chia rẽ đổ kỵ, và tê liệt, nát bét cả, như thế chẳng ngao ngán hơn là có chỉ huy, chính trị hóa cho rồi sao?

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Một tập tài liệu phong phú về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, giáo dục, quân sự v.v...
- Một tập tác-phẩm đã in và sẽ in thành sách : Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết, Lược khảo văn học, Tiểu thuyết hiện đại, Tìm hiểu Hội Họa, Vườn Mây, Hòa Âm, Cái bong bóng lợn, Vượt thác, Mùa xuân trên đỉnh non cao, Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trắng sáng, Giã từ, Thư nhà, Lá vẫn xanh v.v...

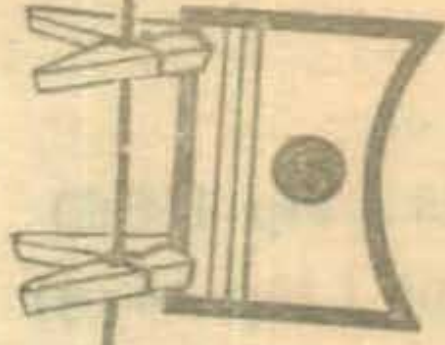
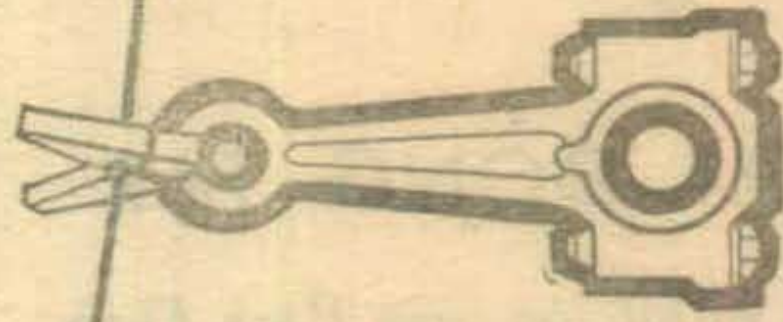
BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Mỗi năm : 4 tập 24 số : 260 \$
- 7 năm : 20 tập 168 số gồm có :
- 8 tập (1957-60) mỗi tập 12 số (giá 1 tập 110 \$)
- 12 tập (1961-63) mỗi tập 6 số (giá 1 tập 65 \$)

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

Có bán tại các hiệu sách và tại tòa soạn Bách Khoa

160, Phan-Dinh-Phùng Sài Gòn



hơn 50

năm tại

Việt - Nam





Về hòa bình

HỒ-HỮU-TƯỜNG

ĐẠO PHẬT, muốn vượt lên để thành *minh đạo*, tất phải gặp nhiều vấn đề thuộc về xử thế, mà vấn đề trọng đại hơn hết là vạch lối cho tín đồ mình xử sự với chiến tranh nguội ở từng địa phương và chiến tranh nóng ở khắp toàn thế giới. Tuy là hai, song vốn là một : cả hai đều do sự phân hóa thế giới thành hai khối tương phản nhau và mỗi bên đều muốn biến cả thế giới theo khuôn mẫu của mình. Bây giờ, chiến tranh không còn là sự tranh giành quyền lợi nữa : như nước thắng trận vừa rồi bỏ tiền của ra mà nuôi các nước đã thua. Mà bây giờ, chiến tranh trở nên sự dùng quân lực mà ép buộc nước khác thờ theo lí tưởng của mình. Và như vậy, đối với kẻ bại trận, lí tưởng không ưa mà

phải thờ, lí tưởng đang miễn yếu lại phải xa lìa ; còn đối với cả đôi bên thì tang tóc, tàn phá, nghèo khổ, trụy lạc... Địch thì chiến tranh, trong hình thức mới này, là cái khổ to hơn tất cả cái khổ khác mà Thích-Ca Mâu-Ni đã phác họa.

Sau trận đại chiến thế giới thứ nhứt, thì đã bắt đầu, sau trận đại chiến thế giới thứ hai, thì phần thịnh hơn, ở các xứ Âu-Châu người ta khổ về chiến tranh và tổ chức lại thành đoàn thể để đề cao hòa bình. Lắm đoàn thể này trở nên những phong trào quốc tế và huy động được khá đông. Họ đã giác được cái khổ này trước hơn số đông của tín đồ đạo Phật, và sau mấy chục năm hoạt động, ắt có nhiều kinh nghiệm. Người

xương ra *minh đạo*, nếu tìm được lối giải thoát chung cho nhân loại khỏi cái khổ lớn này, ắt được hàng triệu người hưởng ứng, và nhờ đó *minh đạo* sẽ có một số người cảm tình rải rác khắp bốn phương trời.



Đồng thời với cái khổ lớn này, xuất hiện những điều kiện để dập tắt nó : ấy là những phát minh về vi trùng học, về hóa học và nhất là về vật lý học. Những phát minh này giúp cho các cường quốc chế tạo được lắm thứ khí giới vô cùng lợi hại, gần như tuyệt đối, hễ tung ra thì giết chóc hàng triệu người, tàn phá trọn những thành phố rộng lớn, làm hại mùa màng và làm cuộc chiến tranh thế giới thứ ba có tính cách là kéo lui lịch sử loài người vài ba thế kỷ là ít.

Cái viễn đồ này làm cho lắm người giật mình và những nhà cầm quyền các cường quốc phải suy nghĩ lại rất nhiều trước khi quyết định dùng biện pháp quân sự để giải quyết sự tranh chấp với nhau. Đó là cái tâm trạng làm cho cái biện pháp *ahimsa*, mà Gandhi rút trong đạo Phật ra để chủ trương cuộc tranh đấu giải phóng cho An-Độ, được nhiều người nhắc nhở tới khi phải xử sự với nhau trên trường quốc tế. Do đó mà nhiều người tin rằng cuộc chiến tranh nóng, toàn diện, bằng khí giới vi trùng, hóa học, nguyên tử và nhiệt hạch tâm (*thermo-nucléaire*) giữa khối Đông và khối Tây sẽ không thể nào xảy ra, vì cả đôi bên đều sợ sự tiêu hủy. Nhưng kết luận này có hơi vội vã : Sự khả hữu của chiến tranh thứ ba tuy có giảm bớt nhiều, song không

phải là mất hẳn. Loài người phải hoạt động nhiều lắm mới tránh được cái tàn phá tập thể này.

Bởi vì, và ở đây ai cũng phải đồng ý, từ hồi dứt chiến tranh thế giới thứ hai đến bây giờ, cuộc chiến tranh nguội không khi nào ngớt, cho đến đôi người ta quen với nó và cho nó là cái nếp sống hiển nhiên của thời này. Khởi lên là sự thức tỉnh của các thuộc địa cũ ở Á-Châu và Phi-Châu ; đến khi các cuộc chiến tranh giải phóng này thành công, thì các nước mới ấy lần mò tìm con đường của mình. Chừng ấy, mỗi bên Đông và Tây đem cái lí tưởng mình mà quyến rũ, nội chiến nổ bùng, hai đại cường quốc đem binh tiếp viện cho phe mình, ấy là chiến tranh nguội đã hiện trọn hình của nó, Mà nếu cuộc chiến tranh nguội này làm nghiêng hẳn đòn cân lực lượng của đôi bên, thì ngòi lửa chiến tranh nóng châm rồi : hai bên sẽ trực tiếp đánh nhau và thuyết *ahimsa* trở nên vô hiệu.



Vậy thì cái nguyên nhân của chiến tranh thế giới thứ ba là lí tưởng Đông Tây tương tranh, mà cái duyên khởi của nó là chiến tranh nguội ở mấy vùng mà hai bên tranh giành ảnh hưởng. Do sự nhận xét đó mà có nhiều người kèm cái thuyết Trung lập cho các nước nhỏ vào cái chủ trương cộng tồn của hai khối lớn. Thuyết Trung lập vì vậy mà phát triển mau lẹ và đã được thẩm xét trên thứ bậc quốc tế trong hội nghị Genève (1960).

Trung lập chế của các nước nhỏ là điều kiện tất yếu chứ chưa phải là điều kiện sung mãn : nó chỉ qui định sự

bang giao của các nước này mà chẳng hướng được lịch trình biến đổi ở trong. Do đó mà thỉnh thoảng, trong xứ ấy lại mất thăng bằng, nội chiến nổ bùng ra đốt ngòi cho chiến tranh nguội nữa. Muốn tránh sự mất thăng bằng này, cần phải nghiên cứu lại vì sao mà nó có và phương pháp nào để tránh.

Những nước nhỏ thường là những nước hậu lạc, hoặc là những nước văn minh xưa mà trải qua mấy trăm năm đổi trảy. Nó kém về đủ phương diện kinh tế, xã hội, chánh trị, văn hóa. So sánh ra, phần đông chỉ gần bằng các nước Âu-châu khi vừa có cách mạng công nghiệp, và trong khoảng mấy chục năm phải rượt theo kịp khúc đường mà các nước ấy đã đi trong gần hai trăm năm. Để vượt tới với tốc độ này, khối Tây-phương không bày cho họ được phương pháp nào, mà quần chúng của họ lại thấy gương nước Nga, nhờ phương pháp độc tài mà trong không đầy năm mươi năm rượt theo kịp các cường quốc. Thế nên, mặc dầu Nga không nhúng tay vào như trong trường hợp nước Tàu, quần chúng này cũng tự động mà làm cách mạng. Ấy là nguyên nhân làm mất thăng bằng. Huống chi Tàu vì muốn tranh làm bá chủ với Nga trong khối Cộng Sản, lại can thiệp một cách tích cực để thúc đẩy các cuộc cách mạng ấy.

Để tránh sự mất thăng bằng do biến thiên nội tại này, phương pháp không phải là dùng ngoại viện để đàn áp cái phong trào dân chúng bằng quân sự và chánh trị. Làm như thế chỉ tổ chề dầu thêm cho chiến tranh nguội dễ nổ bùng ra mà thôi. Cái phương pháp phù hợp hơn hết là vạch cho quần chúng

một lối tiến tới mau lẹ, thỏa mãn được sự thèm khát đi mau của chúng, còn đem thêm cho chúng những điều mà chế độ Cộng-sản không sao cho họ được. Lối tiến tới ấy không phải là văn minh của Tây phương cung cấp được, mà cũng không thể bắt chước theo các nước Cộng-sản mà có được. Nó là đường lối ở giữa, thu nạp được cái hay của mỗi bên, bỏ phứt những cái dở của mỗi bên, rồi tài bồi thêm những sở kiến của mình. Ta gọi nó là « Trung đạo ». Nó giúp cho các nước nhỏ giải thoát được nạn chiến tranh nguội, đồng thời giúp cho cả nhân loại xô đang xa ra cái họa chiến tranh thứ ba, cũng như cái trung đạo xưa của Thích-Ca Mâu-Ni giúp cho cá nhân giải thoát cái khổ nhỏ vậy.

..

Trung đạo tách đang xa đường lối buông lung của tư bản chủ nghĩa, cái này làm cho bản phú cách biệt, kẻ nghèo làm vật bị bóc lột và ép bức của nhà giàu, làm cho bình đẳng và bác ái trở nên những tiếng trống rỗng, làm cho công bình mất hẳn ; và do đó bao nhiêu bất bình nổi lên, gây xung đột giai cấp, mầm mống của chiến tranh nổi loạn. Trung đạo cũng tách đang xa đường lối độc tài chà đạp tự do và nhân phẩm của con người, ngăn đón sự phát triển của cá nhân về bề cao để san phẳng bề dưới. Vì vậy, mà đi ở giữa, trung đạo sẽ là một xã hội chủ nghĩa nhân đạo.

Bởi là nhân đạo, xã hội chủ nghĩa này không bóc lột thợ thuyền và nông dân tận xương tủy để tích lũy theo lối sơ khai số tư bản cần thiết hầu kiến thiết kỹ nghệ một cách cấp tốc. Và

lại, có kĩ nghệ nhiều thì nước chỉ mạnh về võ lực, mà bởi các thị trường thế giới đều đầy nghẹt hàng hóa rồi, sự kĩ nghệ hóa Á-Châu và Phi-Châu chưa phải là lối hay để giải quyết các khó khăn về kinh tế. Hiện nay, nạn đói kém nhất là ở Tàu và ở Ấn-Độ đương dày vò cả tỉ người, thì điều mà nhân loại đòi hỏi cấp bách hơn cả là cuộc cách mạng nông nghiệp ở Á-Châu và Phi-Châu. Áp dụng đến triệt để máy móc trong nghề canh tác, áp dụng hóa học để làm cho mùa màng tăng lên gấp đôi gấp ba, áp dụng sinh vật học để chọn lựa giống tốt hơn, áp dụng tất cả khoa học để chế tạo các đồ dùng từ nông sản, thêm vào sự khai thác những rừng hoang mênh mông ở Đông-Nam-Á và Phi-Châu : đó là một chương trình cách mạng nông nghiệp sẽ tiêu thụ được bao nhiêu sản phẩm kĩ nghệ của Tây phương cũng như của Đông phương và sẽ cung cấp thức ăn cho bao nhiêu người đói kém cũng như nó sẽ làm giàu cho hàng tỉ khách hàng của các nước kĩ nghệ. Có số khách hàng này trước, sự kĩ nghệ hóa các nước Á-Phi sẽ đi sau chẳng muộn. Ấy là thay vì sự người bóc lột người, một sự tận khai thác thiên nhiên. Lấy vốn ở đâu để mà chi phí cho cuộc cách mạng nông nghiệp này ? Câu hỏi này là một cái thử thách cho thuyết viện trợ mà các cường quốc cao rao trong mười mấy năm nay. Nếu viện trợ mà không có ý nghĩ thâm kín nuôi cuộc chiến tranh nguội, thì đây là dịp để viện trợ cho các nước yếu đó.

Tiến tới trong con đường của xã hội chủ nghĩa nhân đạo thì tất nhiên nhẹ về oai-trị bằng quân đội, công an, cảnh sát mà nặng về đức-trị bằng luân

lí và đạo đức. Vậy cần một văn minh tu sĩ để rèn luyện, uốn nắn, hun đúc người cho ngày càng cao quý đẹp đẽ hơn. Cái văn minh tu sĩ này cũng tuyển trạch giúp cho xã hội những cán bộ chánh trị, kinh tế. Các tăng già xưa, sống bằng khát thực như trong Phật giáo tiểu thừa, sống bằng tự sức mình làm như trong Phật giáo Đại thừa, không thể cung cấp các loại cán bộ này được. Phải có những cán bộ mới, lấy sự sáng suốt mình mà nuôi sống mình, đồng thời dùm dất cho quần chúng sống nữa. Một cán bộ là một vị tu sĩ, thêm một chuyên môn, chừng ấy đạo và đời nhứt thống rồi, đạo ấy mới thật là xử thế. Đã có lúc tăng già đảm bảo được sự giáo huấn và nền y tế của nhiều nước ở Á-Châu, thì cũng đến lúc các tăng già mới của *minh đạo* cung cấp được cán bộ cho mọi ngành hoạt động.

..

Điều cốt yếu là nhịp phát triển kinh tế, đo bằng mức sống trung bình của dân chúng và sức sản xuất theo đầu người, và nhịp phát triển của xã hội chủ nghĩa của những nước theo trung đạo đây phải được mau lẹ hơn của những xứ tương đương bên phía cộng sản. Thiếu điều kiện này, quần chúng ắt bị phương pháp độc tài thu hút mà mầm nổi loạn không dập được.

Điều nên cố gắng kể đó là tận dụng những tự do, do sự nhân đạo đảm bảo, mà thu thập những cái hay về khoa học, về văn chương, về nghệ thuật của cả đôi bên Đông Tây mà làm một cuộc tập đại thành để xây dựng một cái Văn hóa mới. Có cuộc cách mạng văn hóa này, những nước theo trung đạo mới

quyển rú ngược lại những phần tử bên Đông cũng như bên Tây, theo đường lối của mình.

Việc thứ ba là năng gặp gỡ nhau, cũng như ở Bandoeng, để vạch một đường lối chung về chánh trị ngoại giao quốc tế mà chủ đích là tránh nạn chiến tranh nguội và chiến tranh nóng, để trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau và để giúp đỡ lẫn nhau. Trong việc giúp đỡ này, phần quan trọng hơn hết là thỏa thuận một chương trình di cư, để cho những nước rộng đất mà thừa dân mở cửa đón rước số người thặng dư ở các nơi có họa nhân mãn và đói lạnh. Kế đến là việc trao đổi cán bộ trong mọi ngành hoạt động, những cán bộ len lỏi trong dân gian được và ít đòi hỏi như các cán bộ do sự viện trợ hiện hành.

Nếu có nhiều nước nhỏ như vậy mà ở chung một vùng như những nước nhỏ ở Đông-Nam-Á nhiều nước ở Phi-Châu, thì nên tổ chức lại thành Tổng liên bang để xây những viên đá đầu của cái xã hội đại đồng. Được nhiều cái Tổng liên bang như vậy thì cái viễn đồ đặt thế giới trên thế chân vạc mới có thể thành tựu được.

Chiến tranh nội loạn ở các xứ nhỏ dứt, thì chiến tranh nguội không có cơ khởi nhúm lên được. Chiến tranh nguội không nhúm lên được, thì sự tương tranh giữa hai khối Đông Tây có thể gom về hình thức đơn giản hơn hết của nó là thử thách với lịch sử coi chế độ nào thích ứng hơn mà tồn tại. Để gom như vậy, cần phải thuận ước nhiều điều như là không dùng tinh lực nguyên tử để chế khí giới, tài giảm binh bị và hạ bớt ngân sách chiến tranh, giải quyết ổn thỏa một

số vấn đề làm cho đôi bên gắng nhau, tôn trọng trung đạo của các nước nhỏ... Những bước đầu này khai mào cho những thi thố có tính cách bền vững hơn như là giảm bớt chủ quyền của các cường quốc và nhượng một mớ quyền hạn cho Liên-Hiệp-Quốc khoáng đại, để đi đến một chính phủ liên bang thế giới gồm có sự giải tán các quân đội quốc gia để thay thế bằng một đội quân cảnh sát quốc tế, lập những cơ quan quốc tế để thi hành những kế hoạch tài chánh, kĩ nghệ, nông nghiệp, văn hóa chung cho cả loài người.

Chừng nào đến thế giới đại đồng rồi thì mới hết sợ họa chiến tranh và loài người mới bước vào ngưỡng cửa của một nguồn thanh bình.

..

May mắn cho cả loài người nếu có thể tránh được nạn chiến tranh thế giới thứ ba ! Như vậy, nó sẽ khỏi bị bắt buộc đi lại khoảng đường đôi ba thế kỉ mà sự tàn phá xô lụi nó trở lại. Trong cái giả thuyết mà một đôi nơi nhen nhúm được mầm mống của trung đạo và như vậy lách mình ra ngoài cuộc binh lửa, thì, rủi có chiến tranh thứ ba nổ ra, sau cuộc chém giết và tàn phá rồi, những mầm mống ấy sẽ là những nơi nhen nhúm cho cái văn minh mới. Mấy dân tộc ấy sẽ dẫn đầu loài người trong một hai trăm năm và văn minh họ sẽ lan tràn khắp địa cầu. Rủi hơn hết là *minh đạo* chưa xuất hiện mà thế giới đại chiến đã nổ bùng, đâu đâu đều chịu cảnh tang tóc và tàn phá chung thì một khi chiến tranh dứt rồi, cái ý bây giờ mới gieo ra, chừng ấy mới tràn lan ra được. Bởi ngh

như vậy mà tôi mới viết bài trăm tư này.

Khi trăm tư, tôi muốn áp dụng lối tư duy của Phật vào một vấn đề mới, đem tứ thánh đế này để làm khuôn để đặt vào đó vấn đề chiến tranh và hòa bình của thời đại này. Tôi thấy cả hai đường lối của Đông phương và của Tây phương đều đi ngang qua chiến tranh mới đến cái hòa bình trong ấy mình độc chiếm thế giới. Đường lối thứ ba, cái trung đạo, lấy hòa bình làm mục đích, và cũng làm phương tiện, hạp với từ bị — và bác ái mà cũng hạp với cao vọng của phần đông các tôn giáo, và vạch cho thuyết *ahimsa* một lối đi hợp lý — Làm như thế, trong đám rừng hình nhi thượng học, nó không cho mọc chen một cây nào mới để giành chỗ với những cội cũ. Nó không giành phần nắm chơn lý với một tôn giáo hiện hành. Đặt một vấn đề nhận thấy một cái khổ, rồi tìm phương giải thoát nhân loại khỏi cái khổ ấy, *minh-đạo* sẽ có thể đồng minh với nhiều tôn giáo, nhiều phong trào hòa bình đang

lan tràn khắp thế giới. Nó có tràn lan mau lẹ chẳng là nhờ len lõi theo lối ấy.

Nhưng như thế, lắm phần hình nhi thượng trong Phật pháp cần phải chỉnh lại. Đó là sứ mạng của người khai đạo, của Maitreya thời này. Thích-Ca Mâu-Ni thường ví cái pháp mình như cái bè để đưa người sang qua bờ bên kia. Hai ngàn năm trăm năm qua, bây giờ không còn chỉ vượt qua một con sông mà cần đưa loài người vượt qua một cái biển cả đầy sóng to dưới gió lớn. Nếu Maitreya tìm được phương pháp nào thích ứng cho trọng trách mới thì Thích-Ca Mâu-Ni là người hoan nghinh trước nhất. Nhưng một Maitreya có thể đem hòa bình lại chẳng? Hay là hòa bình phải do tất cả loài người cố gắng mới đến được?

Đối với cái khổ tập thể, chỉ có lối giải thoát tập thể mà thôi.

HỒ-HỮU-TƯỜNG

Kỳ tới : Trăm tư thứ tư : Về nạn đói kém.

nhà in **VĂN-HÓA**

412-414 Trần-Hưng-Đạo, Sài Gòn — Đ.T. 20.161

MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM



- ẤN LOÁT MỸ THUẬT
- CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ
- CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT

Đi vào « Sốc »

● SƠN NAM

Ở vùng Tây - Ninh và đặc biệt ở miền Tây-Nam Nam-Phân hiện nay hãy còn một số khá đông đồng bào Việt gốc Miên. Họ sống từng nhóm đông đúc (Trà-Vinh — Sóc-Trăng) hoặc rải rác (Kiên-Giang — An-Giang) bên cạnh người Việt và người Việt gốc Hoa từ trên hai trăm năm qua . . . nghĩa là cùng chịu đựng những phút vui buồn của lịch sử.

Thời Gia-Long tâu quốc, một người Miên ở Trà - Vinh đã dày công theo chúa Nguyễn, đánh Tây-Sơn, nhờ vậy ông này được hân hạnh mang họ của hoàng tộc, lấy tên là Nguyễn-Văn-Tồn. Khi triều-đình Huế thi hành kế hoạch đào kinh Vĩnh-Tế nối liền sông Hậu-Giang đến Vịnh Xiêm-La, Nguyễn-Văn-Tồn huy động một số dân công khá đông . . . Khi ông mất, triều-đình truy phong chức Thống Chế.

Ngôi mộ của Thống Chế Tồn nay hãy còn tại Trà-Ôn, xây dựng theo kiểu mộ Việt - Nam. Người Việt hằng năm đến cúng vái Ngài, gọi nôm na là ông Lớn Tồn hoặc Quan lớn Tồn.

Các quan lại của triều đình Huế thường chú trọng đến quyền lợi, sinh kế của người Việt gốc Miên. Nghiên cứu tiểu sử của cụ Bùi-Hữu-Nghĩa (đậu Thủ-Khoa, soạn giả tuồng hát bội Kim-Thạch Kỳ-Duyên), chúng ta thấy lúc chấn dân tại vùng Trà-Vinh, cụ Thủ-Khoa đã bình vức quyền lợi của đồng bào Miên, khiến một số gian thương chuyên khai thác thủy lợi đem lòng thù oán. Bị vu oan, cụ Thủ-Khoa vui lòng làm tội nhân, về Huế chờ ngày thọ tội nhưng nhờ bà Thủ-Khoa đi ghe bầu đến kinh đô, đội sớ khiếu oan kịp thời.

Tóm lại, từ bao năm qua, người

Việt và người Việt gốc Miên sống với nhau trong bầu không khí vui vẻ, hiểu biết. Đôi khi, nếu xảy ra việc « nổi loạn » hoặc báo oán, chúng ta thấy rõ là có bàn tay của thực dân Pháp nhúng vào.

Thực dân Pháp dùng chánh sách chia rẽ đề trị, hy vọng dùng người Miên kiềm chế người Việt. Thực tế đã chứng minh rằng thực dân Pháp nếm mùi thất bại chua cay : vào năm 1926 ông Chủ Chọt (một người Miên) đã khởi nghĩa tại xã Ninh - Thạnh - Lợi (quận Phước-Long, tỉnh Rạch - Giá cũ), giết chết tên cò Pháp, năm bảy tên lính mã tà. Thực dân Pháp gọi biến cố ấy bằng danh từ : Échaffourée de Ninh-Thạnh-Lợi. Cuộc đàn áp diễn ra, hàng trăm người Miên gồm già cả lớn bé bị bắn giết, chôn chung trong một cái hố khá to, lấp đất sơ sài. Ngày nay, đồng bào gọi khu đất tha ma ấy là Mả chủ Chọt.

Người viết bài này đã sống trong sóc Miên ở Làng Sóc-Sơn, tỉnh Rạch-Giá từ thuở mới lên năm đến khi được mười lăm tuổi. Giờ đây, ôn lại thời gian đã qua, chỉ thấy quá nhiều kỷ niệm êm đẹp.

Danh từ « Sóc Miên » chẳng có gì là khó hiểu cả ! Sóc (srok) : làng xóm. Người Việt gốc Miên thích tập hợp gia cư thành một xóm, trên giồng đất cao. Từ xa, ta có thể nhận ra một sóc với cây cỏ xanh um ; nơi giữa sóc hoặc cuối sóc, tàn cây sao nhô lên như cái lọng, gần cây sao là chùa Phật.

Việc cai quản « sóc » về mặt đời (chánh trị, xã hội) được giao phó cho « mẹ sóc », một vị cao niên, có tư cách, đạo đức. Tại sao « mẹ » lại là đàn ông ? Thật ra, « mẹ » chỉ âm lại tiếng « mê » của người Miên — mê : người lớn nhất.

Do sự chung đụng về ngôn ngữ giữa đôi bên, tên các sóc thường Việt hóa, đề viết dễ dàng bằng mẫu tự La-Tinh hoặc chữ Hán. Xin đơn cử sau đây vài thí dụ ; tuy nghe chướng tai, rắc rối, các sóc mang nhiều tên khá thơ mộng. Cụ Đặng-Thúc-Liêng có lẽ là người đầu tiên dùng chữ Hán đề âm lại các địa danh xưa ; thời Pháp thuộc, con dấu (mộc) của mỗi xã đều kèm theo tên xã, khắc theo Hán tự.

— Prek pring, rạch có cây trăm : xã Ba Trinh.

— Sang ke, giồng có cây chữ thiên : xã Trường Kế.

— Beng Trao, ao có cây môn nước : xã Phú Giao.

— Kompong Trap, bến có trồng cà : xã An Tập.

Ngoài ra, còn nhiều tên xóm nhỏ, gọi nôm na là Chắc Cà-Đao (prek Pađau : rạch có dây mây rừng), Cà Bơ He (sấu lọi), Cà Bầy Ngọt (Trầu chết)...

Hai chữ Hán : Trà, Căn được thông dụng hơn hết để ghi tạm phần nào giọng đọc của đa số địa danh (Trà-Vinh, Trà-Ôn, Trà-Côn, Căn-Thơ, Căn-Đước...)

Thời Pháp thuộc, thực dân

vô tình hay cố ý đã tước bỏ tất cả họ của người Miên. Trong giấy thuế thân, ta thấy nào Danh Kiên, Danh Uóch, Danh Mâu, «Danh» đây là chữ Hán Việt theo kiểu danh tánh, danh vọng. Do đó, nhiều người hiểu lầm rằng : Những người Việt gốc Miên đều mang họ... Danh.

Đàn bà Việt gốc Miên cũng bị thực dân Pháp tước họ. Trong giấy tờ ghi : Thị Cà Tuốt, Thị Dượng, Thị Ao, theo kiểu Thị Mệt ! Riêng một số người khá giả, chủ điền hoặc công tư chức, họ cương quyết ghi trong khai sanh cả tên lẫn họ.

Những họ này được âm theo giọng đọc chữ quốc ngữ của ta : Sơn, Thạch, Lý, Kim, Châu... Nên nhớ rằng người Hoa Kiều thường cưới vợ Miên để tiện việc giao thiệp mua bán, sanh ra những người lai.

Người Miên trong sóc rất hiếu khách, sẵn sàng chào đón người Việt đến chơi. « Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc », chúng ta cần tôn trọng vài nghi thức để khỏi gây sự hiểu lầm đáng tiếc.

Họ thích ở nhà sàn. Người ở trên sàn, dưới đất là nơi cất giữ dụng cụ nông nghiệp, ghe xuồng và làm chuồng bò. Người Miên ăn thịt bò nhưng tôn kính loại gia súc này, do ảnh hưởng rơi rớt của Bà-La-Môn giáo. Bạn đừng ngạc nhiên, bấu môi khi thấy họ sẵn sóc tắm rửa cho con bò, sẵn sóc kỹ lưỡng hơn con cái, cha mẹ họ. Bò đi cày bừa vừa sức là chủ nhân đưa về chuồng. Cỗ bò đeo lục lạc bằng đồng hoặc bằng

bạc. Thời chiến tranh Việt Pháp 1945, nhiều người Miên dám xông pha giữa gió đạn mưa bom để chạy ra ruộng, lên sườn núi, dẫn dắt cho kỳ được con bò vào chuồng !

Phụ nữ Miên mặc áo «tầm vòng», (kiểu áo hở cổ mà bà cố văn Ngô-Đình Nhu bắt chước !) mặc chần tơ.

Khi các cô từ trên sàn nhà đi thang xuống đất, chúng ta phải nhìn nơi khác, tránh tò mò từ dưới nhòm lên. Lên sàn nhà, chủ khách chào nhau theo kiểu chấp tay xá.

Tiếp rước khách quen biết hoặc khách lạ là nhiệm vụ của gia trưởng, của chồng. Khách đừng hỏi thêm : « Bà đâu rồi ? Vợ của ông đâu rồi », để mang tiếng bất lịch sự.

Khi gặp trẻ con, khách nên vui vẻ, nắm tay hoặc vỗ vai đưa bé... nhưng tuyệt đối chẳng được sờ vào trán, sờ vào đỉnh đầu đưa bé. Theo tín ngưỡng thông thường, họ quan niệm đầu là nơi thờ « tổ », bất khả xâm phạm. Nếu bị sờ ngay đầu, đưa bé sẽ mang bệnh vì tổ trừng phạt.

Con cái chưa chồng luôn luôn bới tóc sau ót như đàn bà Việt ; khi có chồng, luôn luôn họ phải hót tóc ngắn.

Nếu muốn mua thức ăn (trứng gà, trái cây) bạn nên thương thuyết với bà chủ nhà vì theo thủ tục gia đình — bà ta nắm phần quản trị. Thường thường người đàn ông từ khước, chẳng cần bán sản phẩm dầu với giá cao thế mấy khi người khách đưa đề nghị với ông ta. « Không

bán đầu. Tôi đề dành. Muốn mua thì phải « hỏi vợ tôi ».

Bữa cơm của gia đình rất đơn giản, người nghèo chỉ ăn muối hột đậm chung với trái me sống. Món canh thường được « nêm » thêm vị « bò-hóc ». Khách nên cố gắng ăn cho kỹ được kéo mắt cảm tình đối với gia chủ. Bò hóc là loại mắm cá. Trước tiên, họ đem cá phơi nắng, vài ngày cá ươn, bốc mùi. Họ quết mớ cá ấy cho nát, bỏ muối vào rồi bỏ trong hũ. Mắm bò hóc ăn khá ngon nếu bạn quen mùi ; đem mắm bò hóc ra đãi khách, chủ nhà muốn biểu lộ sự kính trọng. Nếu từ chối hoặc ăn gượng gạo, bạn đã hành động thất nhân tâm.

Một người bạn Miên đã nói với chúng tôi : mắm bò-hóc thơm ngon giống như « bơ » của người Pháp ! Vùng Sóc-Trăng, Rạch-giá nghề bán bún khá thanh hành, « bún nước lèo ». Trước khi ăn, bạn nên dọn trước kỹ lưỡng kéo họ chan thứ nước lèo bò hóc !

Người Việt gốc Miên theo Phật-giáo Tiểu thừa, thanh niên đến tuổi phải đi tu để học chữ Nam Phạn (pâli), sau đó, họ có thể xin phép hoàn tục, cưới vợ. Lúc gặp các sư sãi hoặc tiểu tăng, bạn nên cúi đầu hoặc chấp tay xá. Con đi tu, cha mẹ vẫn xá như thường vì tôn kính chiếc áo cà-sa của Đức Phật.

Chùa xây cất nơi tỉnh mịch, cây cỏ mọc xum xuê. Người Miên vốn yêu kính thiên nhiên, tránh việc giết cây cỏ, thú dữ. Ngay trong việc cày cấy, họ chỉ khai phá đất rừng

trong phạm vi đủ ăn cho gia đình chớ ít chịu triển khai canh tác. Đến sân chùa, khách thập phương nên tránh cười giỡn ồn ào, không được bắn phá, giết hại chim chóc hoặc hái hoa, nhứt là đốn măng tre !

Muốn bàn bạc mọi việc liên quan đến « phần đời » ta phải tìm viên quản lý nhà chùa (lục a-cha) chớ không nên nói thẳng với vị đại đức trụ trì. Ngài lo tu hành, chẳng muốn dính dáng với mọi của cải ở thế gian. Nếu giải quyết chưa xong, vị quản lý sẽ đưa ta đến gặp mặt vị đại đức. Khi hầu chuyện, khách nên xá hoặc lạy trước rồi ngồi thật xa, ngồi ngoài phạm vi của chiếc chiếu hoặc chiếc đệm mà vị đại đức đang ngồi.

Khi về, khách nên bái biệt tạ ơn nếu muốn chụp ảnh, nhà chùa luôn luôn cho phép với điều kiện là khách phải xin phép.

Trong những xóm hoặc sóc mà người Việt và người Việt gốc Miên sống chung đụng nhau, có lắm ảnh hưởng qua lại về ngôn ngữ, phong tục tập quán. Người Miên ăn cơm với đũa, muông, mặc áo bà ba. Người Việt thỉnh thoảng vào chùa tu theo nghi thức Tiểu thừa, lắm người dày đạo hạnh được phong chức trụ trì. Nhiều tên thảo mộc tên cá... đã trở thành tiếng Việt : cá tra, cá võ, cá ét ; lúa nàng quýt, lúa nàng chò, lúa sa-mo. Nơi vùng ruộng sạ (lúa sạ, lúa nổi), giới nông phu từng nghe... lúa « tàu binh », đó không phải thứ lúa do tàn binh của Pháp phò biển,

« tàu binh » là tiếng Pnom Penh âm lại, giống lúa từ Nam Vang phổ biến xuống.

Tóm lại, người Việt và người Việt gốc Miên sống gần nhau, vui vẻ với căn bản tôn kính đức Phật. Trong nhiều trường sơ cấp ở làng, học sinh gốc Miên tỏ ra thông minh, lắm khi trội hơn học sinh Việt. Về Pháp văn, họ phát âm nghe rất tròn, nói trôi chảy (nhất là âm r) Nhiều giáo viên Việt Nam sẵn sàng tôn trọng tánh chất đặc biệt về phong tục của người Miên : thân nhân những học sinh quá hạn tuổi qui định cho các lớp ở trường công, cho phép học sinh nghỉ ngày Tết (tháng Ba âm lịch) ngày

cúng chùa, ngày lễ đưa nước, rước nước, ngày làm phước cho ông bà cha mẹ. Học trò toàn lớp Việt lẫn Miên do đó tha hồ nghỉ lễ theo phong tục Việt và Miên !

Nếu bạn đọc có dịp vào sóc Miên để thăm viếng, bạn sẽ hài lòng khi thưởng thức vài món ăn lạ, khi thông cảm với lòng yêu vạn vật của họ. Nếu bạn phát âm theo giọng Bắc Phần thì nên nói chậm rãi từng tiếng. Người Việt gốc Miên ở Nam Phần hầu như chưa phân biệt người miền Trung với người miền Bắc. Họ gọi tổng quát đó là... người Huế !

SƠN-NAM

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN •

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành : PARIS TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

thơ của bé hoa

● tặng tất cả các bạn tôi có mặt tại trường mù đêm tất niên

có một đôi lần anh thấy mình lớn hơn vũ trụ
có một đôi lần anh thấy mình nhỏ hơn số không
nhưng chưa lần nào anh trông thấy mình-anh chưa trông

quỳnh hoa, bé nhớ chẳng buổi vào trường mù
nhìn những người bạn mới quen mờ trong bóng tối
tiếng reo rí trên bàn tay
thành từng nốt nhạc thăm thăm đắm đuối
bé nhớ chẳng buổi vào trường mù quỳnh hoa
hoa sống người, anh sống người như tìm ra tội lỗi

●
đêm tất niên hoa hát thật buồn
như lan, như hiên, như lưu, như dinh, như hương
sân khấu đêm ấy thổ ánh điện vàng
mỗi người chúng ta ai chẳng thấy
sân khấu đêm ấy thổ ánh điện vàng
khi các cô bé, lần lượt bước lên

●
các cô bé không bước lên đoạn đầu dài yên báy
các cô bé cũng không hô « muôn năm » hai tiếng việt nam
nhưng anh nhìn thấy những bàn tay run
nhưng đôi mắt run, những trái tim run
theo tiếng nhạc run run
uống từng giọng hát như uống từng hạt sương non trên lá non
ôi những đôi mắt của người mù ngược run, ngược run
anh tưởng họ tìm những vì sao trong thành phố
những vì sao đầy trời
những vì sao đầy phòng họp thơ ngây

quỳnh hoa, nhớ chẳng đêm tất niên ấy
buổi hát tàn chúng mình bắt chước sao đêm
quây từng nhóm trên hàng cò uớt
và anh thấy những đôi mắt long lanh
cả những đôi mắt chỉ nhìn trong bóng tối
chún mình thành nhóm như sao đêm
nhưng sao đêm im nghe chúng mình cười nói

quỳnh hoa có nhớ chăng
khi đứng trên sân khấu nhìn xuống cuộc đời
hoa có thấy không những người thiếu đôi mắt
và chúng ta và tất cả chúng ta
đều giống nhau đều muốn cất tiếng hát
đều giống nhau đều giống nhau, em biết chăng quỳnh hoa
rất thành thực — chúng ta
đều biết khóc khi cần khóc
đều biết buồn khi buồn bã chia xa

quỳnh hoa nhớ chăng đêm tất niên ấy
như bé nhớ chăng có một lần
bé ngỏ lời đùa muốn đọc thơ anh?
thì bài thơ của cô bé mười bốn, mười lăm
không phải bài thơ của vết thương tình ái
không phải bài thơ của thoi thóp chiến tranh
không phải bài thơ của chúng bạn anh
cần thì giờ trên trận tiền từng phút
cần một phút chậm nhanh dành sống sót

quỳnh hoa hẳn bé không biết hôm tất niên ấy
anh bỏ về một mình lúc nửa đêm
và nghĩ tới một người con gái
đang ngủ yên trong thành phố ngủ yên
đang giả dối trong cuộc đời giả dối
và anh nghĩ tới anh tới từng người bạn mới quen
tới đêm tất niên của chúng mình
đề cưỡi to cho tan những vì sao sắp wót
và đọc câu thơ đầu cho cô bé con

như có một đôi lần anh thấy mình lớn hơn vũ trụ
có một đôi lần anh thấy mình nhỏ hơn số không
nhưng chưa bao giờ anh trông thấy mình
đêm tất niên với những người bạn mùa ấy
quỳnh hoa bé biết chăng
chúng ta còn đôi mắt sáng
không phải để nhìn vào sự cô đơn
nhưng để nhìn vào đời sống

CHIẾN TRANH

uyên hà • lữ quỳnh •
lê đình phạm phú •
hoàng lộc • nguyên lê cang

mây bao giờ thôi bay

Anh bao giờ gác súng ?
(Mây bao giờ thôi bay !)
Đường xa chân rớm mồ.
Ai nghe tiếng hát này ?

Nửa khung trời chờ đợi
Niềm hy vọng không xanh,
trong tay còn viên đạn
anh còn buồn quê anh.

Khi cuộc đời mất nghĩa
lý tưởng cũng hoang đường
những hận thù đốt cháy.
từng mẩu tình quê hương.

Anh trở thành xa lạ
Chẳng trợn sắc da vàng
Nỗi buồn không biết nói.
(Nỗi buồn người Việt-Nam).

Tương lai dài ra đấy,
Trên triền cát sa mù
Bước sau chùng bước trước
Dấu chân vào hư vô

Rung rinh niềm chờ đợi.
Tiền tuyến mờ hậu phương.
Hò ơi ! con nước gọi.
Biển nghe buồn mệnh-mang.

Anh bao giờ gác súng ?
(Mây bao giờ thôi bay !)
Cho quê hương lớn dậy,
Để lúa thơm hồn này.

UYÊN-HÀ
(đà-nẵng)

kết cuộc

giữa bốn bức tường cấm
Anh ngồi không tiếng nói
Tóc cùn màu cỏ khô
Tay chai niềm tội lỗi

Mùa xuân ở núi riêng
Loài vật làm liên hoan
Trên từng này thân thể
Trên từng này tuổi thơ
Máu anh loài vật uống
như rượu ngày tiễn đưa
Tâm hồn không sầu muộn
mà cuộc đời bơ vơ.....

Cao nguyên trời gió cát
Tiếng trực-thăng ngắm ngời
Anh về theo chuyến đò
với vết buồn trên môi

Mang cánh tay vải trắng
Dấu tích của ngu đần
Anh về anh lặng lẽ
Nghe nhục nhã trong hồn
Mất đi thêm quá khứ
Nhưng tim đã mãi mòn

Bây giờ anh úp mặt
Xuống vết buồn trên tay
Thương em nhiều cách trở
Nhớ em suốt đêm này.

LỮ-QUỲNH

ưu phiền

Con tàu rên hăm-hực
Quay mũi lơ-là trôi
Nỗi buồn người thủy-thủ
Dồn cao như mây trời.

Dãi đất phong-trần đỏ
Hồn phân tranh chưa tha
Anh đi vào biển gió
Đỡ xót nhìn chia xa...

Hàng kềm gai run bén
Súng hai bờ lăm lăm
Giống nòi đàn tặc-sát
Mà tung hô muôn năm.

Nỗi buồn không lẫn trốn
Sau những hồi giao tranh
Vết da vàng máu đỏ
Không có sấu như anh...

Đại dương vờn man-mác
Buồn vui hai ngọn mùa
Đau nhức tràn thế-kỷ
Đất xếp nồng cay chua

Tiếng thở dài lục-địa
Về thế-giới mệnh-mông
Niềm hãi hùng sâu kín
Anh tưởng vào hư không.

— L. Đ. P. P. —

lời dõ

Thôi hãy nhìn sau ngày,
Con chim vàng đứng hót.
Trời ngoan hồn thơ bay.
Bờ tre cầm nắng đợi.
Em đi về tương lai...

Vai cầu ai thả gió?
Mà nghe hiền đôi tay
Tình anh tròn cuối mắt
Tà áo em phủ dài
Dòng sông xưa rộng lượng

Dập đầu theo biển khơi
Tóc em còn nũng nịu
Vùng tuổi thơ tuyệt vời.

Thôi hãy ngồi cho vui
Anh xin từ đất mẹ
Nhựa thanh bình lên cây
Mùa xuân vòng eo nhỏ
Dù em về tương lai...

HOÀNG LỘC

(Thơ anh bây giờ)

hai mẹ con

Người đàn bà dầy dụa,
Thằng con trai chào đời,
Người đàn bà tắt thở,
Thằng con trai mở cõi.

Lớn lên nhờ lối xóm
Thằng con trai mỉm cười
Bằng bàn tay can đảm
Nó reo hò tương lai.

Với tình thương đất nước.
Nó xin làm quân nhân
Đem tình yêu tổ quốc.
Làm tình thương họ hàng

Mười hai năm run rủi
Nó diệt giặc giữ làng
Mới vừa ba mươi tuổi
Nó đã lìa trần gian.

Mẹ nó ngày dầy dụa
Sinh nó cho cuộc đời,
Đến hồi nó gục ngã
Thôn xóm vừa yên vui.

Hai mẹ con đoàn tụ
Khi bốn phận phải tròn
Hai năm mồ mới cũ,
Cùng nghĩa địa vàng son.

NGUYỄN-LÊ-CANG

Vòng tay anh

● TÚY HỒNG

Ngày 20-10-63

Anh Biên,

Anh lại đồ hồ là em giận. Bao giờ anh cũng nghĩ là em chệch dàn được một thể trận đó đề công anh . . . Giận anh làm chi cho uổng, đề hơi sức nớ mà ho một cái còn sưng hơn, vì rồi thế nào anh cũng tìm cách dỗ và mình lại làm lành với nhau rồi mỗi ngày lại cứ mỗi cái thư. Dị quá ! Người yêu là người mình hay giận nhất trong số những người thân yêu (nhưng không bao giờ giận thẳng), mình thích thấy họ chỉ khờ sở vì riêng mình mà thôi. Em no luôn vì giận anh.

Em ngủ không được cả tuần nay ; cả đời em thì cứ mất ngủ với nghệt thở. Đi xi-nê lỡ quên bớ theo chai thuốc nhỏ mũi là phải bỏ về nửa chừng. Mẹ cấm em dùng thuốc an thần, mẹ sợ mai sau bộ óc lớn đi khó chữa cũng như hồi nhỏ mẹ không cho em viết bút máy sợ khi lớn hư chữ. Do đó, những buồn to, buồn nhỏ được thề mẹ, thừa cơ hội uy hiếp buồn ngủ. Vẫn biết rằng thức đêm thì nghĩ được nhiều câu văn hay đề viết thư cho anh nhưng lại không tuân theo đúng chỉ thị giữ gìn da mặt . . . Đạo này em rọm quá, thật thau lại. Khô tinh thần nhất là phải cố gắng tập béo, làm chi thì làm nhưng mỗi ngày phải nhớ چرا hai ống thuốc bồ đề uống . . . , rửa mà cũng cứ rọm . . . anh thương em nhiều cho em béo đi. Lúc chờ giấc ngủ, anh biếu em đếm số, hàng một, hàng chục, hàng trăm nhưng được một chập em lại đếm lộn qua phần chỉ số đề dừng lại ở những cuộc hôn nhân hùn vốn, hạnh phúc làm toán cộng. Giấc ngủ là đứa gái khó dỗ . . . Em liền

đôi qua đếm ngày, tuần tháng năm . . . Minh yêu nhau đã mấy năm rồi anh hề ? Đồng hồ tự đánh mình đã mấy triệu tiếng. Em nghe mà sốt ruột . . . Sao anh không nghĩ đến chuyện cứu một người con gái đang già ? Sao anh chưa đi hỏi em cho thiên hạ ăn trâu với. Khuôn dấu bảo đảm đời con gái là chút sáng kim-loại màu vàng trên ngón tay áp út. Anh sợ những đứa con gái khác khai tử tên họ tuổi tác anh sao ? Thôi anh cứ liệu đi hỏi em đi rồi chỉ một mình em đeo nhẫn cưới cũng được. Trước hay sau chỉ anh cũng phải cưới em, có đôi, có gán, có bù chì cho ai được nữa mà anh còn níu kéo thêm cho dài dự định. Anh hãy đặt tay lên ót tự hỏi thử có thoát khỏi yêu em không ? Tờ giá thú, anh sẽ cầm tay em ký một lần đề cất giữ mãi mãi . . . và thiệp cưới . . . tên em sẽ nằm nổi trên hai chữ thứ nữ . . . Em sẽ hái lá dứa bẻ khuôn bánh phu thê dọn tiệc ngày anh cưới vợ . . . , chiếc bánh hạnh phúc : bột lọc trong rẻo như cơm trái nhãn lồng vẫn vương vài sợi dứa thái nhỏ ri như tóc, ôm trong lòng chút nhụy đậu xanh đánh nhuyễn . . . tất cả những thứ đó dính dẹo vào nhau như keo, keo sơn, nghĩa vợ chồng đó anh ạ . . . và hai cái khuôn, khuôn trên là anh, khuôn dưới là em. Bánh « su-sê » đó ăn với bánh ít đen, ít trắng nhưng em sẽ không dọn bánh ít trắng trong ngày trọng đại vì em có cảm tưởng đó là chiếc bánh bạc tình . . . Cưới em đi cho rồi . . . , đề chi đề mãi không nên. Em không ham việc gì to, không mơ cao, em không biết chính trị vì chính trị không phải là đồ trang sức của phụ nữ, còn xã hội, kinh tế, giao thông, thương mại, ai cho em cũng không cần. Tình yêu độc chiếm đời đàn bà. Đừng bắt em phải làm sư nữ, xin khai với anh rằng, cả đời, em chỉ thấy có ba (3) cánh cửa, cửa giữa là anh, hai bên là cửa thiên và cửa tử nếu em không vào được cửa giữa thì cửa thiên sẽ níu tay em, vuốt tâm hồn em, che mắt em đề em đừng lao đầu vào cửa tử. Anh có sợ không ? Nhưng anh đừng có tưởng, em cũng có loạn người mê, người lụy nhưng hai mắt em ngày đêm chỉ quen luyện một luồng nhõn kiếm đạo phóng vào cánh cửa giữa kiên cố, nên em không hề trả nghĩa cho một ai dù chỉ một năm, một tháng, một tuần lễ. Thương một người rồi thấy tất cả đều khó thương.

Anh Biên, bao giờ em được tự tay khép cánh cửa giữa. Lúc đó em sẽ hóa thiêu cửa tử và xây Tam-Quan trên cửa Thiên đề cho chị em bạn gái xuống tóc tìm quên. Em may phước được anh thương, anh hiền, anh quý ; em biết ơn anh lắm, ơn đó em nguyện trả bằng em.

Em của anh,
CAM-THẢO

Ngày 24-10-63

Anh Biên,

Em được bỏ đi dạy khế ước rồi, nhờ thế-lực của Trời Phật... Anh chia mừng với em đi... nhưng phút tiếp-xúc với học trò đầu tiên em đã bị « oát », bẽ mặt... vì em cứ tưởng mình bắt ấn cao... lũ tiểu yêu đã phá em ngay từ phút sơ ngộ, cái phút mà em quyết trị chúng. Anh biết không, em đã lỡ dấu nhãn với chúng. Em bắt học trò đứng thẳng, xuôi tay suốt hai giờ đồng hồ. Em vòng tay đi rào cùng lớp và nhìn chăm chăm vào mặt từng đứa một. Thằng con trai nào cũng đứng yên cả, em điềm mặt từng đứa để nhìn, nhìn hết cả lớp, không bỏ một khuôn mặt nào từ cậu đầu bàn đến cậu góc lớp. Em nghĩ rằng hai mắt em sẽ quét sạch ma tà, ám khí trong lớp học. Em đứng thẳng, khoanh tay trước mặt học trò, mắt định thần quan sát thật kỹ, em cố làm cho tia mắt chúng yếu đi, không thể cầm cự với luồng nhãn tuyến của em. Hai vòng mắt em luôn luôn mở rộng, hừng sáng, và những cái nhìn của em cũng một loại : em trợn mắt luôn từng 5 phút trên mỗi học trò (mỗi anh bị cô ngó cho năm phút). Em không ngồi và học trò cũng không ngồi. Học trò có đứa cúi mặt xuống thủ lễ, có đứa chớp miệng cười... Đến chiều xách cặp vào lớp đó dạy bài giảng văn đầu tay. Em gật đầu, vẫy tay mấy tụi học trò cũng đứng sững, cứng ra không rung-rinh, nhúc-nhích chi cả. Em đập bàn, nhắc ngồi xuống, các anh ngồi xuống, làm hiệu, lừ mắt cũng không ấn chúng ngồi được, đứa nào cũng học đứng. Em hoảng, bọn gà tàng đã tương kế tựu kế công lại em đây, em hỏi :

— Các ông không chịu ngồi ?

Phật là cực, bị cả lỗi ra, lũ học trò đã đui điếc chai sạn « chì » ra đây. Khi biết mình nguy, hổng tay, nhớ tới ông giám học đề mời lên cứu viên là chịu mình đã thua rồi đây...

Tình cảm em vốn ướt đẻo nên chiếc khăn tay bị ẩm ướt lây... Lần sau em sẽ trị học trò cách khác : Đuổi vài thằng ra ngoài và lựa thằng nào hiền hiền đề đuổi ra cho kỳ được, không thì em đi ra, lấy cho biết tay vài giờ.

Mấy đứa em ở nhà tiếc cho em không xin dạy trường con gái... Vào cái ổ đàn bà đó mà tế à ? Anh có nghe nói đến thành phần giáo sư ở đó không ? — Sư phạm ba năm không chơi với sư phạm một năm, Tú tài khế ước chơi với tú tài khế ước... Đàn bà thì làm sao lấy nhau được mà cũng kỳ thị bằng cấp. Một cái bộ xương sườn lăm anh của em hí ! Đừng có tưởng dễ xin đi dạy lắm đó. Khi mình xin được bỏ chỗ tốt thì bộ lại mời đi uống nước độc. À mà bao giờ anh đi hỏi em, em đã là công chức rồi mà. Lấy em đi, yêu em, yêu em đến già

vẫn còn gọi em bằng «em». Lâu, anh muốn đề thật lâu cho tình yêu thấm hả anh ? Còn chưa yên... còn do dự...

A anh đừng tưởng em không có chí. Em đã tìm ra dĩ vãng của em rồi, có chuyện tình hân hoi, không phải như vật đất hoang đâu : em dạy một trường với «cố nhân»,... «cố nhân» là ông thầy dạy triết cũ, giờ đây đã có ba con và vợ. Anh nghe đây : Năm em học đệ nhất thì cố nhân dạy Triết, giảng bài chung cho học trò và riêng cho đôi mắt em. Ông ta nhìn em nhiều quá, ban đầu em dị quá, cúi mặt xuống sách nhưng dần dần thấy ông thầy dai quá em bạo dạn đưa đôi con ngươi lên cầm cự lại nhìn coi thử mắt ai nhấp nháy trước... em chỉ nhìn cầm chừng thôi và linh cảm mình sẽ nghiệm ánh mắt thầy giáo, em vừa học vừa mơ mộng. Năm ấy em rẽ đường ngôi giữa đầu những đêm thức khuya tụng bài, em máy tay cứ men theo đường rẽ nhỏ lóc bira, Đường rẽ dần dần trở rộng lộ cả da đầu ; khi mẹ thấy chướng buộc em rẽ đường ngôi lệch thì «trầu đắng cau xanh». Cố chân đi hỏi người khác làm vợ. Em ngơ ngác, té ra những con mắt không làm nên trò trống gì cả, không phải bốn mắt cứ nhìn nhau mãi thì hai ngón tay trở phải mắc vào nhau định đoạt một chuyện tình. Như thế thì từ rày em sẽ không đấu nhãn với ai nữa cả. Em cứ thích làm nháp ái tình lúc cuối chặng đường trung học và thi đậu độ vài năm rồi được bố mẹ điệu về nhà chồng là tốt dịp. Em bị ngỡ ngàng rồi. Nữ sinh vẫn dành tình cảm tình khôi cho sư phụ trước đã, còn chút hơi thừa nào mới thương đến người ngoài. Em tâm lý không ? khoa sư phạm càng ngày càng đông người thì dành chỗ là rứa đó. Sự nhớ ơn của em đối với thầy giáo cũ không dồi dào hơn những giờ học vui ; mấy con bạn «tộn» nhau, chà cánh tay nhau, cười một vẻ điên tàng, cười đau thắt ruột, cười sợ sệt nhưng không thể nín được khiến thầy phải đành giọng :

— Có chi mà mấy chị cười mãi. Cười chi ? Áo tôi rách rãnh ?

Thầy không tâm lý, ai lại đi cười người rách áo ! Mấy anh con trai cùng lớp nổi xung viết lên bảng đen : ...

... Cười thầy chớ khá cười lâu.

Cười thầy hôm trước, hôm sau lấy thầy.

— Anh Biên ơi, quá khứ của em chỉ có chừng đó, gần như bỏ hoang. Anh chưa hỏi em làm vị hôn thê cho rồi. Tâm trí em chưa nhóp vì tình, em rất tự hào xứng đáng với anh...

...Gặp em, cố nhân hỏi thăm liền :

— Cô Thảo có chỗ mô chưa, cho ăn trầu với...

Cái người em tưởng sẽ gửi trầu cho em lại đi xin em miếng trầu...

vậy anh hãy mau mau đưa trâu cau đây để em đi biểu... Câu nói của cô nhân cũng là câu nói vô, để thúc anh lạnh tay cưới vợ... Em mà đi hỏi được anh là em đi liền.

Em của anh
CAM-THẢO

Ngày 26-10-63

Anh Biên,

Vì anh không chịu cưới em nên em phải học bán quân sự để bàn chuyện võ nghệ với anh. Noi gương Nhị Trưng em không thể làm ngơ, không đành để cho đàn ông đi đánh giặc một mình được. Khắp nơi, phụ nữ đã lần lượt phải quần đứng lên. Hơn đàn ông không phải nhờ sức mạnh nhưng em cũng hằng hái luyện tập. Em phải học làm lính, lính một nửa, em phải gắng học thật giỏi họa may trời thương anh khỏi bị động viên...

Trong các thể bắn đứng, bắn nằm, ngồi xồm, ngồi bẹp... em ưa nhất là kiểu bắn đứng bằng súng Colt 12. Súng Colt nòng ngắn bắn rất khó nhưng em cứ bắn tràn bốn phương không cần phải nheo mắt cho đầu ruồi đội đít điềm đen...

Hôm lên xạ trường thử súng Carbine, em gởi súng mơ về thành thị trong đó có anh. Em run rẩy bắn 21 viên đạn, em nằm giữa cỏ, giữa nắng trong cảnh cô đơn. Nếu có anh làm trợ viên, anh sẽ sửa thế nằm cho em và đến nằm bên em, nhìn sâu vào mắt em, vuốt tóc, nạp đạn cho em lấy cò... Đời lính cực lắm anh ạ. Em ôm súng đã nhiều, có khi nào được ôm anh.

Chị Huấn luyện viên giảng:

— Lính tráng thì phải chịu nắng, tập cho da ăn nắng...
Mấy chị coi tôi, lúc xưa da dẻ tôi cũng mịn màng rứa tề...
Đừng sợ đen... phấn nụ, phấn nụ bết vào... khi học tập tác chiến mấy chị phải say sưa lên mới được...

Trường em có năm chị là khóa sinh phụ nữ bán quân sự. Ai ai cũng ham thích và vui vẻ học,... miễn than thở với đàn ông đi. Đàn ông mà nghe mình rên khò tâm về chuyện đó, họ sợ lắm, họ đâm dốc vì cô nào không lấy chồng được mới bị sung vào bán quân sự, một cơ quan sưu tầm gái già, hội phụ nữ độc thân... Mấy chị thể rằng học xong khóa này, chai sạn

thì cũng đã chai sạn dày đi rồi, thêm vào lấy đàn ông, cái tội không biết lấy vợ, cái tội bỏ thừa, bỏ mứa đàn bà . . .

Hôm ráp cái lò xo hoàn lực vào khẩu trung liên BAR em bị gãy thêm một cái móng tay trở nữa. Chưa giặt áo cho chồng mà móng tay dần dần gãy hết . . . Em tiếc công cứng dưỡng : thời gian, chanh tươi, xà bong, thuốc đánh móng tay, thuốc chùi móng tay.

Mấy đứa em ở nhà chê em tồi tồi. Ở sở có bao nhiêu là nam đồng nghiệp mà bỏ phí, không thầu một đấng. Nhưng mấy cu cậu ở sở không ai chịu ngắm « mẹ » cả. Ban ngày em cũng cô đơn như ban đêm vậy. Lúc thường không ai để ý nhưng trong buổi tiệc mặn hay cuộc vui, em luôn là đáp số lẻ một của bài tính trừ. Cuộc vui ở trường thừa một người là Cam-Thảo.

Em biết dùng hình thức trẻ : tóc đáng lẽ ngắn thì dài, áo dài ngắn ; vì quá tra nên em thấy rõ rằng làm tốt là hóa trang cho già thêm. Em già có hột, mấy đứa em ở nhà cũng lớn bộn, gân cồ lớn mãi, rứa mà cha mẹ chịu được. Cha chỉ lo độc một chuyện là khi cha về hưu trí không ai nuôi mấy đứa con dại, mẹ lỡ đẻ ra khi tuổi già. Năm em 22 tuổi, mẹ còn can đảm mang thai em Út ột-ệt, em thấy dị dị trong người và buồn.

Cha định nghĩa : « Về hưu là thất nghiệp khi tuổi già ». Em tức quá định thêm một nghĩa khác : « Làm con gái già là thuê nhà cha mẹ chỉ một phòng đề phải trả bằng hết cả tiền lương ».

Miệng em đôi khi chua lắm. Mẹ khóc.

Em của anh,
CAM THẢO

Ngày 8-2-64

Anh Biên,

Tết đến, ai cũng bị cưỡng-bách thêm một tuổi. Đêm giao thừa em sẽ nuốt hai viên thuốc ngủ... Em không chúc Tết ai cả, chỉ gom góp lòng thành đề chúc anh vui mạnh và sang năm còn chúc nữa...

Tại sao anh không chịu cưới hỏi em cho xong chuyện, anh cứ để dây dưa cầm đờn em lại đã ba năm đề mỗi tình của chúng ta phải chứng-kiến đến hai cuộc cách mạng. Anh bảo rằng lúc này anh đang sừng sốt về tình hình, còn lòng nào nghĩ đến chuyện lập gia đình nữa . . . Mọi người dân bây giờ mở miệng là nói, là bàn chính trị, thời sự và Tết

đến thì sửa soạn ăn . . . vừa ăn, vừa đánh, vừa kêu buồn. Thời sự đã xâm nhập nhiều đến nội tâm con người. Tâm hồn đang xao xuyến về những tin chính trị, anh đang bị thu hút vì những biến chuyển của tình hình . . . anh bảo rằng việc nước là kim nam-châm và bản chất con người là thỏi sắt. Em lơ-mờ hiểu rằng anh bị dính và thanh nam-châm đó và anh nhả em ra . . . nghĩa là tình thế lúc này khiến anh bần đùng, không thiết chuyện chi nữa kể cả đến chuyện lập gia-đình . . . Anh bần đùng, Anh bi-quan . . . Khờ . . . Các anh đành lòng làm kẻ hứng nhận, kẻ bị động . . . Tại sao không đóng góp ? tại sao không đi lính ? Hễ nghe động viên là co lại . . . Công nhận em không quan tâm đến tình-hình trong nước bằng anh đi. Có thể em cho rằng vấn đề trung-lập hóa miền Nam Cộng-hòa không nguy hiểm bằng nạn dịch-tả đi. Em có thể hấp-tấp kết-luận rằng tình yêu giữa hai người không còn nguyên-chất nữa, tình yêu đang bị chi phối bởi sự đời, sự nước. Nhưng em, người đàn bà, suy tư chỉ cho lắm cũng chỉ được một chập thôi để mà tìm về một mái nhà, tìm vòng tay anh, kéo tay anh xuống nói nhỏ :

— Con đường chính-trị thật độc không có chi yếu mệnh bằng đời chính-trị-gia, hôm nay làm tướng, ngày mai làm tù.

Đó anh lại cười là em chỉ đề ý đến người, đến cá nhân người làm chính trị thôi đề so sánh ai làm to, ai làm nhỏ, ai hơn ai . . .

Còn anh, anh thơ thần, anh bứt rứt mãi mãi, anh tham vọn .

. Chiều nay em đã nghỉ Tết rồi, ban sáng chỉ đến trường cho học trò mừng tuổi. Buổi lễ tất niên nhà trường đã chu đáo tổ-chức một cuộc sỗ xỗ đề dụ học sinh đến chúc Tết giáo-sư. Ngày mà tình sư đệ còn ngọt mát như nước dừa thì buổi lễ đó phần học sinh tổ-chức, thầy được mời . . .

Em ngán lũ đồ đệ của em từ lâu. Hạng công dân ở thành phố thì nhà giáo là cực nhất, chính phủ chưa thanh trừng đã bị học sinh đá đảo.

Em tin rằng người đi dạy chỉ có tình sư đệ làm vốn, bao giờ thầy giáo cũng thương yêu học trò. Thầy giáo ngày nay còn thương học trò hơn thầy giáo ngày xưa. Ngày xưa, mỗi lần Tết, lễ, môn đồ phải « đi » cho sư phụ. Bây giờ, thầy giáo vui vẻ khui tiền túi góp nhau mừng học trò ăn tất-niên, thầy tết trò . . . Trong lúc đáp từ, Ông Hiệu-trưởng lấy trong túi áo ra tờ thông-tư của Tòa hành-chánh Tỉnh-đường gửi đến nhà trường giải oan cho một giáo sư bị đá đảo không còn một manh giáp, đá đảo mật vụ . . . Bước chân kẻ sĩ đã dẫm nát cả tình sư đệ . . . Khi nào học trò đá đảo em thì anh hoan hô em anh hí ! . . . Dù có bị đá đảo mấy đi nữa, nhà giáo cũng không bỏ được tật cho sỗ không.

Chán quá . . . Tết năm nay em không tìm ra một bản xuân nào vừa ý, cũng không tìm ra một câu chuyện ngày xuân nào hay ho để chép tặng anh.

Em của anh

CAM-THẢO

Tôi ngẫm nghĩ :

— « Đàn ông một trăm lá gan. Lá ở cùng vợ lá toan cùng người ».

Có lẽ ở hạng đàn ông chưa vợ thì tình yêu được khắc lên tim, còn ở hạng đàn ông có đuôi, có vợ con núp một dây dài sau lưng, thì tình yêu ngoài gia-đình phải tính bằng gan. Con tim tôi bé bỏng và buồng gan thì rất rậm, một trăm lá và lá nào cũng mập mạp. Tôi biếu Thảo một lá gan tươi, bùi, nồng tê đầu lưỡi đến độ kích thích hạch nước miếng và phát cho vợ tôi một lá em lá của tình nhân. Như thế có nghĩa là chia đều, cứ vợ một lá thì tình-nhân cũng được một ? Mỗi người năm mươi lá ? hay là chỉ giao cho mỗi người một lá thôi, còn chín mươi tám lá mình cất ?... Khó mà bình giải nổi một tâm trạng theo lối văn nghị luận. Tôi không có sự nghiệp, nguyện cúng cho tình yêu hai lá gan tốt...

Tôi yêu thương Thảo rất điều độ, nhớ nàng qua những lá thư không ai có quyền đọc trộm, mê nàng qua hơn nửa tá bóng nhiều kiểu. Chúng tôi ở xa nhau nên ái tình bị đóng thuế. Nhà giấy thép ăn trên mỗi tình này bao nhiêu là tiền tem. Thư tình là keo dán hai tâm hồn ẩm ướt lại với nhau. Ba năm trời bịn rịn, tôi viết bừa cảm xúc lên giấy mỏng, hôn giấy, ôm giấy, ghì giấy. Bao giờ tôi mới thực tập những lời

lẽ trong thư ? Bao giờ Thảo mới biết được người yêu đã có gia đình ?

— Một vợ, năm con... Thảo yêu một mà lái đến sáu !

Tôi bật lửa đốt bức thư. Lửa tấp một hơi nhẹ, tờ giấy ra tro. Giản dị, giản dị nhất là tôi yêu Thảo. Khi muốn chối thì cho ái tình tự thiêu. Ra tro là chấm hết. Tôi sẽ quên tro và Thảo thì còn nhớ, tình nằng hừng hực như bếp lửa.

Tôi với lấy cái hộp không trên bàn giấy đem về cho con chơi. Tôi đi lững thững giữa trời, lạt miệng và hết thuốc lá. Một cô gái mặc đầm, giáng đi điều luyện nhưng đi chân như bấp chuối bước ngược chiều với tôi. Tôi cười không mở miệng, nhớ lại lời Thảo : Nếu em là đàn ông, không bao giờ em đi chung với người Mỹ ngoài đường. Tôi nhớ mang máng rằng mình cao một thước sáu lăm.

Tôi ghé vào tiệm sách cho thuê. Đọc sách thuê là sở thích của tôi từ thuở thằng Cu. Nhiều hôm tôi đến tiệm ngồi đọc sách luôn ở đó. Ông chủ nghiên cứu kiểm pháp thâm niên, nói chuyện thông suốt 18 ban võ nghệ. Tôi với ông bình luận về những siêu nhân vật của môn phái Côn-Lôn, Không Động, những hành vi cao ngút của các trưởng lão, chân quân.

Tôi thương hại những quyển sách

nô lệ, cũng có bìa màu vàng ghi số, nai nịt chặt chẽ để chống lại sức tàn phá của người yêu sách. Đọc sách thuê tôi cảm biết sức hành lạc của trí não, tôi vừa dờ vừa cấu vào giấy, chùi tay, để dây dầu mỡ, xúc phạm mà không hề ân hận. Không ai sợ những lời yêu cầu giữ gìn sách của nhà chứa. Những quyển sách đó không sạch, không trong trắng, nay nằm trong tay người này, mai người kia, con tôi có xé bót vài tờ cũng không hề gì.

Tiểu thuyết con nhà cũng như tiểu thuyết ba xu hạ tiện, mỗi đêm thuê đều hai đồng, tôi coi xong rồi quên đầu đề. Đọc giả ước tính xem xong còn ghi vài hàng lưu niệm, tôi thích thú dòm đọc những lời phê bình không đăng báo đó. Tôi đọc gấp rút và đọc rất nhiều. Cần chi

phải thành lập một tủ sách gia đình. Sự ích lợi nó trừu tượng quá. Tôi sẽ khuyên chủ nhân nên có hành vi nghệ sĩ hơn, đừng có chia, có rớt một quyển sách dày ra làm hai, làm ba quyển mỏng. Dày mỏng đông tiền chứ đừng dày mỏng nghệ thuật. Tôi à một tiếng, vợ lấy một quyển sách... Chữ nghệ thuật, trong tiệm sách bắc cầu cho tôi nghĩ đến nghệ thuật sống của mình: nhân tình là thứ vợ còn mới, có khi chưa cũ... phải làm cho có con với mình mới thâu được trọn đời. Đời tôi chỉ xăn vắn ở mấy người đàn bà... Tôi lật lật mấy trang giấy nhưng không đọc. Chưa đầy mười hai giờ đồng hồ trên tay tôi mà còi đã thối rồi.

(Còn tiếp 1 kỳ)

TÚY HỒNG

hoài niệm

Thế là hết em buông tay khép mắt

Tuổi đời vừa 26, em ơi!

Từ ấu thơ cho đến lúc lìa đời

Em đã trải bao ngày dài lận đận:

Mới trung học em đã lo bốn phần

Vừa làm vừa học cho đến ra trường

Mất phụ thân em vừa khóc thọ tang

Vừa đảm nhiệm vai Con Đầu Anh Cả

Hai mươi lăm tuổi em bắt đầu từ già

Mẹ già, vợ trẻ, em đại con thơ.

(Nhạc tiền quân rộn rã giục từng giờ)

Em lại nhận thêm vai trò Người Chiến Sĩ

Bỏ sau lưng tất cả những gì yêu quý

Bỏ lữ học trò mà em hết dạ mến thương

Bỏ hết bạn bè dưới một mái trường

Rồi tất cả lên đường lo nhiệm vụ.

Trong quân phục khó nhìn ra người cũ.

Người mà ngày xưa chị thường chế nhạo em

Bằng những câu thơ mộc mạc êm đềm:

Của Thanh Tịnh « Thầy giáo tiếng khào khào, cảm nhon nhon ».

Quân đội đã biến em thành người nhanh nhẹn, gọn.

Màu da rám nắng, mái tóc cao, khô.

Nhìn ngắm em lòng kiêu hãnh vô bờ

Chị cười, bảo: « Em đúng là Chiến Sĩ »

Song quá ngắn ngủi những ngày vui của chị:

Ngày 12, em đã ngã xuống rồi

Chị chỉ còn nhìn em một lần chót này thôi

Rồi mãi mãi... rồi đời đời vĩnh biệt!

Chị nhìn em, nói với em mà nào em có biết

Xác em khô lạnh! Một khối vô tri!...

(Chị em ta nào có máu thịt gì)

Mà lòng đau đến xót thương tràn ngập

Từng đêm, từng đêm vắng, chị nằm

thao thức khóc

Nhớ thương em chỉ có thế này thôi.

Đau xót nhiều... đau xót lắm em ơi...

(Để ghi nhớ ngày em N. V. TH. đến

nợ nước: 12-3-64).

MINH-TUẤN

Bài thơ khóc thầy của chí-sĩ Nguyễn-Quang-Diêu

NGUYỄN-VĂN-HẦU và NGUYỄN-CHÍNH-GIÁO
sưu tầm và dịch thuật

— Năm 1927, Nguyễn-Quang-Diêu về nước. Cụ nghe tin thầy học là Tú-Tài Trần-Hữu-Thường đã mất từ năm 1921, nên rất đau lòng. Mặc dầu thân cụ bây giờ đang phải trốn tránh khó khăn, cụ cũng lên tìm tới thăm mộ thầy và khóc một bài thơ thăm thía.

Nguyên văn :

哭先生詩

泰山曾昔望崔嵬
誰料擎天嶺頓顛
披卷潸存深自慨
扪心茅塞向誰聞
可憐陶徑松空在
忍使程門雪枉堆
公義私懷均未也
沈思心事獨徘徊

Diễn âm :

KHỐC TIÊN-SINH THI

Thái-Sơn tăng tịch vọng thối khôi,
Thùy liệu kinh thiên đỉnh đốn tồi !
Phi quyện trạch tồn thâm tự khái,
Môn tâm mao tác hương thùy khai ?
Khả liên Đào kinh tông không tại,
Nhấn sử Trình môn tuyết uổng đôi !
Công nghĩa tư tình quân vị dã,
Trầm tư tâm sự độc bồi hồi !

BÀI THƠ KHỐC THẦY

Bản dịch I.

Thái-Sơn hăng nhớ lít mù cao,
Đỉnh ngất trời xanh bỗng đồ nhào.
Lật sách nhớ ơn than phận bấy,
Xem văn tối nghĩa hỏi ai đâu ?
Thương ông Đáo khuất, sân tông phủ,
Nhớ cụ Trình xưa, cửa tuyết bao !
Nợ nước tình Thầy chưa vẹn cả,
Đắn đo thân thể ruột gan xâu !

NGUYỄN-VĂN-HÀU

Bản dịch II.

Non Thái-Sơn (1) nước trông chón chở,
Chót Kinh-thiên (2) bỗng lở thình-lình !
Mồ hỏi dấu sách còn in,
Sờ lòng tranh lấp (3) dạy mình giờ ai ?
Cửa Trình-Hạo (4) bụi dày tuyết phủ,
Sân Đáo-Tiềm (5) lối cũ tông hoang !
Tình thầy, nợ nước chưa chan,
Nỗi-niềm thăm nghĩ dạ càng xót xa !

NGUYỄN-CHÍNH-GIÁO

(1) Thái-Sơn : tên một hòn núi to trông Ngũ-nhạc, thuộc tỉnh Sơn-Đông bên Tàu. Mượn ví thầy học, vì công thầy dạy đồ to như non Thái. Đức Khổng tức sắp mất, có than : « Thái-Sơn kỳ đổi hồ, lương mộc kỳ hoại hồ ! » (Núi to đồ mất sao, cây cao nát mất sao !)

(2) Kinh thiên : Cao ngất trời.

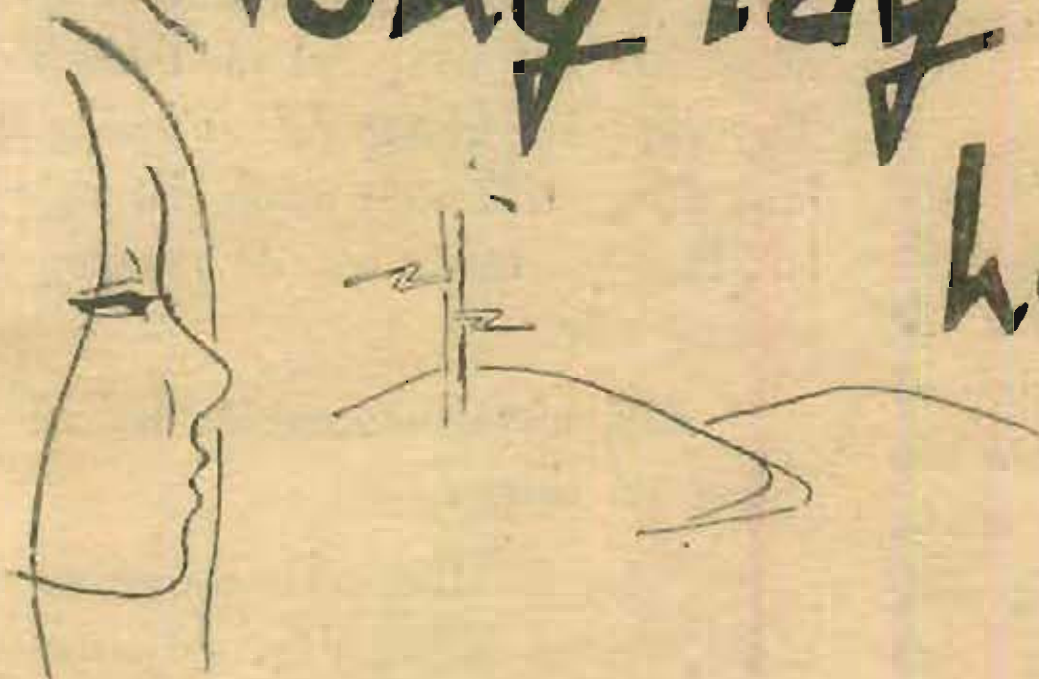
(3) Sờ lòng tranh lấp : Rờ tay vào lòng thì sờ tranh che lấp mù mịt (ý nói tối tăm không hiểu gì), biết cậy nhờ ai giảng giải cho sáng nghĩa ra để biết như trước nữa.

(4) Trình-Hạo : tự Bá-Thuân, người đời Tống, đỗ Tiến-Sĩ, làm quan giám-sát ngục-sử, nghiên cứu tinh thông chư tử bách gia và các đạo Thích, Lão giảng giả chứng điều bí ẩn trong đạo thánh hiền. Lúc Trình-Hạo mất, Vãn-Ngạn-Bác đề trên mộ ông là Minh-Đạo tiên sinh.

(5) Đáo-Tiềm : tự Nguyên-Lượng, người đời Tấn, tính tình thanh cao, học rộng, thí tài lỗi lạc, trước có làm quan sau bỏ chức về ẩn dật.

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

VII

Tiếng cười nói ầm ĩ trong văn-phòng giáo sư vẳng ra. Trâm ngập ngừng đứng lại bên ngoài cánh cửa. Nàng nghe rõ giọng Huế như con gái của Khoa :

— Đàn cũ mà khá. Tớ mới mua, tên nào mượn không.

Một giọng khác mà Trâm không đoán được là ai :

— Để chờ trăng lên gảy đàn dưới lầu người đẹp à. Bọn này kẹt vợ con cả rồi, không làm ăn gì được. Thằng Lưu số đỏ may ra . . .

— Thằng đó giỏi tán rồi, cần gì đàn địch. Mà nó số đỏ được, nó mạo hiểm sào huyệt bên đó nhiều lần rồi.

Rồi Trâm nhận ra giọng nói như soong chảo đánh nhau của Tín :

— Tôi thì lơ thề không phản bội

vợ. Ai còn tự do xin mời « nhào dô », quý vị chớ bỏ qua rất uống.

Trâm cau mặt và muốn quay ra, nhưng Vĩnh vừa đi ngang, dừng lại :

— À, chị Trâm, cả tuần nay không gặp chị đâu.

— Anh có việc gì cần tôi không.

— Dạ, cũng có, nhưng hình như chị bận việc lắm. Chị đang tổ chức cái gì văn nghệ đó thì phải.

— Văn chuyện dự định cho học sinh in một tập san xuân, và một dạ hội văn nghệ vào cuối năm. Tôi chỉ phụ tá cho anh Tuyền và anh Hiệp thôi. Tôi « lính mới » đâu có tổ chức tổ chức gì được.

— Chị cứ khiêm tốn. Chính ông hiệu trưởng yêu cầu chị phụ trách việc

đó. Sao lại không giao cho người khác, mà lại chị.

Trâm cố cãi :

— Vì các anh bận những công tác quan trọng hơn.

Rồi Trâm thoáng nhớ đến buổi họp hội đồng giáo sư sáng thứ ba tuần trước. Trường thảo luận về vấn đề hoạt động văn nghệ của học sinh và đề cử những giáo sư chỉ đạo ban báo chí và kịch nhạc. Mấy năm trước những mục văn nghệ đều do Hiệp điều khiển. Bây giờ ông hiệu trưởng chia cho Hiệp coi về ca nhạc, còn báo chí cho Tuyền. Cả hai cần một người giúp sức. Ông hiệu trưởng nhìn thẳng vào Trâm ngồi đối diện, « Tôi nghe cô Trâm viết lách gì nhiều. Chắc cô giúp anh Hiệp, anh Tuyền nhiều chuyện ». Ba mươi mấy cánh tay đưa lên tán thành đề nghị. Trâm chưa kịp phản đối đã nghe một tràng pháo tay vang lên. Những lần khác, khi một đề nghị nêu lên, chỉ có một số đồng ý. Một số phản đối. Một số khác trung lập, thờ ơ và lười biếng, không đồng ý cũng có cần phản đối Trần. Nhưng đưa tay tất cả không phải là chúng tôi cùng đồng ý chấp thuận. « Với những vấn đề không quan trọng — vì không liên hệ gì đến gia đình, đến địa vị, đến nỗi gao của mình, không sút mẻ một chút nào chức tước, lương bổng, thể lực của mình, đám đông thường gật bừa cho xong chuyện. Bởi sau đó vẫn có thể phản đối, không bằng lý luận, bàn cãi của phạm vi buổi họp, mà bằng những chống đối lén lút. Trâm biết và Trâm bằng lòng rơi vào cái bẫy êm ái đó. Nàng không muốn tránh, chẳng mong thoát.

Sau buổi họp, Trâm tìm gặp riêng ông Hiệu-trưởng và từ chối công tác. Nhưng ông ta vừa gán ghép vừa khuyến khích Trâm xông xáo vào một địa hạt đúng với khả năng và sở thích Trâm. Tuy vậy nàng không thể và không thích hoạt động trên một mảnh đất chật hẹp lại lắm kẻ tranh bá đồ vương như trường này.

— Chị nhận được nhiều bài vở của chúng nó chưa ?

— Còn ít. Hình như chúng nó viết nhiều nhưng không dám gửi. Anh dạy Việt biết đưa nào khá, khuyến khích đi.

— Hay là chị lên dạy thử một vài giờ luôn tiện kén chọn nhân tài. Mai tôi bận việc, chị có thể giúp tôi hai giờ ở Tam A không. Giảng Chính phụ ngâm, chắc hợp với chị.

Trâm cười :

— Sao lại hợp. Tâm trạng à ? Anh làm như tôi là vợ lính... Không xong đâu, học trò trên đó già lắm, tôi trị sao nổi.

— Cũng không phải tôi mà chính tại nó yêu cầu tôi đổi lớp để chị lên dạy mấy giờ.

Trâm nhớ đến những khuôn mặt lằng vằng ngoài cửa mỗi khi nàng giảng bài trong lớp, lắc đầu :

— Chịu thôi. Anh chia công tác gì tôi làm thì được, còn dạy giùm thì hại lắm. Anh có việc gì chia tôi làm giùm với. Tôi cần có nhiều việc. Thật nhiều việc để lấp đầy khoảng trống. Anh thấy anh Hiệp đâu không ?

— Hình như trong phòng nhạc. Chị vào đây uống nước rồi đi.

Trâm với Vinh vào phòng thì tiếng xôn xao của đám đông chợt dừng lại một thoáng. Trâm nghe như một bản đàn vui bị chìm dứt nửa vời. Nhịp điệu ngơ ngàng bắt đầu lại. Nhìn nét mặt, dang điệu của họ, Trâm biết là ban nầy họ đã bàn nói đến nàng.

Uống vội miếng nước trong ly Trâm Địa vừa rót nhường lại. Trâm mỉm cười chào tất cả rồi đi ra.

— Chị Trâm.

Trâm quay lại thấy Tín leo đèo đi theo.

— Chị đã mượn được giường chưa? Trâm cười thầm: tội nghiệp, hắn vẫn chưa bán được cái giường sắt, gạ gẫm mình cả tháng.

Tín lẩm nhẩm:

— Chị thì thiếu dùng. Chúng tôi lại dư một cái. Chiếc giường sắt vừa mới vừa đẹp vừa rẻ chị à. Chúng tôi mới nằm có mấy bữa.

Tự nhiên Trâm nhớ đến vẻ mặt của gã quảng cáo thuốc xổ dầu cù là trên xe lửa và cười nhạt:

— Anh chị thừa giường đôi mà tôi chỉ có một mình. Anh chẻ cho tôi nửa cái giường, được không. Giá cả không kể, chỗ bạn bè với nhau...

Trâm để mặc Tín đứng ngẩn ngơ với cái nguyện vọng bán giường không thành tựu của hắn và thoãn thoát đi lên phòng nhạc. Giá mình cũng chỉ thắc mắc «đau khổ» vì một cái giường, cái ghế, cái bàn, vì một sự vật tầm thường và giản dị như hắn. Trâm không nghĩ rằng nàng muốn bán rẻ linh hồn cho khuất bóng những ưu tư, khắc khoải, những dằn vặt dòn đau của mình thì kẻ khác

cũng có quyền mong muốn tổng đi những thứ gây ưu phiền cho họ. Cái giường, cái giường thứ hai, đối với Tín là một vấn đề quan trọng. Vì nó thừa thãi, vô ích trong khi chỉ một cái giường đủ cho vợ chồng Tín. Vô ích và thừa thãi như cuộc đời Trâm đã bao nhiêu lần nàng chán ngán chính mình, tự hỏi vì đâu có một hiện hữu tự tại phi lý là thân xác và tâm hồn này, chói với giữa khoảng không cùng thẳm của hư vô, giữa vằn vù của vòm trời định mệnh, giữa lao tù ngọt ngào của sự sống đầy rẫy chứng tích cô đơn, tuyệt vọng, điều tàn và hoang vắng đó. Vì đâu xa hút những ngày huyền ảo cũ. Vì đâu nàng tự ý lưu đầy lên hải đảo cô đơn không đường về bờ bến này. Vì đâu thượng đế giam giữ con người vào hoàn cảnh giới hạn, cho gặp gỡ, bắt chia phôi. Chuyển phiêu lưu không bao giờ ngừng nghỉ.

— Chị Trâm có vẻ mơ mộng quá.

— À, anh Lưu.

Lưu dừng lại trên lối đi bên bãi cỏ.

— Đạo này ít thấy chị.

— Tôi nhiều việc.

Mấy đứa học trò đi ngang chỉ chỗ mỉm cười. Trâm nhớ có một chiều đi dạo với con bé ở sau rừng gặp Lưu tình cờ. Trong lúc Lưu đang nói đến một vấn đề tôn giáo nào đó, Trâm vì lịch sự yên lặng đứng nghe, tụi học trò đá banh trên đồi ra về, đi ngang qua. Từ đó bọn nó kháo nhau rầm rĩ, xuyên tạc sự thật, phóng đại câu chuyện. Bản tính Trâm, với trường hợp khác, có thể liêu và bất chấp thiên hạ; nhưng trường hợp này lại khó

chịu vô cùng, và cảm thấy bị bồi nhọ hay xúc phạm. Cho nên Trâm thường tránh nói chuyện với Lưu ở trường, ở bất cứ nơi nào khác.

Vừa lúc đó Hiệp ở phòng nhạc ra. Lưu chào Trâm rồi bỏ đi. Hiệp có vẻ mệt mỏi:

— Gần đến dạ hội của chúng nó mà chưa xong cái quái gì cả. Định nhờ chị giúp sức.

— Nếu việc dễ tôi có thể làm được.

Hôm nào nhờ chị trông điểm cho tụi nó lên sân khấu.

— Sao không nhờ anh chị khác?

— Chúng nó đòi chị. Và chị không giúp chúng nó bảo sẽ không... lên sân khấu.

— Điều kiện gì quái gở vậy. Nhưng để tôi tính lại.

— Tôi phải vào bắt chúng dượt lại mấy bản nhạc.

Một phút sau, nhạc trời lên.

Trâm chợt lắng nghe rồi mỉm cười như chào một người bạn cũ lâu ngày gặp lại. « A, apache ». Tiếng guitare espagnole điện quẩn lên những âm thanh sắc nhọn và quẩn quít. Hơi thở nặng nề một nhọc của contre-basse. Nhịp trống mơ hồ văng vẳng bập bùng phụ họa. Từng nốt nhạc rời rạc khoan thai gico xuống, dồn và thanh. Rồi một loạt, những âm thanh rào rào ném xuống, dồn dập và thánh thót. Lờ mờ trong ký ức Trâm những mảnh bóng hình vờ vờ ngày xưa trôi về, như những cánh hoa tươi tắn không phai tàn hương sắc, lạnh lùng theo sóng nước thời gian dập xuống bờ lau lách dịu biau. Ở đó

nằm chết những những con thuyền phiêu lưu rã mục. Ở đó chất chứa rác bẩn và rong rêu. Và ở đó người con gái thẳng thốt thấy mình vật vờ trôi nổi tan rã chơi vơi. Tất cả những ảo giác, những mơ màng, những cảm xúc đó trôi về theo tiếng nhạc chiều nay. Khúc nhạc ôm choàng những âm thanh kỷ niệm, đã nghe một lần: Đã nghe nhiều lần. Những chòm ánh sáng như sao sa tan vỡ xuống sàn gạch hoa gấn kính. Arc en ciel nửa đêm. Màu peppermint xanh biếc đáy biển cho đôi mắt làn môi chết đuối. Besamé Mucho, điệu calypso. Nhưng đêm đó Trâm âm thầm độc thoại: Không, tôi không biết nhảy. Vì tôi ghét khiêu vũ. Biết thật thì khó từ chối người mời. Mà nhận lời thì bị người ta ôm trong tay, và ôm người ta trong tay. Không. Đâu phải dễ dàng như vậy. Ôm một người không phải là người yêu, thật tởm... » Apache bay đi cùng khắp trong đêm. Từ Givral qua Brodard. Từ những hiệu kem đến những nhà hàng. Từ những gian phòng đầm ấm có stéréo hifi đài các, đến những hè phố về khuya u uất đèn đường... Nó nhắc lại tiếng hát nào nùng trầm ấm của người ca sĩ da đen: « you love a while and then love goes... » Nó cháy lên những phương trời rực rỡ xa vời, cái thiên đường của tình yêu và tuổi trẻ.

Nó văng vẳng lên đó lời gọi kêu mời mọc chiều nay. Trâm cúi nhìn vùng cổ ứa dưới chân và chợt bàng hoàng nhận ra mình là cô giáo, nhận ra một mớ sáo hủ, kỷ luật gay gắt, và vô số những mặt nạ bằng sáp úp lên từng vai trò của con người làm diễn viên trên sân khấu đời rộng lớn.

Một thoáng, Trâm như tỉnh lại, cúi

đầu đi xuống dốc đời thoải thoải. Bản
đàn Apache đuổi theo dứt nỗi không
ngừng. Trâm nghe như tuổi nhỏ của
tiệc vui còn tiếp diễn đêm này qua đêm
khác nhưng Trâm đã xây lưng từ khước

và không bao giờ còn cơ hội trở về
nhập cuộc nữa.

(còn tiếp)

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

Thơ Hữu Phương

Đàn nhận trên sông

Đã xa trường cũ bao giờ
bao nhiêu cánh áo học trò gió bay
nhớ xuân nhìn lại phương này
bỗng đứng rợn rã với hoài vọng xưa
hồn vui chút tuổi ấu thơ
như sông đan diu với bờ hát hiu
lòng dâng khói nhẹ lam chiều
thấy sông nhớ nhận nghe xiêu nẻo tàu
chẳng hay thời khắc trôi mau
còn đây sông quanh trắng màu nhận bay

1962

Còn gì ?

Còn gì nắm giữ đôi tay
bấp bênh biển rộng gió lay lắt buồn
này tôi còn lại cô đơn
hai tay buông lỏng trái hồn rụng đau
áo quan lấp kín chẳng sâu
của thân rã mục, của mẫu thời gian ?
sương vẩy tỏa mịt ư hoài
biển tràn chiếc bách thân người lênh đênh
mai sau da thịt nhũn mềm
xin băng giá đến giữ niềm tin tôi

HỮU PHƯƠNG

loài chim bay cao

thanh-thuyền

Khi tám hướng mùa xuân lửa đời bốc cháy
Tôi trở về soi mặt mắt em xưa
Ôi loài chim bay cao suốt đời cánh gầy
Những giọt ca buồn kết ngọc cũng hoang sơ



Tôi còn đó, niềm ưu tư đã chín
Nên môi em cúi xuống bỗng mơ hồ
Úp mặt tìm nhau, nửa vòng tay kín
Thao thức linh hồn vẫn thấy hư vô.



Và còn đó, nửa trang thần thoại cũ
Em đi vào sương khói đề hoang vu
Lời thơ nhỏ, xin em tròn giấc ngủ
Cho ngón sầu khua rụng chút vàng thu



Bởi đời sống lênh đênh dòng nước lũ
Nên vươn cao, hồn bám lấy cây rừng
Tôi khắc khoải đìu em về khuyết sử
Nghe thánng ngày lớp lớp đổ sau lưng



Và từ đó, ôi loài chim cánh nhỏ
Biền mặt chìm — khói sóng cũng xôn xao.
Lời thương mến đã mềm như nắng lụa
Giọt ca buồn xanh ngọt đủ dâng nhau /

SINH HOẠT

Tinh thần triết học Ấn Độ

NGUYỄN-NGU-Í thuật

18 giờ chiều thứ sáu 27 tháng 3, ông Lê - Xuân - Khoa, giảng sư tại trường Đại học Văn khoa, có thuyết trình về đề tài « *Tinh thần triết học Ấn-Độ* » tại giảng đường Đại-học Văn-khoa.

Cử tọa hầu hết là sinh viên phân khoa này, nhưng cũng có một số giáo sư, nhà văn, học giả, đến dự.

Trong lời giới thiệu diễn giả, ông Nguyễn - Đăng - Thục, khoa trưởng, có nhắc đến những nỗi khó khăn và quá trình tiến triển của ban văn khoa Việt, từ khi mới phôi thai gần Chuồng Ngựa ở Hà-Nội, đến lúc vững mạnh trên cái nền của khám lớn Sài Gòn, từ con số 120 sinh viên lên 800, rồi đến trên 3000 như ngày nay. Ông cũng nhấn mạnh : được kết quả tốt đẹp như thế, một phần là do hoàn cảnh thuận



O. Lê-Xuân-Khoa

lợi, mà cũng do lớp đàn em tranh đấu đòi hỏi âm thầm bền bỉ từ lâu.

Ông Lê-Xuân-Khoa thừa trước với cử tọa rằng giữa bầu không khí cách mạng hiện nay, ai ai cũng bận tâm về bao công cuộc cứu quốc và kiến quốc, mà ông lại bàn đến triết học, lại triết học nước người, e rằng « phản tiến hóa » chăng. Nhưng ông nghĩ rằng, buổi nói chuyện của ông đã được giới hạn trong phạm vi trường Đại-học Văn khoa, nghĩa là có tính cách hoàn toàn chuyên môn, lại trong

việc xây dựng nền Quốc học hiện thời, không thể thiếu phần đóng góp của nền triết học Ấn-Độ đã cùng với nền triết học Trung-hoa, ảnh hưởng sâu đậm đến tư tưởng và nếp sống của dân tộc Việt.

Rồi diễn giả vào đề.

Ông nói ngay : *Triết học vốn không phải là một mối bận tâm riêng của nhà tư tưởng.* Bất cứ người nào cũng có một khát vọng mong giải đáp được những thắc mắc siêu hình : nào vấn đề nguyên lí của vũ trụ, nào vấn đề cứu cánh của con người, nào nguyên do của đau khổ và an lạc vào vấn đề giải thoát... Sự giải thoát chính là hướng chính của Triết học Ấn-Độ.

Ở Ấn, từ đại chúng bình dân cho đến giới phú hào trí thức, ai ai cũng khao khát được giải thoát. Cho nên diệt khổ và giải thoát là hai mục đích của tất cả hệ thống tư tưởng Ấn-Độ. « Triết-học được coi như một *nghệ thuật sống* hơn là một học thuyết về vũ trụ và đời người. Triết học không phải chỉ khám phá Chân lí, triết học còn phải giúp cho con người thực hiện được Chân-lí. » Mà muốn đạt được điều này, ta phải qua ba giai đoạn ; tin tưởng, hiểu biết và thực hiện.

Tới đây, diễn giả phân biệt Chân lí trong Triết học và Chân lí Khoa học. Những kiến thức về Khoa học chỉ làm thỏa trí tò mò và tăng lòng thích thú hiểu biết, còn Chân lí thực hiện ở nội tâm sẽ làm cho con

người thay đổi hẳn thái độ và nếp sống của mình.

Đặc tính thứ nhì đáng kể của triết học Ấn-Độ là tính cách truyền thống, một thứ truyền thống có sáng tạo. Nhưng sáng tạo ở đây có nghĩa là : khai triển và làm phong phú cái gì đã có sẵn.

Diễn giả nhấn mạnh chỗ khác nhau giữa hai thái độ của Ấn-Độ và của Tây - Phương đối với quá khứ : người Tây phương có *thái độ tiêu khiển* (yêu quá khứ, họ gộp nhặt những di tích thời xưa để xếp vào nhà bảo tàng hay thư viện) trong khi đó người Ấn-Độ tôn thờ quá khứ thì lại tìm cách phát triển nền văn hóa cũ, thái độ này tích cực và có tánh cách *sáng tác*.

Chân lí trong triết học Ấn-Độ có tánh cách đa diện, nên các triết gia nước này không bao giờ bảo : « *chỉ có quan điểm này là đúng* » mà họ sẽ nói : « *quan điểm này cũng đúng* ».

Ta có thể nói tình trạng sinh hoạt của tư tưởng Ấn-Độ gồm trong hai thành ngữ này : « *ôn cố tri tân* » và « *Hòa nhi bất đồng* ».

Thực nghiệm tâm linh, là mục đích của triết học Ấn-Độ từ khi ra đời cho đến nay. Nói một cách khác, đó là « *thực hiện ở ngay tại nội tâm cái bản tính đại đồng hợp nhất cá nhân và vũ trụ, tức là đạt tới cái Ngã tự hữu và bất diệt, ở ngoài và ở trên tất cả mọi giới hạn của thể xác và tinh thần* ».

Muốn được thế, con người phải

quay trở về với chính mình, tìm tại bản thân cái ngã (Átman) chân thực bị che lấp dưới tầng lớp ý thức. Làm sao ta nhận biết được cái Ngã này ? Giác quan hay suy luận đều bất lực vì không thể dùng cái hữu hạn để đo cái vô hạn được.

Ta phải nhờ đến phương pháp tu luyện nội tĩnh. Và để chứng tỏ rằng bản ngã tự thức tỉnh nơi ta, chớ không thể suy luận mà thấy được, diễn giả kể lại câu chuyện ngụ ngôn Ấn-Độ sau đây.

« Một con hồ cái sắp đến ngày sinh đang đi kiếm mồi thì gặp một đàn dê. Hồ cái háu đói xông vào bắt, nhưng vì dùng sức quá mạnh nên liền khi ấy sanh con rồi chết. Đàn dê khi ấy bèn quay trở lại đem hồ con về cho bú và nuôi dưỡng hết lòng. Hồ con lớn lên trong xã hội loài dê, tập nói ngôn ngữ của loài dê, tâm tính và bộ điệu y hệt một con dê đặc giống. Một ngày kia, trong khi đàn dê đang gặm cỏ ở ven hồ, thành linh có con hồ đực già tới tấn công. Đàn dê chạy tán loạn bỏ lại chú hồ con đứng rụt rè ngơ ngác trước mặt chúa sơn lâm. Nó kêu mấy tiếng be be rồi cúi xuống gặm cỏ.

« Con hồ già thấy thế lấy làm lạ bèn hỏi. Mi ở đây làm gì ? Mi nhai gì trong miệng thế ? » Hồ nhỏ đáp lại bằng mấy tiếng be be rồi lại tiếp tục ăn cỏ. Hồ già vừa kinh ngạc vừa tức giận, bèn tiến đến ngoạm lấy gáy hồ con mà lắc mạnh như để thức tỉnh một kẻ đang mê ngủ.

Nó lôi hồ con đến bờ hồ, bắt phải nhìn ngắm bóng hình dưới nước, và nói : « Nhìn coi mi cũng là loài hồ như ta, tại sao mi tưởng mình là một con dê ? Sao mi lại kêu be be và ăn cỏ ? »

Hồ con chưa hết ngơ ngác bàng hoàng, hồ già bèn lôi cổ nó về hang và bắt nó phải ăn một miếng thịt sống còn đầm máu của con mồi sẵn được bữa trước. Hồ con hoảng sợ khi trông thấy miếng thịt, nhưng trước sự nạt nộ của hồ già, nó không dám tỏ ý chối từ. Nó ngần ngại ngoạm vào miếng thịt, nhưng vội nhả ra ngay vì thịt không được mềm và thơm như cỏ. Nó toan kêu be be lên một cách thảm thương, thì ngay lúc ấy vị máu đã thấm vào trong họng và nó bỗng cảm thấy thích thú lạ lùng. Nó cúi xuống ngoạm thêm một miếng nữa và nó tiếp tục ăn hết miếng thịt một cách ngon lành. Trong khi ấy, một nguồn sinh lực mạnh mẽ khác thường bừng dậy trong cơ thể làm cho nó trở nên hăng hái say sưa. Nó vùng dậy vươn mình, xòe hết nanh vuốt. Thành linh nó quật đuôi xuống đất và găm lên một tiếng vang động cả rừng xanh.

« Nếu điều mà bạn nói có thể đo lường được và diễn tả được bằng một con số thì tức là bạn thực có hiểu biết về điều đó, bằng không thì tất cả những kiến thức của bạn chỉ là một loại kiến thức tầm thường chẳng làm thỏa mãn được ai ».
Lord Kelvin.

Chúa sơn lâm đã hiện nguyên hình.

Cái ngã chân thực lắng xuống chỗ tận cùng của ý thức đã thức tỉnh rồi đó.

Ngoài cái *tự ngã* (Ātman) còn có cái *đại ngã* (Brahman) là cái đại nguyên lí thường tại của toàn thể vũ trụ. Mà cái đại ngã này của vũ trụ với cái tiểu ngã của con người, chỉ là cùng một thực tại. Nói một cách khác, « cái ánh sáng chiếu rọi trên trời cao với cái ánh sáng tiềm ẩn trong lòng người, cả hai chỉ là một.

Đến đoạn « *Luân hồi và nghiệp-báo* », diễn giả phân tích và luận bàn kĩ và lâu. Tư tưởng luân hồi, vốn có ở nhiều nơi : như ở Hi-Lạp, ở Tây phương thời cổ (dân Celte, dân Druide), nhưng nó được chú trọng đặc biệt tại Ấn-Độ, Ông nói :

« Quan niệm về luân hồi của người Ấn-Độ phát sinh một phần lớn là do cái ý thức về vô hạn (le sens de l'infini) mà hoàn cảnh đặc biệt địa lí đã gây ra. Trong những miền núi non và thung lũng, phong cảnh vĩ đại huy hoàng, giữa những miền rừng rú và sa-mạc, con người cảm thấy mình vô cùng nhỏ bé và cô đơn.

Những thiên tai khủng khiếp như động đất, mưa bão, lụt lội, mất mùa là chuyện thường xảy ra ở Ấn-Độ. Trong xứ này, con người sống lẫn lộn với đủ mọi loài ác thú và những loài rắn độc. Có thể nói rằng ở Ấn Độ không có gì có giới hạn. Ban ngày, trời nắng như thiêu đốt, ban

đêm bầu trời đầy sao như đè nặng lên đám dân ham suy tư và trầm lặng. Trong thiên nhiên, không có gì chấm dứt vì vũ trụ vận hành theo những chu kì bất tận.

Thời tiết luân chuyển : mùa xuân gây mầm sống, mùa hè nung nấu, rồi mùa đông gió lạnh thấu xương từ các băng hà trên Hi-Mã-Lạp-Sơn thối xuống. Các mùa đến và qua đi một cách đều đặn. Vòng tử sinh, hiện biến chính là đặc tính của trật tự vận hành, tức điều-lí (Rita) của vũ trụ, một vũ trụ vô biên và vô thi vô chung. Do đó mà nảy sinh ý thức về vô hạn. Ý thức đó giải thích cái vòng luân hồi của mọi sáng tạo và tiêu hủy trong thế giới. Vì thế, chữ vô hạn phải được hiểu là thế giới bắt đầu, dừng lại rồi lại bắt đầu, cứ thế tiếp tục mãi theo một vòng luân hồi bất tận.

« Ý niệm về luân hồi, không phải chỉ được coi là một định luật giải thích sự vận hành của vũ trụ khách quan. Điều đáng chú ý là nó đã được áp dụng vào đời sống của linh hồn để phối hợp với thuyết nghiệp báo, trở thành một triết học nhân sinh tối quan trọng ở Ấn-Độ ».

Linh hồn là một cái gì bất diệt, không bị ràng buộc vì một xác thân vật chất, nhưng lại bị cái Nghiệp (*Karma*) ràng buộc từ kiếp này sang kiếp khác. Song tinh thần tự giác và tự kỉ ước thúc có thể giúp con người tăng cường những động cơ tốt và làm suy giảm những động cơ xấu ; như thế, linh hồn không

nhất thiết bị ràng buộc mãi trong vòng luân hồi sinh tử và *thuyết luân hồi nghiệp báo* không phải là một triết lý bi quan. Cuộc đời bi đát thật, nhưng ta cũng còn đường giải thoát : ta vẫn nắm vai trò chủ động, trong ta có khuynh hướng về nghiệp Thiện.

Đứng về mặt đạo đức nhân sinh mà nói, thuyết này gây nhiều ảnh hưởng tốt đẹp. Nó dạy ta : can đảm chịu đựng tất cả những cái không hay ở cuộc sống bây giờ, vì kiếp trước ta đã làm điều chẳng tốt, song tương lai tùy ở những việc ta làm ở kiếp này, thì ta còn hi vọng và tin tưởng. Thuyết ấy còn cho ta thấy rằng « mọi sự vật ở thế gian như giàu sang hay nghèo khó, thành công hay thất bại đều không thể đụng chen tới phẩm giá của linh hồn. Chỉ có đức hạnh là tốt đẹp... »

Quan niệm nhân sinh phát ra từ thuyết luân hồi nghiệp báo không phải là xa rời thực tế, mà một kế hoạch sống có tính cách toàn diện được đề cập.

Đời sống gồm có bốn mục đích : *Dharma* (đạo đức) *Artha* (tài sản) *Kama* (lạc thú) và *Moksha* (giải thoát) thực hiện trong bốn giai đoạn cần thiết cho đời sống : *Brahmacharya* tức là giai đoạn tu hành, học tập buổi thiếu thời, *Grihastha* tức là giai đoạn trưởng thành, thi hành nhiệm vụ gia đình và xã hội, thụ hưởng tài sản và lạc thú trần gian ; *Vanaprastha* là giai đoạn rút vào rừng

ăn dật, tu hành, chuẩn bị cho giai đoạn xuất thế, hoàn toàn đoạn tuyệt với mọi sự ràng buộc của tình cảm và hoạt động xã hội để đạt tới Chân tri và Giải thoát (*Moksha*).

(Một điểm đáng chú ý là các tỉ khuru Phật giáo đã chọn áo cà sa màu vàng nghệ vì màu này vốn là màu áo của những kẻ tử tù ở Ấn-Độ. Chọn màu vàng là coi như mình đã chết, đã giải thoát).

Kế hoạch sống toàn diện trên đây chứng tỏ rằng triết học Ấn-Độ không phủ nhận đời sống thực tế.

Có đắm mình vào cuộc sống trần gian mới có đầy đủ lí do để xuất thế.

Đến phần kết luận, diễn giả đưa ra vài nhận định về phương pháp Triết học, mà ông cho là « một vấn đề then chốt và cũng là vấn đề gai góc nhất trong công cuộc thẩm định giá trị và tổng hợp tư tưởng Đông Tây ».

Điểm dị biệt căn bản. : Đông-Phương tin tưởng vào trực giác, Tây-Phương chỉ thừa nhận giá trị của suy luận và thực nghiệm cụ thể.

Điểm dị biệt quan trọng thứ nhì : triết học, Tây-Phương chủ về lí thuyết, nhằm mục đích tư duy để tìm tòi chân lí, còn triết học Đông-Phương lại chủ về thực hành, nhằm mục đích chỉ dẫn cho con người thực hiện được chân lí.

Đã có những hội nghị các triết gia Đông phương và Tây phương tìm

cách thực hiện cuộc tổng hợp tư tưởng Đông, Tây, từ nhận thức siêu hình đến đạo đức nhân sinh, điều này đủ cho ta thấy vấn đề được chú trọng đến bậc nào.

Sau hết, diễn giả nhận xét ;

« Phải công nhận rằng truyền thống Đông - Phương cũng như truyền thống Tây - Phương thời trước không thể thỏa mãn được những nhu cầu tiến bộ và những điều kiện thụ hưởng chính đáng của con người. Tiến bộ khoa học tự nó không phải là một cái tội, trái lại nó là một phương tiện cần thiết và hữu hiệu để xây dựng hạnh phúc thế gian.

« Nhưng mặt khác cũng phải công nhận rằng ước vọng của con người không phải chỉ quanh quẩn trong cuộc đời trần thế, mà còn lo lắng hướng về một đời sống an lạc và vĩnh cửu của linh hồn. Và lại, nếu chỉ lấy hạnh phúc trần gian làm cứu cánh, nhân loại sẽ càng chìm sâu trong tội lỗi để cuối cùng phải hủy diệt. Chính vì nhìn thấy cái viễn tượng đ n tối ấy của thế giới hiện đại mà nhà bác học Einstein đã phải lên tiếng cảnh giác : « Trong thời đại duy vật này của chúng ta, những nhà khoa học chân chính là những người có tín-ngưỡng tôn giáo sâu xa ».

« Như vậy, vấn đề không còn là ở chỗ đem đối lập Đông-Phương với Tây-phương, mà chính là ở chỗ cần phải biết nhìn nhận cho đúng giá trị của cả đôi bên để có hi-

vọng đáp ứng đầy đủ cho cuộc sống toàn diện của con người. Nói như nhà hiền triết Platon : Điều sai lầm lớn nhất trong phép trị bệnh là phân biệt y sĩ của thân thể và y sĩ của linh hồn. Cả hai thực ra chỉ là một và bất khả phân».

« Sứ mạng của các nhà tư tưởng ngày nay là phải làm thế nào để dung hòa và khai thác được cả hai hệ thống giá trị Đông phương và Tây phương hầu xác định được những nguyên lí mới cho Triết học và Khoa học, vừa thỏa mãn được những nhu cầu tiến bộ của con người, vừa bảo đảm được hạnh phúc chung cho toàn thể nhân loại.

« Trong viễn tượng tốt đẹp ấy, không ai có thể chối cãi rằng triết học Ấn-Độ có thể đóng góp được một phần xây dựng quan trọng. »

..

Theo thông lệ, sau cuộc thuyết trình, có cuộc thảo luận giữa thính giả với diễn giả để làm sáng tỏ vấn đề hoặc để giải đáp vài thắc mắc.

Vì bài thuyết trình dài nên cuộc thảo luận phải ngắn. Một sinh viên chất vấn diễn giả về «tự ngã» (Ātman) đến ông Nguyễn-Đăng-Thục lên đặt vấn đề, đại ý :

Có phải triết học Ấn-Độ là kết quả những cuộc suy tư trong tháp ngà, chứ không phải bắt nguồn từ cuộc sống và đứng ở một chỗ trong khi cuộc sống nhân loại thay đổi không ngừng? Nên đã bị triết

học Mác-xít lẫn áp. Và sẵn có người bạn cũ của ông là học giả Hồ-Hữu-Tường hiện diện ở đây, ông nhớ lại câu ông này trả lời cuộc phỏng vấn của bộ Thông tin: muốn thắng Cộng, ta phải có một ý thức hệ cao hơn, đẹp hơn ý thức hệ Cộng-sản, vậy thế giới tự do đã tìm được gì để đối chọi lại sự tràn ngập Mác-xít chẳng? Trong một cuộc hội nghị triết gia thế giới ở Hawai, ông cũng đã hỏi thế, và nhấn mạnh rằng đứng trước sự mất còn trước mắt của nhân loại trước hiểm họa Cộng-sản — mà nước Việt đang trực tiếp bị hăm dọa — nếu chưa tìm được ý

thức hệ gì mới, thì hội nghị hóa ra vô ích. Người ta đã trả lời ông: Phương Tây đành chịu thua, nhưng dường như phương Đông có thể giải đáp được.

Vấn đề đặt ra có ra ngoài đề tài mình thuyết trình, nhưng diễn giả cũng cố giải đáp. Ông Nguyễn-Đăng-Thục cười mà cho rằng vẫn chưa được thỏa mãn. Diễn giả và thính giả cũng cười, vì đến ngay các triết gia Đông-Tây họp lại cũng còn không làm ông thỏa mãn được, nữa là...

NGUYỄN-NGU-Í (thuật)

ĐÍNH CHÁNH

— Về bài « *Lá thư Bruxelles* » của Mộng-Trung đăng trên B.K. số 174 ngày 1-4-64 có một chữ sai lầm sau đây:

— Trang 44, dòng 11: « *đi xem nhạc khí Ấn-Độ, nhiều cây đàn Việt* » xin đọc là « *nhiều cây đàn Vina* ».

— Lá thư Bruxelles, nói về « *nhạc Việt ở xứ người* » sẽ còn đăng tiếp ở Bách-Khoa các số tới đây, về kết quả buổi thuyết trình của bạn Trần-Văn-Khê tại thủ đô nước Bỉ.

Đại-Nam Văn-Hiến Xuất-Bản-Cục

- Đã phát hành một cuốn sách làm sôi nổi dư luận văn học giới:
- NHẬN VIỆN VỐC DÁNG NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH, truyện ký THẾ-PHONG

Sẽ phát hành hai cuốn thơ:

- THIẾT THA của BUI-KHÁI-NGUYỄN, UYÊN-THAO vào đề mà ấn bản đầu 1960 bị cấm lưu hành và bị coi như tác phẩm văn chương đen.
- MIỀN LỰU ĐẦY thơ NINH CHỮ, THẾ PHONG vào đề một tập thơ của tình yêu, tuổi trẻ, của lứa thanh xuân hôm nay.

Hận lòng

Tình cờ lục lại giấy tờ xưa, tôi gặp lại mấy bài thơ xướng họa cùng vài bạn, mười ba năm trước, khi bị chánh quyền Cộng-sản au trị tại lao xá Nghĩa-Hành, tỉnh Quảng-Ngãi. Người xướng là một người tu, nay đã ra người thiện cổ; người họa bài đầu, sau đi theo con đường chánh trị đảng phái và bị mất mát tất cả; người họa sau là tôi, vẫn dở dang giữa đạo và đời. Xin cho đăng những vần thơ làm trong cảnh mất tự do, gọi là để ghi lại chút hình bóng cũ.

*
* *

Một mình nghĩ quẩn lại lo quanh,
Thức chẳng an tâm, ngủ chẳng đành.
Tưởng nợ giang san lòng thấm thiết,
Nhớ ơn cức dục dạ buồn tanh.
Xót tình cổ: nhục sâu trăm ngả,
Bận nghĩa tao khang lệ suốt canh.
Tri kỉ hằng mơ cơn gió bụi,
Mảnh hồn trong trắng gọi đêm thanh...

Thu 1951

NGUYỄN-QUANG-CHÂU

HỌA I

(Ngồi nghe đời...)

Tưởng đem tâm trí dọn đường
quanh,
Dù cả chông gai sức cũng đành.
Nào biết đồ quyền: sâu khoắc
khoải,
Khôn ngờ tình vệ: ngậm buồn tanh!
Chân trời khói tỏa hơ khô dạ,
Mặt gối mộng trào thấm ướt canh.
Gác kiểng ngồi nghe đời phán đoán...
— Lòng người soi có bóng trăng
thanh.

SUỐI-NGỌT

HỌA II

(Lòng không hận mấy)

Tội gì khờ quẩn lại đau quanh,
Đời của riêng ta, nở bỏ đành?
Mái tóc tươi xanh đừng để bạc,
Cõi lòng thơm ngát chớ vùi tanh.
Ruộng, nhà: giao trả cho trời đất,
Lao, trại: cười vui với muối canh.
Đời đã tàn đâu, đâu chẳng bạn,
— Kiềng giờ sao tiếng lại thanh...
thanh...

NGUYỄN-NGU-Í



Đức Cố Hộ Pháp Phạm-Công-Tắc

2 giờ với vài vị chức sắc

ĐẠI ĐẠO TAM KÌ PHỔ ĐỘ

NGUYỄN-NGU-Í

Sắp mười hai giờ đêm. Ba tiếng kiếng vang lên...Đèn điện nê-ông bật sáng cả Cửu-trùng-đài. Mấy trăm người áo trắng ấy — có xen một ít áo vàng, xanh, đỏ — lặng lẽ đi vào Tòa thánh. Nhạc trên lầu Hiệp-thiên-đài bỗng trỗi lên, Đờn cò, khá nhiều, và một ít đờn kìm thì phải. Họ sắp hàng, nam tả, nữ hữu, đối diện nhau, rồi cùng quay về phía Bát-quái-đài, hướng lên Thiên nhân ngự trên quả Càn-khôn hiện mờ mờ sau hàng nền lung linh.

Tiếng đờn hòa theo tiếng đọc kinh từ lầu trên Hiệp-thiên-đài rót xuống, đều đều, theo nhịp song lan. Và lặng lẽ, nhịp nhàng, mấy trăm tín đồ và chức sắc ngồi xếp xuống, rồi sau một hồi kinh, cúi đầu xuống, gật mấy cái.

Tôi ngồi xếp bằng ở chỗ giáp giới

hai đài Cửu - trùng và Hiệp thiên nhìn, nghe, rồi nghĩ: « Phải chi lớp đèn điện này được thay thế bằng những hàng đuốc chập chờn cho mấy cây nến xa kia không thấy mình lạc lối, phải chi những con rồng quấn hai hàng cột Cửu, trùng-đài màu sắc chẳng quá ư sặc sỡ, cho tiếng đàn ò-e cổ kính thấm vào cả những vật vô tri..., thì có lẽ trong người mình, không có hai cảm giác như bây giờ: nửa an lòng như khi gặp lại đôi dáng người quen, nửa ngỡ ngơ như lần đầu nghe vài giọng lạ. »

Cảm giác mới mẻ này làm tôi nhớ lại ba cảm tưởng trước đây, về đạo Cao-Đài.

Ba mươi năm trước, tôi ở trọ nhà một người có đạo. Cậu học trò tiểu học là tôi lúc bấy giờ thấy: sáng, cúng, đọc

kinh, trưa, cúng, đọc kinh, chiều, cúng, đọc kinh ; khuya : cúng, đọc kinh. « Thật là mất thì giờ và phiền phức quá ».

Mười năm sau, tôi được tin một thầy học cũ ở ban Trung học, rất hiền, rất tốt, theo đạo Cao-Đài từ lâu, bị bắt tại trường và bị đày ra Côn-Đảo vì hoạt động chánh trị chống Pháp, cùng một số người đồng đạo. « Cao-Đài là một đoàn thể tôn giáo mà cũng tham gia việc nước phần nào ».

Rồi cách đây mười ba năm, khi sắp rời một trại an trí của Việt-Minh tôi ngủi ngủi đọc những dòng này viết trên mảnh giấy nội hóa, của người bạn đồng cảnh, tỉnh Quảng-Nam, một chức sắc cao cấp đạo Cao-Đài ở miền Trung.

« Duyên gì gặp gỡ giữa nhà pha ?

« Chung sống cay chua, sống mặn mà.

« Tan, hợp, đảy, đũa, thân gió bụi.

« Lưu tình còn tác mảnh hồn ta.

« Thương-Hải Nguyễn-Quang-Châu ».

Mảnh hồn người tín đồ này đã bị một vết thương đau : chứng kiến cảnh người đồng đạo bị giết, bị chôn sống trong những ngày đầu cuộc khởi nghĩa, nhưng trong cảnh lao tù, anh vẫn một lòng thương giúp anh em xấu số và giữ vững tinh thần bất khuất với kẻ cầm quyền.

« Đạo Cao-Đài là một lực lượng tinh thần đáng kể ».

Đúng nửa giờ qua. Theo lời người bạn lễ sanh vừa quen, thì lễ cũng sắp xong. Tôi đứng dậy, nhìn bức họa lớn ở tường. Một người Tàu đội mũ đang nâng nghiên mực cho một vị quan văn

Việt và một vị hàn lâm Pháp chấm bút vào để viết mấy chữ Hán và Pháp sau đây : *Thiên thượng, Thiên hạ, Bác ái, Công bằng, Dieu et Humanité, Amour et Justice*. Có lời chú thích bằng tiếng Pháp Anh, Đức, Tàu và... Việt. Thì ra đó là Tôn-Văn, Victor Hugo, Nguyễn Bình-Khiêm.

Tôi ghi lại lời chú thích bằng chữ Việt:

« *Truyện kỳ truyện Tam Thánh* »

— Cụ Nguyễn-Bình-Khiêm (1), nhà tiên tri danh tiếng lớn ở đời mạt Lê, thi đậu trạng nguyên, tước vị là Trình-Quốc-Công, tục gọi là Trạng-Trình. Giảng cơ tự xưng là Thanh-Sơn đạo sĩ, tức là vị sư phó của Bạch-Vân-động.

— Cụ Vitor Hugo (2) nhà thi gia trứ danh của Pháp Quốc. Giảng cơ tự xưng là Nguyệt-Tâm-Chơn-nhơn, tức là đệ tử cụ Nguyễn-Bình-Khiêm ở Bạch-Vân-động.

— Cụ Tôn-Dật-Tiên (3), đại cách mạng gia nước Trung-Hoa, tức là Tôn-Văn. Giảng cơ tự xưng là Trung-Sơn chân nhân, tức là đệ tử của cụ Nguyễn-Bình-Khiêm ở Bạch-Vân-động.

Ba vị thánh trên đây là thiên sứ : đặc lệnh làm hướng đạo cho nhơn loại để thực hành đệ tam thiên nhơn hòa ước.

Lễ tất. Anh bạn trẻ nhiếp ảnh viên và tôi đón chờ lễ sanh (4) Ngọc-Triết-Thanh để cùng về nơi tạm trú. Chúng

(1) 1491 — 1585.

(2) 1802 — 1885

(3) 1866 — 1925

(4) « Lễ sanh là người có hạnh, lựa chọn trong chư tín đồ mà hành lễ ; lễ sanh dâng quyền di khai dân cho mỗi tín đồ ». (Theo Tân luật).

tôi được giới thiệu để gặp ông Trần-Quang-Vinh, phối sư đặc nhiệm kiêm cố vấn hành chánh Đạo, nhưng ông lại vừa về Sài-Gòn, nên chúng tôi nhận lời ông bạn lễ sanh đây, tình cờ gặp trong vòng Thánh-địa : ông Ngọc-Triết-Thanh ở tỉnh, lên đây dự hội Nhơn sanh, ở tạm trong một trại mộc của Tòa thánh.

Dưới ánh trăng tà, cái mào và cái áo dài màu đỏ làm ông nổi bật giữa đoàn người mặc trắng cùng về một ngã với chúng tôi. Tôi hỏi :

— Sao áo ông lại màu đỏ ? Còn có ông lại mặc áo màu xanh, màu vàng ?



Tòa Thánh Cao Đài. Với một lễ sanh trước cửa Tòa Thánh

Ông cười :

— Xin anh đừng gọi tôi là ông. Như thế là khách sáo. Tôi hơn anh có mấy tuổi đâu. Vả đến đây, ta như thể con một nhà. Có chịu gọi tôi bằng anh tôi mới trả lời.

— Xin chịu. Và xin anh nói cho biết.

— Nói ra thì phải nói từ đầu. Nhưng để về chỗ nghỉ, tôi sẽ nói kĩ.

« Tôi mặc áo đỏ vì tôi thuộc về phái *Ngọc*, tức là phái *Thanh* hay *Nho giáo* và tên đạo tôi bắt đầu bằng chữ *Ngọc*, tận cùng bằng chữ *Thanh*, (còn nữ thì chữ *Hương*) và lót bằng tên thiệt của tôi, *Triết* : Ngọc-Triết-Thanh. Như ngài phối sư đặc nhiệm Trần-Quang-Vinh thuộc về phái *Thượng*, tức phái, *Tiên* hay, *Đạo giáo*, thì tên đạo ngài là *Thượng-Vinh-Thanh*, và ngài mặc áo xanh. Còn phái *Thái*, tức phái *Thích* hay *Phật giáo*, thì mặc áo vàng. Nhìn sắc áo các chức sắc thì biết họ ở phái nào.

— Còn đạo hữu ?

— Đạo hữu thì mặc toàn trắng, để nhắc mình lúc nào cũng phải trau tâm sửa tánh cho trong trắng, thanh khiết như sắc áo mình mặc vậy. Màu trắng lại tượng trưng cho sự tổng hợp các màu.

— Còn khăn ?

— Đạo hữu thì chít khăn đen. Vì họ chưa bỏ hẳn việc trần để chuyên lo cho đạo. Nhưng mà tại Cửu-trùng-đài thì trừ đức Giáo-tông mặc trắng, các chức sắc đều mặc đỏ, vàng, xanh tùy theo phái. Còn ở bên Hiệp-thiên-đài trừ đức Hộ-pháp, Thượng-sanh, Thượng-phẩm các chức sắc khác đều mặc trắng,

— Như thế người ngoài nhìn vô, khó mà hiểu ngay cho được.

— Vì thế tôi mới hẹn anh để về trại sẽ nói kĩ.

Nhưng khi mới bước chân vào trại mộc, là hai chúng tôi ngừng lại. Thánh-

địa có máy điện riêng, nhưng chưa được mạnh. Đèn ở đây nửa tổ nửa mờ. Chạm phải mấy cái quan tài mới đóng, hai chúng tôi đã phải giật mình. Ông lễ sanh nhường bộ ván cho chúng tôi, và đi ngủ chung với một bạn khác; sau khi nói rõ cho chúng tôi biết hội Thánh của Đại đạo Tam kì phổ độ tổ chức như thế nào.

— Chắc anh đã biết, sự tổ chức hội Thánh do đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế và đức Lí-Thái-Bạch giáng cơ ấn định, ngay khi đạo mới thành lập, tức là từ năm 1926.

« Hội Thánh gồm hai phần ; phần Xác và phần Hồn. Phần trước là hội Thánh Cửu-trùng-đài ; phần sau là hội Thánh Hiệp-thiên-đài. »

— Ta có thể nói theo danh từ Chính trị : Hiệp thiên đài là viện Tư-pháp, và Bảo-pháp?

— Được chứ. Còn Cửu-trùng-đài có thể ví là viện Hành-pháp, và Bát-quái đài là viện Lập-pháp.

— Đứng đầu Cửu-trùng-đài là vị *Giáo tông*, kế đó là ba vị *Chương pháp* thuộc ba phái Nho, Thích, Đạo (tức Ngọc, Thái, Thượng), rồi ba vị *Đầu sư*, cũng thuộc ba phái, tiếp đến ba mươi sáu vị *Phối sư*, chia ra mỗi phái mười hai vị, trong ấy có ba vị *Chánh phối sư*, cầm đầu, *Giáo sư* có bảy mươi hai người, mỗi phái có hai mươi bốn người. Lại có ba ngàn *Giáo hũn*, cho cả ba phái, tức mỗi phái có một ngàn vị (con số 1.000 này, không thể tăng hay bớt.) Lễ sanh thì không có số định ; rồi đến *Chức việc*: Chánh, Phó Trị sự và Thông sự. Sau cùng là *Nhân sanh*, tức toàn thể đạo hữu.

— Nhưng sao ông Lê-Văn-Trung mất từ lâu, mà không có ai thế?

— Ngài Lê-Văn-Trung chỉ là quyền Giáo tông thôi.

— Thế ai là Giáo tông đích thực?

— Ngài Lí-Thái-Bạch.

— Lí-Thái - Bạch, thi thánh đời Đường ?

— Đúng vậy. Các chức sắc cao cấp toàn là chức sắc thiên phong.

— Nghĩa là do đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế... chỉ định ?

— Đúng vậy. Còn bên hội thánh Hiệp-thiên-đài thì gồm có : một vị *Hộ pháp*, một vị *Thượng phẩm*, một vị *Thượng sanh*.

Và dưới quyền mỗi vị có bốn vị *Thời quân*.

— À, tôi thấy ở ngoài vô, bước xuống tam cấp, có ba cái đài sen, mà sao một cái để trống, còn hai cái kia đều có tượng ngó vô chánh điện ?

— Vị đức Hộ-pháp Phạm-Công-Tắc và đức Thượng phẩm Cao-Huỳnh-Cư đã « qui liễu » còn đức Thượng sanh Cao-Hoài-Sang thì còn « tại vị hiện tiền ». Mỗi khi có lễ lớn ngài Thượng-sanh đều có về mặc đạo phục và khi làm lễ, đứng lên đài sen cạnh tượng hai đức Hộ pháp và Thượng phẩm để đạo hữu chiêm ngưỡng.

Một luồng gió lạnh thổi qua. Tôi chợt nhớ những ngọn gió mát khi chiều khi người lễ sanh sốt sáng này đưa chúng tôi lên tầng chót Hiệp-thiên-đài, ra bao lơn, nhìn bốn phía : ruộng, rừng đàn trâu, ngọn Bà Đen như còn mãi uy tư.

— Đất của hội Thánh khẩn tới khỏi núi Bà Đen. Tiếc rằng loạn lạc kéo dài đã hai mươi năm, không thì đồng bào khai phá thành vườn ruộng đã lâu rồi. Phần Thánh địa có đến chín mươi sáu mẫu. Tòa thánh và các cơ quan ở trong một miếng đất gần vuông vức, mỗi cạnh dài một cây số hay hơn chút ít; có mười hai cửa để vào Tòa Thánh.

« Anh dòm xuống dãy Cửu-trùng-đài có chín nóc, anh đếm thử; ở dưới, có chín cấp. Đền Thánh đây đặc biệt ở chỗ là do đức Giáo-tông Lí-Thái-Bạch giảng cơ cho kiểu mẫu và thức tắc ».

Trời đang về chiều. Từ phương Đoài, ánh dương quang chiếu thẳng vào Hiệp-thiên-đài. Gió mát ban đầu bỗng trở nên lạnh lạnh.



Tòa Thánh Tây-Ninh (nhìn chung)

Ngày thì nắng như thiêu, đêm thì lạnh gay gắt. Khách mới đến đây lần đầu vào mùa này khó mà yên giấc, nhất là thỉnh thoảng hứng lấy tiếng một-chê yểm hộ một cuộc hành quân nào gần đấy.

Trại mộc bắt đầu hoạt động từ 8 giờ sáng. Tôi nhìn bảng ghi thì giờ làm

việc. Sáng : 8 giờ — 11 giờ 30 ; chiều : 2 giờ — 5 giờ. Nghỉ vào những ngày mùng 10, 20 và 30 âm lịch (tháng thiếu, nghỉ ngày 29) ; lễ tiểu đàn : nghỉ một buổi, lễ đại đàn : nghỉ một ngày.

Tôi hỏi một người thợ :

— Thế một năm có mấy lần lễ tiểu đàn và đại đàn ?

— Tiểu đàn mỗi tháng có hai : ngày sóc và ngày vọng và đại đàn là những ngày lễ lớn như Tết Nguyên đán, vía Trời (mùng 9 tháng giêng), lễ Thượng ngươn, lễ Trung ngươn, lễ đức Diêu-Trì-Kim-Mẫu (rằm tháng tám) và lễ Khai Đạo (rằm tháng mười).

— Sao không nghỉ ngày chủ nhật như ngoài đời cho tiện ?

— Ở đây là đạo, thì nếp sống cũng nên có cái gì riêng chớ. Còn tiện, thì với chúng tôi lên đây làm công quả, không cần. Mà đồng bào ngoài đời nghỉ ngày chủ nhật đến thăm Tòa Thánh gặp chúng tôi làm việc, thì lại tiện lắm !

— Anh lên đây làm công quả mới hay lâu ?

— Từ ngày anh em ông Diệm bị lật.

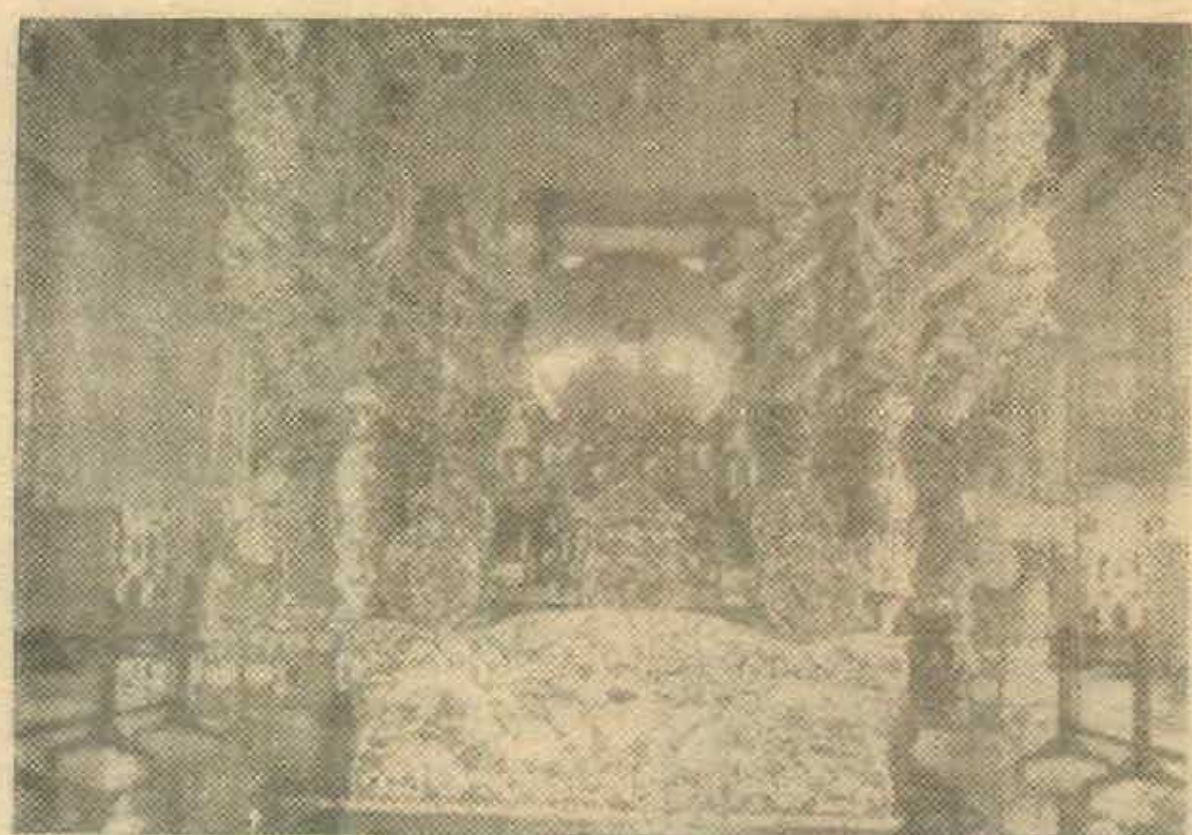
— Anh em làm việc, có ai kiểm soát không ?

— Làm việc tay chân hay làm việc trí óc gì, cũng có người kiểm soát cả. Để biết công việc tới đâu, và chỉ vẽ cho nhau. Nhưng ai đến đây cũng làm việc hết lòng, làm như làm cho mình vậy.

Ông lẽ sanh đến tự hồi nào, thấy tới thôi hồi, mới giải thích thêm về ngày nghỉ.

— Thời Tổng thống Diệm làm khó dễ Đạo, ông buộc Hội Thánh nghỉ ngày chủ nhật như các công sở. Nhưng khi ông rút xuống rồi, hội Thánh lại nghỉ theo mình.

— Làm công quả, mình có được hưởng cái chi không?



Bát-quái-đài (quả Cà Kôn)

— Chỗ ở, chỗ ăn hội Thánh lo cho mình. Và một năm, được lãnh 5 thước vải trắng.

— Chỉ có 5 thước vải trắng?

Người chức sắc này và người thợ nọ cùng gật đầu và mỉm cười.

— Thời hạn mình làm công quả ít nhất là bao lâu?

— Không có thời hạn nào cả.

— Rồi mình lên bữa trước, thấy kham khổ quá chịu không nổi, bữa sau, mình xin về...

— Thì hội Thánh cho về. Mình đến,

hội Thánh đâu có ép; thì mình đi, hội Thánh đâu có cầm. Tự mình cả.

— Nhớ nhà, mình xin về thăm, hoặc vợ con nhớ mình, lên thăm được chớ?

— Được.

— Muốn được lên đây làm công quả, có phải làm đơn xin trước, được hội Thánh chấp thuận rồi mới lên?

— Dễ lắm. Mình chỉ cầm giấy giới thiệu của đầu tộc của địa phương mình lên, là hội Thánh nhận. Rồi tùy theo khả năng mình, mà giao công việc.

— Có khi nào người làm công quả nhiều quá, hội Thánh buộc lòng không nhận người mới?

— Không khi nào. Việc hội Thánh, bao giờ hết được. Người bao nhiêu cũng không dư.

— Anh có biết số người làm công quả hiện giờ được bao nhiêu?

— Chút nữa, ta ghé lại viện hồi thì biết chắc chắn. Đâu lối năm trăm người. Và họ ở cả trong vòng thành tòa Thánh, trừ vài chức sắc có nhà riêng ở ngoại ô. Thôi ta lên cửa viện để anh hỏi những điều muốn biết.

Chúng tôi đi qua *Bá-huế-viện*, đi ngang *Hộ pháp đường*, *Báo ân từ*, *Nữ đầu sư đường*, rồi đến *Ciền viện*.

Chín viện này do ba phái trông nom,

Phái Thái (Phật) coi về: *Hộ viện*, *Lương viện*, *Công viện*.

Phái Thượng (Lão): *Nông viện, Y viện, Học viện.*

Phái Ngọc (Nho): *Hòa viện, Lại viện, Lễ viện.*

Giáo hữu Thượng-Tí-Thanh trong ban Huấn đạo thay vị phối sư vắng mặt tiếp chúng tôi. Da mặt hồng hào, năm chòm râu phơ phất, trông ông có vẻ tiên phong đạo cốt phần nào. Câu chuyện đi sâu, mới biết trước đây, ông cũng đã vì đời mà một thời sống chết giữa ba quân, và vì đạo mà bị thực dân Pháp và phong kiến Ngô cùm kẹp.

Được biết tôi là học trò cũ của người đồng đạo đã viết thư ân cần giới thiệu, ông vui ra mặt, và gọi ngay chúng tôi là « hai chú em ».

— Tưởng ai, chớ ông Huệ-Lương là bậc đàn anh đáng quý của tôi. Tôi từng làm việc dưới ông ở Bắc khi ông làm Khâm mạng và phụ trách ngành Dân huấn vụ. Về nguồn gốc và giáo lý Đạo thì ông Huệ-Lương dư sức tỏ bày, vậy khi về Sài-Gòn, chú em chịu khó lại « làm rộn » ông ; còn giờ thì chú em « quấy rầy » tôi về những việc khác đi.

Tôi nhớ lại một đoạn văn vừa đọc được (1) :

« Đạo Cao-Đài mới xuất hiện có hai năm (2) trời, mà đã chiêu tập được trên 70 vạn tín đồ, có quan, có dân, có bọn nhà giàu, có nhà học vấn, chẳng thiếu một hạng nào. Cứ lấy thời gian và nhơn số, đem so với đạo Thiên-Chúa truyền sang xứ ta ba trăm năm trời, còn nhờ binh lực của nước Pháp, mà tới nay (2) chừng được 100 vạn người theo, thì đạo Cao-Đài (3) thiệt là mau chóng và thành hành quá sức.

Thấy mau chóng và thành hành như vậy, cho nên hồi đầu có nhiều người phải lấy làm lạ, tin chắc là đạo này có chỗ cao xa huyền diệu gì, mới có thể chỉ trong chớp mắt mà cảm hóa được nhiều người chừng đó. »

Thành ra đều tôi muốn biết là con số tín đồ Đại đạo tam kì phổ độ.

— Để rồi chú lễ sanh đây đưa chú em xuống Lại viện, ở đó, họ trả lời chắc chắn hơn. Trên dưới gì hai triệu rưỡi tôi không nhớ rõ.

— Nhưng chắc bác phải hiểu rõ lí do bành trướng mau lẹ của Đạo. Khai Đạo năm Bính dần 1926, tới nay là ba mươi chín năm, mà có đến hai triệu rưỡi tín đồ, cũng là một trường hợp hi hữu,

— Lí do gồm có ba : hợp thời, hợp tình và hợp cảnh. Hợp thời, vì toàn dân Việt lúc bấy giờ đòi hỏi một tôn giáo mới có tính cách rộng rãi, đại đồng, mà không phản lại dân tộc tính. Hợp tình bởi lẽ đa số dân Việt ta từ thuở xa xưa đã tin tưởng sâu xa về thần quyền và đó là căn bản đạo đức của toàn dân. Hợp cảnh, ở chỗ nước Việt ta vào thời Lí, Trần đã lấy thuyết Tam giáo đồng nguyên làm chủ lực tinh thần. Mà Đại đạo tam kì phổ độ là sự đúc kết của Nho, Phật, Lão.

— Nhưng sao tôi thấy ở bưu điện

(1) Của Đào-Trình-Nhất, trong quyển « *Cải án Cao-Đài* » (Sài-Gòn, Imprimerie Commerciale, 1929).

(2) 1928, đăng trên báo Công-Luận ; năm sau, in thành sách.

(3) Có lẽ in sót hai chữ « bành trướng ».

Bát-quái-dài là nơi chiêm bái, ngoài linh vị đức Thích-Ca, đức Lão-tử, đức Khổng-tử, còn có linh-vị đức Giê-Su rồi đức Phật-Quan Âm tức Lí-Thái-Bạch, đức Quan-Thánh đế quân, và sau cùng đức Khương-Tử Nha.

— Đó là sự tượng «trung tam giáo qui nguyên» «ngũ chỉ phục nhứt». Tam giáo là Nho, Thích, Lão, còn Ngũ-chỉ là Phật-đạo, Tiên-đạo, Thánh-đạo, Thần-đạo Nhơn-đạo.

— Còn như ở Hiệp-thiên-dài, có bức họa của Tôn-Văn, Trạng-Trình, Victor Hugo ?

— Vẽ ba vị ấy, không phải để thờ phượng, mà để tỏ lòng biết ơn ba đấng chơn linh đã hướng dẫn những người đệ tử đầu tiên của Thầy.

— Hướng dẫn bằng cách giảng cơ ?

— Ông gật đầu.



Hình Tôn-Dật-Tiên, Victor Hugo
Trạng Trình. Hình ở cửa vào tòa Thánh

Người bạn trẻ tôi bỗng lên tiếng :

— Thưa bác, sao lại thờ Con Mắt,

mà lại thờ có một con ?

Người giáo hữu đầu hai thứ tóc ấy nhìn người thanh niên đeo máy ảnh nọ, cười, độ lượng :

—Đâu phải mình muốn thờ gì thì thờ, chú em. Đó là đức Cao-Đài ngài dạy phải họa Thiên nhân mà thờ. Ngày dạy ông phũ Ngô-Văn-Chiêu kbi ở Phú-Quốc trước, năm 1920, rồi năm 1925, Ngài dạy các ông Phạm-Công-Tắc, Cao-Huỳnh-Cư, Cao-Hoài-Sang, Cao-Huỳnh - Diêu, Trương - Hữu - Đức, Nguyễn-Trung-Hậu và Lê-Văn-Trung ở Sài-Gòn thờ Thiên nhân. Các đệ tử lúc đầu cũng thắc mắc về việc này, đức Cao-Đài phải giảng xuống mà giải thích sơ lược như sau :

« Nhân thị chủ tâm,

« Lương quang chủ tế,

« Quan thị Thần

« Thần thị Thiên

« Thiên giả, Ngã giả ! »

« Tôi dịch nghĩa cho hai chú em nghe: Mắt là chủ cái tâm ; hai lần yển sáng ở trong Mắt là chủ tế ; yển sáng là Thần ; Thần là Trời ; Trời là Ta vậy ».

« Thế thì thờ con Mắt, là thờ Trời, là thờ Ngọc-Hoàng Thượng đế.

« Còn tại sao lại thờ một con mắt, trong khi người ta cùng muôn loài đều có hai mắt ? Là vì số một là số khởi đầu của các số. Vậy Một là ngôi Thái cực, ngôi Trời vì ngôi ấy có một không hai !

« Chú em cũng có thể hỏi thêm : tại sao thờ con mắt mở ? Vì con mắt mở ám chỉ đấng Chúa tể Càn-khôn thấy tất cả mọi việc, tốt cũng như xấu, nhỏ li ti cũng như lớn kinh hồn.

« Lại có điều này nữa : đạo Cao-Đài là một đạo đi tới đại đồng, thì thờ Thiên nhân có tánh cách đại đồng, đã là người, bất cứ già, trẻ, sang, hèn, da trắng, da đen, ai cũng thấy con mắt, cũng biết vẽ con mắt, và vẽ giống nhau.»

Tại nghe giải thích thế, sao trí tôi lại nhớ đến hình Victor Hugo vận y phục Hàn lâm viện đang viết mấy chữ « Dieu et Humanité » ở Hiệp - thiên - đài, Victor Hugo, tác giả bài thơ « Con Mắt của Cain », và nghĩ rằng con Mắt cũng còn là tượng trưng cho Lương tâm của Loài người, mà thờ Lương tâm, Lương tâm của mình hay Lương tâm của Nhân loại, cũng có ý nghĩa sâu xa !

Người bạn trẻ của tôi có lẽ lấy làm thú, quên vai trò của mình hỏi tiếp :

— Luôn dịp, xin bác giảng cho cháu biết tên đạo : Đại đạo tam kì phổ độ là gì ? Và tại sao còn có tên là Cao-Đài ?

Ông giáo hữu vẫn vui vẻ :

— Đại đạo tam kì phổ độ là đạo lớn cứu rỗi kì thứ ba. Tức là kì này, thuộc thời hạ nguơn, thời mạt pháp, Đức Ngọc-Hoàng-Thượng-đế giảng diễn quang lập đạo, tổng hợp giáo lí các tôn giáo về một mối và không giao quyền giáo chủ cho người phạm như hai lần trước nữa.

« Kì thứ nhất, thuộc về thượng-nguơn, có ba đại thánh nhơn ra đời cứu thế :

« Đức Nhiên-Đăng Cổ Phật (Phật-giáo) ;

« Đức Thái Thượng Lão-Quân (Đạo-giáo) ;

« Đức Phục-Hi (Nho giáo).

« Kì thứ nhì, thuộc về trung nguơn, có các vị đại thánh nhơn này xuất hiện độ người :

« Đức Thích-Ca (Phật giáo).

« Đức Lão-Tử (Đạo giáo) ;

« Đức Khổng-Tử (Nho giáo) ;

« Đức Đa-Tô, tức đức Giê-Su (Thánh Giáo).

« Còn gọi là đạo Cao-Đài cho gọn, vì chính đức Ngọc Hoàng tự xưng mình là Cao Đài :

« Nhiên-Đăng Cổ Phật thị ngā.

« Thích-Ca Mâu ni thị ngā.

« Thái-Thượng Nguyên-thỉ thị ngā.

« Kim viết Cao-Đài ».

Năm 1927, đức Ngọc-Hoàng có giảng cơ tại Cần-Thơ để giải nghĩa tá danh của mình :

Linh tiêu nhất tháp thị Cao-Đài,

Đại hội quần tiên thứ Ngọc-giai.

Vạn trượng hào quang từng thứ xuất,

Cổ danh bửu cảnh « Lạc-Thiên-Thai ».

« Nghĩa là : nơi điện Linh-tiêu, trên Thiên đình, có một tháp gọi là Cao-Đài, quần tiên thường nhóm Đại hội ở trước bệ ngọc ấy ; hào quang muôn trượng do đó mà chiếu ra. Tên xưa của cảnh quý báu này là « Lạc-Thiên-Thai ». Thế là đức Ngọc-Đế lấy tên nơi ngài ngự làm tá danh ».

Tôi thuở nhỏ vốn mê truyện Tàu. Lại vừa đọc lại Thủy-hử. Nghe giải về hai chữ Cao-Đài, tôi chợt nhớ đoạn kết lạ lùng của truyện một trăm lẻ tám anh hùng Lương-Sơn-Bạc đã đứng lên chống với lũ vua quan thối nát, bạo

tàn đời Tống. Trên Lương-Sơn-Bạc, có đắp một đài cao ba tầng, gọi là Cao-Đài. Người lãnh tụ của nhóm, Tống-Giang, lên đài cao này cầu Trời giáng điềm cho. Thình lình, một tiếng nổ to như sấm, một con mắt thật là to hiện ra trên trời. « *Thiên nhân đại khai* ». Rồi một đạo hào quang xẹt ngay xuống đất. Sai người đào chỗ ấy, được một tấm đá, có khắc bốn chữ : « *Thế thiên hành đạo* » với tên một trăm linh tám anh em kết nghĩa tử sanh. Giữa « *Thiên nhân Thủy-hử* » và « *Thiên nhân Cao-Đài* » có gì liên hệ chăng. Tôi có đem thắc mắc này mà hỏi một vị chức sắc cao cấp thì vị chức sắc này cười mà nói rằng : « *Thủy-hử* là một cuốn tiểu thuyết do trí tưởng của người tạo ra, chớ nào có thật. Trái lại, đạo Cao-Đài không có liên lạc gì với tiểu thuyết trên, đã do thần cơ diệu bút mà có trong những trường hợp hết sức riêng biệt và do những người hoàn toàn không biết gì câu chuyện trên và ở cách biệt nhau xa, nghĩa là không có sự liên lạc nhau ngay buổi đầu. Nhiều người với dụng ý xuyên tạc thường cho rằng đạo Cao-Đài nguồn từ truyện « *Thủy-hử* » mà ra. Thật là một sự ngộ nhận quá lớn.

Chợt thấy người bạn nhiếp ảnh viên coi bộ muốn hỏi tới... nguồn gốc, giáo lí của đạo, tôi nhắc khéo anh làm nhiệm vụ chuyên môn, và hỏi việc trước mắt.

— Thưa bác, dưới chế độ cũ, anh em làm việc ở cứu viện có đông và không khí có cởi mở, đầm ấm như bây giờ không ?

Mặt người đối diện cao niên buồn trông thấy :

— Người thì cũng bấy nhiêu, nhưng không khí thì âm đạm, ngột ngạt, chúng tôi phải giữ gìn từng li từng tí. Ông Diệm, ông Nhu cho Công an, Mật vụ đến dò xét, rình rập. Sở anh em bị bắt cũng bộn.

— Chắc cũng nhiều người chết?

Ông gật đầu.

— Thời Pháp, chúng tôi bị khủng bố tù đầy. Thời Việt-minh, chúng tôi bị sát hại. Thời Việt-Nam cộng-hòa, nhà họ Ngô cũng chẳng dung tha. Mỗi đạo bao lần nghiêng ngửa. Song có thử thách như vậy, mới biết đá biết vàng, mới biết ai là người chơn tu, ai là kẻ lợi dụng. Tôi nghĩ đời một đạo cũng như đời một người, không sống gió, thì sao được trui rèn để được rõ chơn giá trị của mình.

— Chắc bác cũng từng là một nạn nhân của chế độ cũ ?

Ông cười, rồi, vui vẻ :

— Để tôi cho hai chú em nghe tôi đã « *đổi phỏ* » với Công an, Mật vụ của Ngô triều ra sao. Họ sắp tra tấn tôi. Tôi ôn tồn bảo họ : « *Chẳng giấu gì các ông, tôi đã từng bị thực dân Pháp khảo tra, cùm kẹp. Tôi đã cắn răng chịu, và hiểu việc họ làm. Nhưng các ông làm như họ, tôi đau xót lắm. Đau xót cho tôi mà cũng đau xót cho các ông. Chúng ta đều là dân Việt cả, cùng một bọc mà ra, cùng mưu đồ cho nước thái dân an. Dòng máu chảy trong tôi cũng là dòng máu chảy trong các ông. Tôi đau đớn vì các ông, thì các ông vui sướng chi. Các ông muốn gì xin cứ hỏi. Tôi là người tục, từng chống thực dân, chống cộng sản, tôi xét*

mình không làm gì phản đạo, phản dân, thì sự thật tôi nghĩ sao, tôi làm gì, các ông hỏi đến đâu, tôi trả lời đến đấy, cần gì các ông nhọc công làm đau đớn xác thân tôi, » Họ nghe xuôi tai, không ra oai làm đau tôi trước khi hỏi. Điều tra viên buộc tội tôi thân Cộng, chứng cứ là người trong đạo thường nói đến « *hòa bình chung sống* », một khẩu hiệu của Cộng sản. Tôi đáp :

« Chúng tôi nói đến *hòa bình chung sống*, chứ đâu có nói « *sống chung hòa bình* » như Cộng sản. Phải thật lòng chuộng hòa bình, phải cố sức tạo hòa bình, có hòa bình rồi mới cùng nhau chung sống để giúp đỡ nhau, thương yêu nhau mà xây dựng cho đất nước đã quá điêu linh, rồi xây dựng cho nhân loại. Chớ còn Cộng sản đưa hai tiếng « *sống chung* » trước, để hai tiếng « *hòa bình* » sau, là họ muốn sống chung với ta trước, trong khi họ đầy ác ý, đầy bạo tàn, muốn ai ai cũng cúi đầu vâng lịnh họ, thì hai tiếng « *hòa bình* » nằm sau chỉ là bánh vẽ ! Ông coi đó : chủ trương « *đạo* » của chúng tôi trái ngược hẳn với chủ trương « *đảng* » của họ mà ! » Ông ta nghe xuôi tai, dẹp « *đồ nghề* », mà tử tế hỏi cung tôi.

Nhắc lại thời họ Ngô, tôi liền tưởng đến Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia chống ông Diệm, khi ông mới ló cựa độc tài, chín năm về trước, và sự tan rã mau chóng của Mặt trận này, trong đó Hộ pháp Phạm-Công-Tắc và lực lượng võ trang Cao-Đài đóng một vai trò quan trọng.

— Thưa bác, hai tướng Trịnh-Minh-Thế và Nguyễn-Thành-Phương, đem quân về giúp ông Diệm vào lúc quyết định, bác có biết vì sao ?

Một tiếng thở dài :

— Tôi nghĩ rằng có lẽ hai ông ấy cũng có lí do của hai ông, nhưng lịch sử sau này tất sẽ phê phán hành động của hai ông.

— Chắc đức Hộ pháp rất buồn.

— Lẽ tự nhiên, vì hai người thân cận của mình bỏ ra đi là một điều làm Ngài khổ tâm nhất.

— Theo bác, nếu hai tướng ấy vẫn ở trong Mặt trận, liệu có thắng được ông Diệm chăng ?

Hai mắt người tu sĩ này bỗng ngời lên :

— Việc ấy, chỉ có Trời mới biết. Chớ chúng ta là người phàm, thì chỉ có ức đoán mà thôi.

Tôi đành để yên quá khứ, mà tìm hiểu hiện tại.

— Bác có thể cho biết mối lo lớn nhất của Hội Thánh bây giờ ?

— Cũng như các anh em bên Phật giáo, bên Hòa-Hảo, chúng tôi đang bận tâm nhiều về việc củng cố lại hàng ngũ đã rã rời phần nào sau một thời kì thị tôn giáo, để đi đến sự thống nhất các chi phái.

— Thế mà người ngoài lại nghĩ rằng hiểm họa Cộng sản ở ngay bên mình là mối lo lớn nhất của các tôn giáo, ở trên thế giới cũng như ở tại nước nhà. Nhất là đối với Cao-Đài và Hòa-Hảo, hai quốc đạo đã bị Cộng sản sát hại một cách thảm thương, và đã từng võ trang để bảo vệ lấy mình...

— Anh em Hòa-Hảo với chúng tôi đã từng điều đứng vì thực dân Pháp, đã chống lại sự xâm lăng của họ, mà sau

lại phải dựa họ, cầm súng kháng cự lại với Cộng sản lợi dụng danh nghĩa kháng chiến để giữ gìn mỗi đạo, là chuyện vạn bất đắc dĩ. Nhưng xưa một thời nay một thời. Không bao giờ chúng tôi tự võ trang nữa. Làm sao cho nội bộ không còn xích mích, làm sao cho giáo lý thiên hạ một nhà của đức Chí-Tôn được sáng tỏ, làm sao đoàn kết thật sự hai triệu rưỡi đạo hữu thành một lực lượng tinh thần bất-khuất, đó cũng là một cách « chống » lại hiệu quả lớp đồng bào chỉ biết có sức mạnh của vật chất, của bạo tàn, và của xảo trá. Rồi liên minh cùng các tôn giáo khác.

— Thưa bác, giải quyết các chỉ tiêu của Hội-Thánh, cũng là một mối lo...

Ông cười.

— Dĩ nhiên... « Có thực mới vực được đạo ! » Mỗi năm, trung bình, hội Thánh phải chi tiêu trên bốn triệu bạc. Thời Ngô triều, chúng tôi bị khó dễ đủ điều, việc đóng góp của đạo hữu ở các tỉnh gởi về cũng gặp khó khăn; tiền hoa chi bảy cái chợ, Ngô triều lấy hết.

— Tiền hoa chi chợ Long-Hoa hẳn là khá nhiều.

— Một trăm bốn chục ngàn đồng.

— Chánh phủ cách mạng vừa trả lại chợ Long-Hoa, chắc rồi nay mai đến phiên sáu chợ kia. Hẳn là thời « đen tối » của đạo sắp hết.

— Thật ra « nó » hết ngay khi Ngô triều dền tội với quốc dân. Trước, chúng tôi ở đây phải bữa cơm bữa cháo, nay thì ngày hai bữa toàn cơm !

Tiếng cơm gọi tiếng ăn ; tôi hỏi :

— Hồi nãy, bác có nói : « Có thực mới vực được đạo ». Người giúp việc cho hội Thánh có thực mà người theo

đạo « thiếu ăn », thì e khó bề mà bình được đạo như ý muốn vì cái gốc của tôn giáo là tín đồ, cũng như cái gốc của đảng phái là quần chúng.

Ông gật gù.

— Chúng tôi luôn luôn quan tâm đến việc mở mang dân sanh, cố đi đến chỗ sao cho đạo hữu ai cũng có công ăn việc làm, khỏi chật vật vì chén cơm manh áo, được thể mới vững lòng mà chăm việc tu hành. Tiếc thay, hoàn cảnh loạn li của đất nước cùng sự hà khắc của chế độ cũ chưa cho chúng tôi phương tiện đầy đủ và an ninh cần thiết để khai thác lâm sản, khai khẩn ruộng nương...

— Đó là phần đại qui mô, còn như ở nông thôn, trong ấp..., chắc cũng có tổ chức để mà tương trợ nhau ?

— Đã có thập gia liên bảo với liên gia trưởng trông nom.

Sự tương trợ khá đặc lực.

— Ngoại ô châu thành Tòa Thánh toàn là đạo hữu. Vậy chẳng hay tình đồng đạo có đến mức chẳng trộm cắp, không oán thù ?

— Trước 1945, đạo hữu ở đây chưa quá đông, cuộc sống có phần êm thấm, nhưng từ cuối 1945, loạn lạc bắt đầu, đồng bào tứ xứ thấy Thánh địa được an ninh, lại có cơ sanh sống được, bèn ùn ùn kéo đến lập nghiệp, vô đạo. Do đó mà có những phần tử xấu xa len vào.

Biết sao giờ. Lúa trúng, thì có lép.

— Xin hỏi bác một chi tiết về Y-viện. Viện này có tìm tòi về thuốc ta chăng ?

— Có. Viện nghiên cứu các toa thuốc Nam gia truyền để rồi bào chế cho

đồng bào dùng. Cũng có một ban thường lên núi tìm thuốc Nam. Thuốc Nam ở Y-viện chúng tôi nhiều hơn thuốc Tây, chú em còn muốn biết gì về Y-viện nữa không? Viện này cũng như Nông viện và Học viện, thuộc về phái Thượng chúng tôi trông nom.

—Dạ, hỏi về thuốc men, thế cũng đủ. Giờ, xin hỏi bác về thành phần tín đồ.

Có phải đa số là nông dân?

— Có thể cho nông dân chiếm đi 50 %, lao động : 30 0/0, còn 20 % dư lại là thương gia, điền chủ, trí thức.

Gần mãn giờ làm việc. Cần ghé lại viện để biết vài con số, và chiều còn ra tỉnh lị gặp ông tân Tỉnh-trưởng, thiếu tướng Lê-Văn-Tất, người trong đạo, lưu vong ở Cao Miên, từ 1956, hồi hương chưa được bao lâu. Tôi xin một bức thư giới thiệu, ông sốt sáng bảo người đánh máy. Trong khi chờ đợi, ông tiếp tục chuyện trò :

— Có lắm cái huyền diệu trong Đạo, nói ra hai chú khó tin. Phải chính mình gặp, mới tin. Hai chú em biết không, việc Cộng-sản với chúng tôi, Thầy đã giảng cơ nói từ lúc đạo mới lập. Để tôi đọc cho hai chú em nghe.

Và giọng ông sang sảng, say sưa :

Lưỡi liềm chi để sánh kim câu,

Gậy sọ bởi ai tạo buổi đầu.

Đông Hải mệnh mỏng còn phải càn



Tòa Thánh Cao Đài—Với một chiếc sắc cao cấp Cao Đài

Tây Hồ chật hẹp có bao sâu.

Tài ba Động Bích bao nhiêu phép,

Huyền phép Côn-Lôn sẵn mấy bầu .

Muốn biết cuộc cờ ai thắng bại

Chỉ xem Tiên, Phật hướng về đâu.

Rồi ông ngâm tiếp một bài cơ bút khác, trong đó có nói đến việc Phật Di-Lạc sẽ xuống trần.

Người thư kí đem thư đánh máy lại. Ông xem qua, kí tên, rồi đưa cho tôi. Tôi đọc bằng mắt, ngừng hơi lâu ở mấy chữ *anh lớn...* Ông nói : « Chúng tôi xem nhau như con một cha, và gọi nhau là anh em cả. Dầu người nào có nhận chức sắc to đến đâu, người trong Đạo cũng xem như là người anh lớn nhất của mình, và sẵn sàng nghe lời chỉ, dạy». Bặt tay từ già, ông còn nói với : «Nếu dân Sài-Gòn có ngân cá, thịt, thì chú lễ sanh mời dùng một bữa cơm chay nghèo chung với anh em.»

(Còn tiếp một kì)

NGUYỄN-NGU-Í

NHẮN TIN

Em Nguyễn-Châu Anh Bửu còn nhuận bút 4 bài thơ và 1 bưu phiếu gửi đi ngày cuối năm (về H.T. 58 Đà-Nẵng) gửi trả về tòa-soạn. Vậy Châu cho địa chỉ chắc chắn để tòa soạn gửi trả số tiền đó. Thơ Bửu còn lại sẽ đăng sau.

Anh Thái-Tú-Hạp Sẽ đăng « Hận chiến » trong số tới. Các bài khác sẽ góp ý sau. Cho địa chỉ ở cuối thư hoặc thơ để rõ. chỗ đóng mới, tiền liên lạc.

Anh Thanh-Thuyền Anh còn nhuận bút 3 bài thơ, (kể cả bài ở 175, số này) mong cho địa chỉ tên thật để khi tiện gửi cùng một lượt với các bài khác.

X.H.

Ông Nguyễn - Văn - Thiệu (Quy-Nhơn) đã nhận được thư của ông. Xin ông cho biết địa chỉ hiện tại để trả lời thư riêng.

Sách Báo Mới

Bách - Khoa đã nhận được :

Phương pháp Tân-dưỡng sinh nguyên bản của Sakurazawa Nyōichi, do A. M. Ngô-Thành-Nhân và Ngạn Ôn dịch ; Anh-Minh xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 230 trang, bản đặc biệt không đã giá.

Tề Thiên Đại Thánh truyện dài bằng tranh các tập 1, 2, 3-4 phụ bản của nhật báo Buổi sáng phát hành và gửi tặng. Giá mỗi tập 1\$.

..

Trân trọng cảm ơn các tác giả, soạn giả, và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách-Khoa.

NHẬT BÁO THÌ QUÁ NHIỀU, MỖI NGÀY BIẾT CHỌN ĐỌC TỜ NÀO

CÂU HỎI TRÊN ĐẶT RA MỘT SỐ TIÊU CHUẨN
ĐỂ CHỌN BÁO ĐỌC ĐƯỢC — ĐỌC ĐƯỢC NGHĨA LÀ :

- Trước hết, không có hại cho vợ, con trong gia đình về đạo-đức.
- Báo phải có văn-đề, có bàn luận thời cuộc chứ báo không hoàn-toàn là một thứ giải trí vô-bổ.
- Báo phải có nhiều tin, nhưng phải là tin có thể « tin được ».
- Báo phải tranh đầu cho Dân, dám ăn, dám nói, dám tin ở sức mạnh của ngòi viết.

Nhật báo NGƯỜI VIỆT TỰ DO

THỰC CÓ ĐỦ MỌI ĐIỀU NÓI TRÊN
ĐÓ LÀ TỜ BÁO MÀ CHỒNG CŨNG ƯA,
VỢ CŨNG THÍCH CON CŨNG HAM

Bạn thử đọc một số xem !

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Dinh-Phung

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

- Mua dài hạn Bách-Khoa
- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó

— trả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

● Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chỉ phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

Nhà xuất bản SÁNG-TẠO đã cho phát hành 4 tác phẩm mới :

TRÁI CÂY ĐAU KHÔ

Doãn-Quốc-Sỹ

tập kịch thần thoại 140 trang : 40đ

BƠ VƠ Minh Đức, Hoài Trinh

truyện dài 220 trang 52đ

GÌN VÀNG GIỮ NGỌC

Doãn-Quốc-Sỹ tập truyện ngắn
xuất bản lần 2 — 170 trang 44đ

KHUÔN MẶT

Thanh-Tâm-Tuyền truyện ngắn,
160 tr. 40đ.

«... vòm trời vàng vạc đỏ xuất
hiện như một khoảng xanh cần thiết »

Thanh Tâm Tuyền

Một người đàn bà thông minh đã
hoàn toàn Việt hóa khuôn mặt tình
yêu Tây Phương

Cao sang quyền quý hay mộc mạc
nghèo hèn đều được thánh hóa trong
hương tình yêu và hương nhân loại.

Khuôn mặt thâm hại của tình yêu
và một tuổi trẻ.

ĐÓN ĐỌC

TIẾNG HÁT TỰ LÒNG ĐẤT

DOÃN QUỐC SỸ

Tiếng hát của trăng và sương khuya thồn thức bốc lên từ
lòng đất ghi nhận sự bất tuyệt của tình quê

BẢN QUÝ CỦA NHỮNG TÁC PHẨM TRÊN GIÁ THỐNG NHẤT 100đ

Thư từ liên lạc xin đề : Doãn Quốc Sỹ 335/60B Thành Thái Chợ lớn

- Một người đàn ông chỉ gặp người đàn bà một lần đã yêu đến nỗi
dám ôm quan tài người ấy chìm xuống đáy biển ;
- Một cô bé 13 tuổi yêu đến nỗi hôn trên nắm cửa mà người yêu
sờ tay đến, lợm từng mẩu tàn thuốc mà người yêu vứt ra ;
- Một người yêu đến nỗi vợ đã bỏ đi làm đi vẫn cứ leo đèo theo như
con chó đói bên giường vợ.

NHỮNG MỐI TÌNH CUỒNG SI MAN DẠI
NHƯ THỂ CHỈ CÓ THỂ THẤY Ở :

NGƯỜI CUỒNG MÃ LAI

Truyện của Stefan Zweig — bản dịch của TRẦN ĐÌNH KHẢI
do **THỜI MỚI** xuất bản ; 200 trang giá 50\$

TRONG GIA-ĐÌNH EM-AM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có

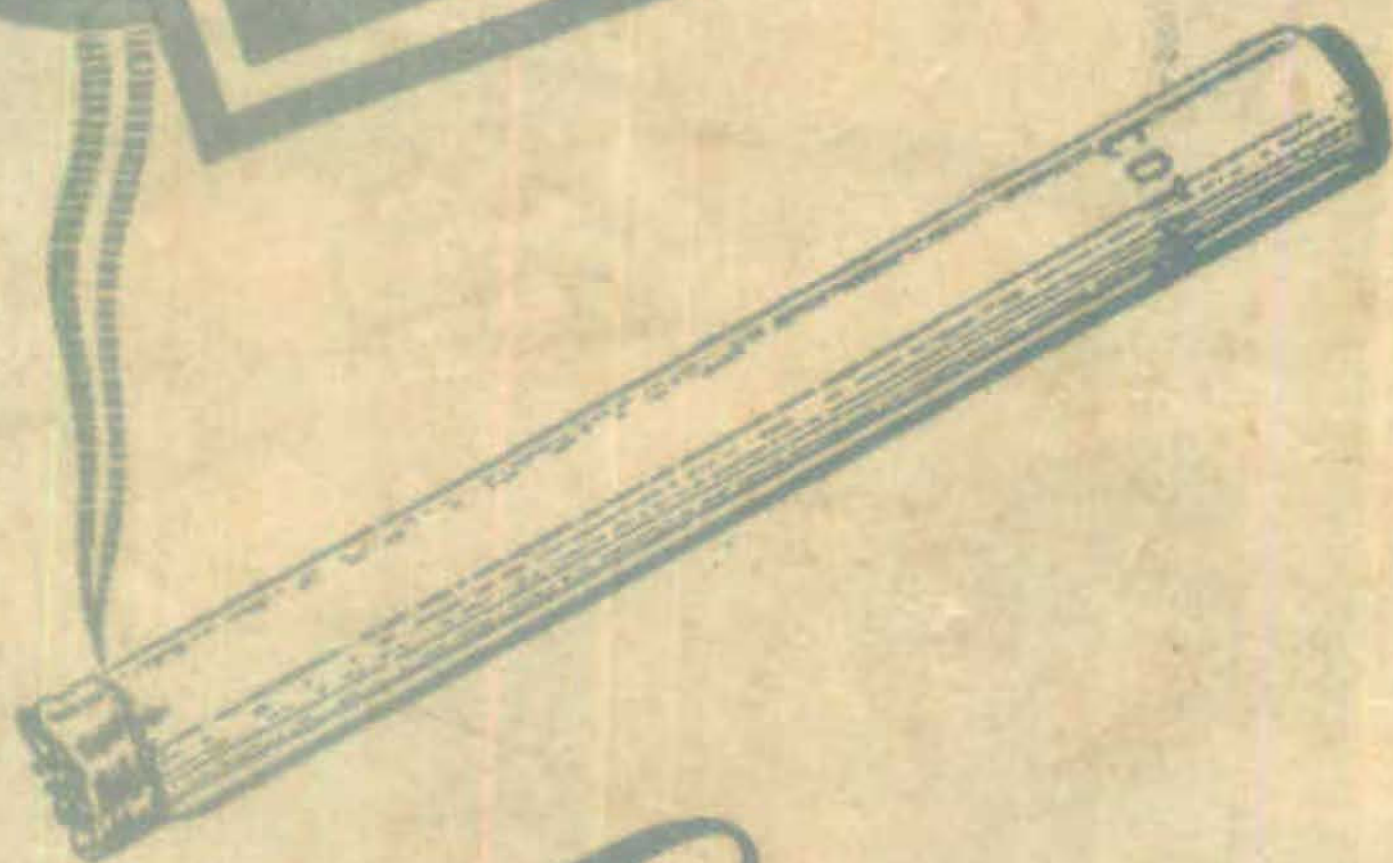


NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai **HÒA TIỀN !**

COTAB



Cigarettes

VIRGINIE